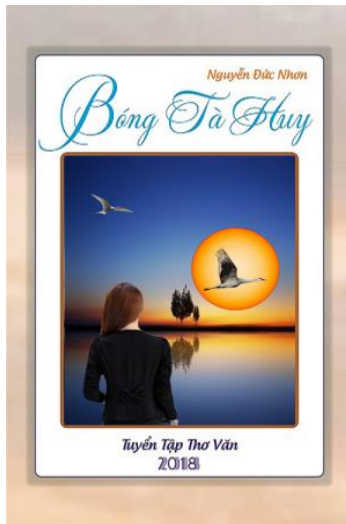




Bóng Tà Huy
Tuyển Tập Thơ Văn

Nguyễn Đức Nhơn
2018

Trình Bày
Nguyễn Đức Nhơn

In Ấn
Mr Print Ấn Quán

Trầm Hương
Xuất Bản

Printed in The United of America
Copyright@2018 by Nguyễn Đức Nhơn
Nguyễn Đức Nhơn 2

Bóng Tà Huy

Tưởng Nhớ Song Thân:
Nguyễn Văn Tường
Nguyễn Thị Quán

Cho Hiền Thê:
Lê Thị Kim Yến
Và Các Con

Tráng Sĩ

Cát bụi biên cương mòn vỏ ngựa
Tóc râu một bóng nhuộm tà huy
Tráng sĩ chỉ trời vùng kiếm báu
Hùng tâm tráng khí mờ chân mây

Biên cương hê! đêm sâu hun hút
Sa trường gió lộng thổi mù sa
Tráng sĩ giật mình khua kiếm trận
Nghe trong gươm giáo khúc tình ca

Trời Nam một dải mù sương khói
Chiến trường mong da ngựa bọc thây
Tráng sĩ trời Nam hê! Tráng sĩ!
Hồn thiêng sông núi vẫn còn đây

Tráng sĩ mơ về con phố nhỏ
Có người thiếu phụ bông con thơ
Tựa cửa chờ chồng nơi chiến địa
Tháng ngày qua như chiếc thoi đưa

Cát bụi sa trường mù mịt bay
Vang vọng đất trời vỏ ngựa phi
Tráng sĩ Trời Nam hê! Tráng sĩ!
Ngàn năm sông núi vẫn còn đây.

Nhớ Quê

*Chiều lên buồn nhớ quê hương
Nhớ con phố nhỏ em thường thường qua
Nhớ vàng rắng nắng chiều pha
Nhớ đàn cò trắng bay và nhớ em.*

*Chiều lên con phố im lìm
Bỗng dưng nhớ tiếng chim bìm bịp kêu
Bỗng dưng nhớ buổi cơm chiều
Dưới giàn hoa lý gió dịu dịu đưa*

*Chiều lên ngồi ngó vu vơ
Ngó con dốc nhỏ nằm chờ xe qua
Bỗng rưng rức nhớ quê nhà
Nhớ bày đom đóm lập lòe đêm đông*

*Chiều lên ngồi nhớ hương đồng
Nhớ bờ tre tiếng chim còng cộc kêu
Nhớ đêm nghe tiếng sáo diều
Nhớ hàng so đũa lá điều hiu rơi...*

Biển

Em Và Tôi

*Biển quê tôi muôn đời ôm bóng nắng
Còn cát nằm phơi ngực trắng quanh năm
Cũng có lúc biển vô tình dậy sóng
Mây bốn mùa theo gió núi về thăm*

*Em xa vắng có nhớ mùa hạ biển
Thành phố buồn vẫn đợi bước chân em
Biển Cali mỗi lần nghe sóng vỗ
Có làm em nhức nhối buồn tim?*

*Nhớ những lúc xôn xao mùa biển động
Lũ học trò vắng bóng những chiều hôm
Tôi và em vẫn thì thầm trong gió
Đợi đêm về nghe sóng vỗ triền miên*

*Em yêu dấu có bao giờ em khóc
Khi cuộc đời là hai ngã chia ly
Tôi và em xa nửa vòng trái đất
Biển mũi lòng thương kẻ ở người đi*

*Thôi em nhé vốn là loài chim biển
Chim vô tình cánh bạc vỗ bờ xa
Biển và tôi đã mấy lần bật khóc
Biển muôn đời vẫn dạo khúc tình ca.*

Bến Đợi

*Sông nước chiều thu gợn sóng buồn
Mây trời bảng lảng, bóng chiều buông
Thuyền em đỗ bến phương nào nhỉ?
Có nhớ quay về thăm cố hương?*

*Lầu nước buồn hiu đứng đợi em
Bến xưa chiều xuống phố lên đèn
Thuyền đi bỏ lại dòng sông vắng
Bỏ lại bao mùa trăng ấm êm*

*Chiều xuống Mường giang nước lững lờ
Mấy mùa sương khói dệt thành thơ
Màu hoa phượng thắm đâu rồi nhỉ?
Chỉ thấy hoa tàn rơi xác xơ*

*Thuyền đi, đi mãi không về bến
Cốc rượu giang hồ cũng ngấm say
Có biết bao mùa hoa phượng nở?
Và biết bao mùa hoa trắng bay?*

*Tượng đá điêu hiu đứng đợi ai
Bến xưa ngày ngắn nhớ đêm dài
Người đi - đi mãi - người đi biệt
Có biết trên đầu tóc lén phai!*

Bóng Thời Gian

*Hưng phé ngàn năm giấu mặt
Cổ kim luận tội anh hùng
Trái đất ngàn năm què quặt
Sao khuya rớt giữa muôn trùng*

*Hình nộm mặc áo long bào
Xua tay đuổi bầy nga quý
Mặt nạ ngàn năm giấu kỹ
Bùa mê rải khắp tinh cầu*

*Mặt đất khép kín hà đồ
Lạc hồn bùa mê thuốc lú
Ngâm ngải đi tìm quá khứ
Rừng xanh áo vải khăn sô*

*Tượng đá cúi mặt ngủ vùi
Hình như một lần mở mắt
Cát sỏi bầm gan tím mật
Giật mình khép vội con người*

*Trống đồng phù điêu bỏ phé
Hưng vong tuổi đất dậy thì
Nhật nguyệt ô đề bạch thổ
Lần tay tính tuổi sao Vi.*

Thu Mơ

*Quanh ta trời đất chuyển mùa
Gió thu lại trở về khua lá vàng
Sông buồn vắng chiếc đò ngang
Hóa ra cuộc rượu đã tàn từ lâu!*

Nguyễn Đức Nhơn 9

Đường Vắng

Ta ngồi trên lưng ngựa
Mang kiếm sét giày cùn
Gỗ nhịp trên đường vắng
Bóng chiều bay mờ lung

Lũ quạ xòe cánh mỏng
Lượn quanh bờ chiến hào
Quạ kêu vang rừng núi
Còn tanh mùi binh đao

Rừng giáp rừng hiu quạnh
Ta hát bài sơn ca
Núi rừng vang tiếng vọng
Chim giạt mình bay xa

Cũng bày trò chiến quốc
Cũng hợp tung liên hoành
Bủa vây trùm trời đất
Trò chơi còn mới toanh

Con ngựa già đuổi sức
Ta thấy lòng quặn đau
Con ngựa già ngã gục
Ta nát cả tâm bào

Ta lột giày vắt kiếm
Ném mũ cỡi chiến bào
Một mình trên đường vắng
Ta và ta dịu nhau

Ta cười vang cười ngất
Bầu rượu cạn từ lâu
Bỗng dưng ta muốn khóc
Khóc đến tận ngàn sau!

Sau Mùa Chinh Chiến

Anh bỏ đi rồi tôi ở lại
Chờ bao oan nghiệt trút lên đầu
Tôi vẫn đứng giữa một trời ly loạn
Tàn chiến chinh mùa nắng lửa mưa dàu

Chiều hun hút giữa rừng thiêng nước độc
Đêm uy linh nhồn nhợn tiếng ma Hời
Máu từng giọt no say bầy muỗi đói
Tôi bỗng sồn da, bỗng rợn người

Đêm về lạnh lẽo đêm Cà Tót *
Hiu hắt mưa khuya tạt chiếu nằm
Núi rừng vây hãm người thua cuộc
Vẳng vẳng từ xa tiếng hổ gầm

Những bước chân đi thật nảo nề
Mây mù che kín nẻo sơn khê
Bao nhiêu chiếc bóng vô hồn ấy
Sáng sớm ra đi chiều lại về

Rồi lại bao mùa nhớ đến ai!
Rồi lại bao nhiêu tiếng thở dài
Cái gô và chiếc quần bao cát
Nó lại cùng ta đứng giữa trời!!!

* Địa danh khu rừng nguyên sinh
giữa Bình Thuận và Lâm Đồng

Trời Cuối Thu

*Đêm cuối thu trời se se lạnh
Chợt nhớ đêm nào ta với em
Dịu nhau qua con đường làng nhỏ
Vai em mềm ướt đầm màn đêm*

*Em còn nhớ thuở mình quen nhau?
Cuối trời thu hoa lá đổi màu
Đôi mắt em buồn sâu thăm thẳm
Nhót hờn anh trong sóng mắt nhiệt màu*

*Đêm huyền diệu nụ hôn đầu chất ngát
Vòng tay ôm kín cuộc tình đầy
Lửa tình đốt nóng ran lòng ngực
Giọt lệ buồn rưng rức buổi chia tay*

*Thôi em nhé nụ hôn đầu trả lại
Cho gió sương trời đất chuyển mùa
Trăng đêm nay trắng mờ đêm nguyệt tận
Gió đêm về hiu hắt ngọn đèn khuya*

Điền Gia Lạc

“bạch đầu nhân túy
bạch đầu phò, điền gia lạc”*
cái thú điền viên
hai thằng đầu bạc
bê rượu ra sân
chén tạc, chén thù
ngửa mặt lên trời
cười đến ngất ngư
xem thế sự
chơi trò chơi máu lửa!

cạn chén đi anh
bạn mình say một bữa
để thấy đời còn đẹp biết bao!
mái tóc hai thằng
bạc trắng như nhau
như những đám mây chiều
trôi lãng đãng
đàn vịt rĩa lông trên bờ ao cạn
đàn gà con bươi rác sau hè
chạy quanh sân
đàn trẻ nô đùa
giàn bầu, mướp
cũng đơm hoa, nở nhụy
cạn đi anh
bạn mình say túy lúy
để nghe đất trời
thở nhịp thiên nhiên

hãy quên đi
những chuyện nào phiền
mà uống cạn chén đời
trong mộng tưởng
tôi đâu phải
kẻ hăng tâm, hăng sản
mà chỉ là thằng
khó rách, áo ôm
mượn chiếc cần
ngồi câu áo, câu com
đâu có ôm mộng lớn
chờ thời như Lã Vọng
đâu có chí lớn
vượt trùng dương
cõi sóng...
tôi chỉ là thằng con nít
sống lâu năm

còn anh?
thì cũng là thằng
lạc chợ, trôi sông
giả hiền sĩ gạt đời kiếm bữa
dựng lều chông
hai thằng nương tựa
bê rượu ra sân
hai đứa khề khà...
“bạch đầu nhân túy
bạch đầu phò, điền gia lạc”

cạn chén đi anh
bạn mình
chén thù
chén tạc
đời vui như mở hội đầu xuân
chén choáng men say
rượu ngọt lạ lòng
chiều xuống thấp
đẹp vô cùng anh nhỉ?

“gặp bạn hiền
rượu ngàn ly chưa phí”
ngất ngưỡng bên nhau
nói chuyện bao đồng...
khi trở về
có lợi suốt, qua sông
nhớ chống gậy mà dò sâu, cạn!
“bach đầu nhân túy
bach đầu phò, điền gia lạc!”

* Cổ thi.

Mơ...

*Ngồi nhìn con sóng vỗ bờ
Hồn ta dường cũng dật dờ phiêu du
Dáng em chừ đã biệt mù
Còn ta thì vẫn ngồi ru giấc chiều!*

Khách Lạ

*Khách về đây trời đất thanh thang
Gió mùa bắc thảng giêng lòng lộng thổi
Hàng dương liễu đón chào khách mới
Khách đường xa rũ áo phong trần*

*Khách về đây sông nước ngại ngừng
Con thuyền nhỏ chở đầy sóng gió
Trở về neo trên bờ bến lạ
Thuyền bập bênh giữa bến chiều hoang*

*Trên bờ kia ai mất ai còn?
Con phố cũng vắng người qua lại
Khách bỗng thấy cõi lòng tê dại
Đường trăm năm lẻ đá xanh rêu*

*Khói vàng ươm nắng ngả màu chiều
Con gió bắc cũng ngập ngừng lịm tắt
Bóng chiều đổ trên bờ vai áo bạc
Khách mân mê râu tóc, ngại ngừng...*

*Kìa nhà ai cửa khép lạnh lùng?!
Khách ngờ ngợ bước lần qua lối nhỏ
Con chó già ngủ vùi trước ngõ
Đàn gà con quẩn quýt sau lưng!*

*Khách băn khoăn chân bước ngập ngừng
Từng nhịp thở gõ đều trên nỗi nhớ
Kìa ai lạ? Khách sững sờ hỏi nhớ
Ai ngồi kia cúi mặt im lìm?*

Khách bàng hoàng, nghe máu ứa về tim
Hàng dương liễu cũng gục đầu thốn thức
Khách lặng lẽ quay về sông nước
Bến chiều xa khói cũng mơ hồ!

Ghènh đá ôm nhau ngọn sóng xô đùa
Con nhạn trắng bay đi lặng lẽ
Mùi hương lạ bỗng dừng lại nhớ
Bến bờ xưa đâu còn chút dư âm!

Khách trở về nơi bến đỗ trăm năm
Chống sào đợi tuổi già qua mái tóc
Đêm lạnh ngắt bến sông vàng trắng mọc
Thuyền lênh đênh trên nổi nhớ bập bênh.

Bến sông vắng lòng người cũng vắng
Sương giăng mờ bến cũ bóng đèn xưa
Trăng đêm nay trắng mờ đêm nguyệt tận
Gió đông về lạnh lẽo ngọn đèn khuya.

Tri Kỷ

Đâu còn sống được bao lâu nữa
Nên chẳng còn gì để luyến lưu
Ta như chiếc lá rơi ngoài ngõ
Chiếc lá thơm vàng, chiếc lá thu

Một mai em hồi ta về đất
Em có buồn không em hồi em?!
Thôi cứ để cho lòng thanh thản
Bận bịu làm gì chuyện thế gian

Ta vẫn biết đời ta là cát bụi
Rồi sẽ tan đi một sớm một chiều
Nếu có ai nhỏ giùm giọt lệ
Thì cũng chỉ là giọt lệ thôi!

Ta một đời trầm luân bể khổ
Mượn rượu giải sầu sáng xỉn chiều say
Qua bao năm sao đời vật đổi
Tay trắng vẫn còn tay trắng tay

Một mai nếu có người tri kỷ
Nhắc lại đời ta trong tiệc vui
Thì cũng chỉ là thêm men đắng
Cho nồng thêm cốc rượu vậy thôi

Đời cứ thản nhiên trôi, trôi mãi
Đâu biết chuyện gì theo phía sau
Đâu biết chuyện gì chờ phía trước
Đến lúc đụng đầu mới biết đau!!!

Chân Tu

*Một đời gổ đá rong rêu
Sóng tình chìm lắng giữa chiều hoang vu
Cạo đầu lên núi đi tu
Ủa sao tình vẫn rớt bù trong tim?!...*

Nguyễn Đức Nhơn 21

Thao Thức

*Đêm khuya khoắt tôi vẫn ngồi uống rượu
Vẫn thì thầm theo gió thổi hiu hiu
Vẫn lắng nghe từng cơn thỏn thức
Nhớ thương thăm người con gái tôi yêu*

*Tình đã chết từ khi còn đi học
Lặng nhìn theo tà áo gió tung bay
Tà áo trắng ngày xưa không trở lại
Tôi ghen ngào trên nỗi nhớ khôn nguôi*

*Đời phẳng lặng như hồ thu vắng gió
Sao lòng tôi lại nổi phong ba
Mối tình đầu người nào cũng có
Chỉ mình tôi buồn khóc buổi chia xa*

*Em hỡi em, giờ em ở đâu
Để mình tôi ngồi đếm lá thu sầu
Em có biết nơi nghìn trùng xa cách
Có một người thao thức suốt canh đầu.*

Nhớ Y Uyên

*Rừng chồi im phăng phắc
Ta một bóng xiêu xiêu
Vai trần chân bám đất
Nặng một gánh đau hiu*

*Kéo kịt trên đường mòn
Ngõ về xa hun hút
Bóng của buổi chiều tà
Đuôi theo ta bén gót*

*Ngang qua đôi Nora
Ngậm ngùi bao kỷ ức
Một sáng nào năm xưa
Anh già từ chiến cuộc*

*Một dặm đường anh qua
Bỏ sau lưng một kiếp
Chiều nay ngồi trên đồi
Ta nghe buồn da diết*

*Tựa lưng gốc cây già
Ngủ vùi trong mộng寐
Chợt bóng anh hiện về
Cùng ta ngồi uống rượu*

*Ta tựa mình ngơ ngác
Nhìn quang gánh hững hờ
Con dốc dài trở giấc
Thở khói chiều lừa thừa*

*Ta lặng lẽ lên đường
Mấy mùa phơi râu tóc
Nhuộm trắng cả mái đầu
Trong nỗi buồn se sắt*

*Ta ngó về phương xa
Từ một nơi vô định
Con chim trời bay qua
Ta rùng mình ớn lạnh.*

Nợ Tình

*Vàng dương thoi thóp bên đồi
Tình ta cũng chết từ hồi sơ sinh
Em như con bóng theo hình
Đuổi ta suốt cuộc hành trình về xuôi...*

Nguyễn Đức Nhơn 25

Huế

Em

Và Tôi

*Tôi đến đây giữa mùa hoa phượng nở
Nên sân trường đẹp mãi trong tôi
Thành phố Huế sớm mưa chiều nắng
Đò sông Hương vừa ngủ vừa trôi*

*Có những buổi hoàng hôn êm ả
Tôi thần thờ trên bến Vân Lâu
Nhớ thương ai câu hò vĩ dặm
Thuyền ai kia tách bến về đâu?*

*Và những chiều mưa rơi tí tách
Từng giọt buồn xé nát con tim
Tôi cũng muốn làm cây phượng vĩ
Che mái trường và che cả vai em*

*Em có biết ngoài kia vùng lửa đạn
Ngày mai này tôi sẽ ra đi
Thành phố Huế lắm mưa nhiều nắng
Che giùm tôi mái tóc xuân thì.*

*Tôi ra đi không hẹn ngày trở lại
Em học trò áo trắng có yên vui?
Tôi cũng một thời yên vui đèn sách
Nhưng xa rồi em bé nhỏ tôi ơi!*

*Tôi là lính với chiến trường bom đạn
Em học trò với nét đẹp văn chương
Em nhớ nhé, viết giùm tôi đoạn cuối
Với cuộc tình tôi, một thuở yêu đương!*

Nguyễn Đức Nhơn 27

Băn Khoăn

*Vàng trắng khuya sắp lặn rồi
Ta như cánh lá một đời xác xơ
Lòng ta sao cũng mù mờ
Biết đâu người ấy còn chờ bên kia!...*

Bóng Tà Huy

*Chán chường phố thị đèn hoa
Rủ em lên núi ngắm tà huy rơi
Quanh ta chỉ có đất trời
Và em và những nụ cười hồn nhiên*

*Nắng chiều ngã xuống vai em
Hoàng hôn chấp chới bên triền núi xa
Nghe từng sói thét làn da
Ngất ngây trong bóng chiều tà huy rơi.*

Nỗi Buồn

Thiên Thu

*Em ngồi, tôi đứng nhìn nhau
Buồn vui lẫn lộn lẫn tao ngộ này
Em ngồi, tôi đứng nhìn mây
Tóc em xoắn, tóc tôi bay ngược trời*

*Gió mùa khói lộng mù khơi
Nhấp nhô bờ mộng chiều rơi giọt buồn
Bên bờ liễu phủ mờ sương
Bóng em khuất, bóng tà dương nhạt màu*

*Ngồi nhìn con nước trôi mau
Trái tim rỉ máu còn đau trong mình
Mấy mùa sương khói qua nhanh
Cuộc từ ly ắt sẽ thành thiên thu!*

*Tóc mây đen, trắng hai màu
Tôi ôm mộng thuở ban đầu mà vui
Chiều nay tháng chín mùa vơi
Se se ngọn bắc à ơ giọng hò...*

*Dòng sông, bến nước, con đò
Tiếng ai còn vọng bên bờ liễu buồn
Ráng trời nhuộm đỏ chiều hôm
Trắng hoa bờ giậu cánh chuồn chuồn bay*

*Mịt mù bóng nhận chân mây
Ngàn thu ắt nỗi buồn này khôn nguôi*

Mùa Lá Đỏ

Một ngày hoa lá rơi đầy ngõ
Em trở về thăm lại phố phường
Tôi đã yêu em từ dạo ấy
Khi tuổi đời vừa nở nụ yêu đương

Em cũng yêu tôi từ dạo ấy
Nhưng tình vội đến vội chia xa
Em đứng nhìn tôi dòng lệ ứa
Ngăn lại làm gì giọt lệ sa!

Cổng trường khép lại cuộc yêu đương
Tôi cũng ra đi vụn vỡ buồn
Từng bước chân đi từng bước nhớ
Thôi rồi chấm hết một mùa thương!

Từ đó mỗi lần hoa lá đỏ
Là mỗi lần nhớ quá cổng trường xưa
Em có biết nơi phương trời xa thăm
Có một người lặng lẽ bước trong mưa

Tôi ở nơi nào em biết không?
Đời tôi như chiếc lá mùa đông
Lặng lẽ bốn mùa bay theo gió
Ngăn lại làm gì ngọn bắc phong!

Rồi lại một chiều hoa lá đỏ
Có người mang đến một tin vui
Tôi xem thiệp cưới mà như đã
Bóp nát tim mình cho máu rơi

*Thôi rồi em hồi vui mùa cười
Nhớ lại làm gì chuyện trái ngang
Tôi như hoa lá rơi đầy ngõ
Chôn chặt cuộc tình đã dở dang*

*Từ đó đâu còn mong gặp lại
Nhưng tình quán quýt mãi không thôi
Tôi vẫn mơ về con phố nhỏ
Có một người giẫm nát trái tim tôi!*

*Ngày lại ngày qua tôi vẫn mơ
Mơ về phố cũ cổng trường xưa
Lặng lẽ trong tôi dòng lệ nhỏ
Cho hồn thấm đẫm một bài thơ*

*Em hồi làm sao tôi quên được
Một ngày trời đất nổi phong ba
Một ngày hoa lá rơi đầy ngõ
Mỗi bước ngập ngừng mỗi bước xa...*

Mùa Hạ Buồn Xa Xứ

*Ở đây không thấy hoa phượng nở
Và tiếng ve sầu rả rích kêu
Ở đây không thấy vàng trắng tỏ
Soi bóng trên hồ nước tịch liêu*

*Ở đây mùa hạ nắng chang chang
Vắng bóng người em bước dịu dàng
Cấp sách đến trường ngày hai buổi
Khoe tà áo mới đón thu sang*

*Ở đây mùa hạ nóng như thiêu
Vắng bóng em đi những buổi chiều
Vắng bóng em vin tà áo trắng
Thẹn thùng gió ngược thổi hiu hiu*

*Ở đây mùa hạ buồn da diết
Không thấy trăng tròn lúc mới lên
Không thấy những vì sao lấp lánh
Và tiếng gà tre gáy nửa đêm!...*

Ly Hương

*Mây che nửa mảnh trăng tròn
Vài ba năm nữa biết còn ta không?
Nhớ thương em bầu khóc ròn
Chân trời cố quận hết mong ngày về...*

Ông Lão

Lọm khọm bước lằn theo lối nhỏ
Ra ngồi trước cửa nursing home *
Ông lão nhớ một thời trai trẻ
Mộng đời uơng kín bờ môi thơm

Có những đêm chợ chồn trong mộng
Ông lão mơ về một chốn xa
Nơi những chiều ngồi bên quán cóc
Giữa phố phường đông đúc người qua

Ông lão nhớ Sài Gòn mưa rào
Nhớ cô gái xắm che dù màu
Nhớ hàng cây che nghiêng bóng nắng
Nhớ nụ hôn đầu lặng lẽ cho nhau

Ông lão buồn sờ râu sờ tóc
Mân mê vật áo chùng xanh lơ
Một chút lệ buồn trên khóe mắt
Âm thầm lặn xuống bờ môi khô

Ông lão biết đời là bể khổ
Nên thấy buồn mà chẳng chút băng khuâng
Ông nhớ quá Sài Gòn một thuở
Đôi mắt buồn rướm lệ ngó phương Đông...

* Viện Dưỡng Lão Ở Mỹ

Mùa Gió Bắc

*Mây trắng đùn quanh đỉnh núi Ông
Gió mùa đông bắc thổi buồn không?
Đồng khô một dải mù sương khói
Ta đứng nhìn quanh chợt chạnh lòng*

*Em hãy nhìn xem ngọn xã thôn
Muôn đời một bóng đứng bơ vơ
Đã biết bao lần mây trắng phủ
Và biết bao mùa gọi gió mưa*

*Chiều xuống ra đồi dương hóng mát
Ghé vào quán gió uống bia hơi
Hỡi ơi! Ngọn gió mùa đông bắc
Đã bao lần xé nát hồn tôi*

*Nôn nao ít bữa vui mùa tết
Gió bắc thổi về gió tháng hai
Bụi cuốn mịt mù con lốc xoáy
Trong âm vang nghe từng tiếng thở dài*

*Rời Phan Thiết còn nghe nhung nhớ
Cái buổi chia tay cũng nặng lòng
Sông Mương Mán ba chìm bảy nổi
Mấy ai quên dù chỉ ghé một lần.*

Núi xã thôn nằm về phía bắc Phan Thiết

Sóng Tình

*Bóng chiều ngã xuống sông Tương
Thuyền em rẽ bến về phương trời nào?
Sông buồn sóng gợn lao xao
Và ta sóng cũng dạt dào trong tim!*

Sau

Một Đêm Say

Sáng thức dậy bỗng thấy mình lạ hoắc
Sau một đêm trần trọc giữa cơn say
Đầu thì nặng như ngàn cân treo sợi tóc
Mà hồn thì nhẹ hều như gió như mây

Bước ra cửa thấy một ngày đổi mới
Bầu trời cao và những đám mây bay
Con chim khách đậu trên bờ giậu đỏ
Mà bìm dâu đã phủ kín bao ngày

Châm điếu thuốc khói tâng lờ theo gió
Mà còn nghe đâu đó chút hương thừa
Ta tìm mãi trong cõi đời hoang phế
Vẫn thấy mình còn lạ hoắc lạ hươ

Sờ râu tóc, râu thì dài tóc ngắn
Tóc lơ thơ từng sợi bạc trên đầu
Râu thì phủ năm chòm dài suôn đuột
Che nụ cười vừa chết đứng trên môi...

Khóc Tây Thi

*Mặt mừng đất Việt, trời Ngô
Lệ giai nhân chảy mờ Cô Tô đài
Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai
Ngùi trông cố quốc mơ ngày hồi hương*

*Chạnh lòng nhau lắm Ngô Vương
Đường trần một kiếp đoạn trường chia xa
Ngẩn ngơ ta lại nhìn ta
Đất trời mù khói can qua lạnh lùng*

*Bao năm cá chậu chim lồng
Chôn vùi nhan sắc, nghìn tâm sự buồn
Hong nhan nhi nữ tình trường
Làm thân con quốc kêu sương được gì!*

*Nghìn sau ai khóc Tây Thi
Cho ta góp một chút gì cho nhau
Lựa lời nói với gươm đao
Đừng đem máu lệ nhỏ vào thiên thu*

Gởi Cho Em

*Tháng ngày trôi như bóng câu cửa sổ
Sao em còn giữ mãi không buông?
Sao không để cho lòng thanh thản
Nhẹ nhàng bay như khói hoàng hôn.*

*Em có thấy từng năm, từng tháng
Êm đềm trôi như bóng chiều qua
Tôi và em, hai xác người chưa chết
Thì cần gì lặn hụp giữa phong ba...*

*Cứ để cho mặt trời buổi sáng
Và buổi chiều mọc lặn hồn nhiên
Em đã biết thế gian là cõi tạm
Sao còn chưa buông hết nỗi phiền?*

*Hôm qua chúng ta mừng năm mới
Hình như em có chút mùi lòng
Ta cũng biết dù năm cùng tháng tận
Cũng chỉ là nhịp thở của hư không.*

Khóc Sở Bá Vương

*Ngoảnh nhìn một dải giang sơn
Anh hùng mặt lộ đêm trường lệ rơi
Đem lòng trắc ẩn vì ai
Dòng Ô giang vẫn còn lại lóng tình!...*

Gởi Người Phương Xa

*Cho dù không gian ảo
Cũng đủ để yêu đời
Cũng thường đêm mơ thấy
Một bóng người xa xôi*

*Sài Gòn xa vạn dặm
Nhịp cầu nào đủ dài
Nói hai bờ nhung nhớ
Nói hai bờ đông tây*

*Đêm thường đêm mơ mộng
Vơ vẩn ngoài chân mây
Những vẩn thơ êm ả
Rót vào lòng đêm say*

*Nắng giữa chiều Dallas
Sao lạnh buốt tâm hồn
Cho xin một đóm lửa
Về sưởi ấm hoàng hôn*

*Bài thơ không đoạn kết
Gởi cho người xa xôi
Như đôi vầng nhật nguyệt
Như những vầng mây trôi...*

Hoàng Hôn

Trên Bến Nước

*Rồi một chiều lá vàng rơi lác đác
Em ra đi bỏ lại chút tình xưa
Tôi vẫn đứng giữa dòng sông bát ngát
Chiều lại chiều trôi mãi giữa hư vô*

*Vầng nhật nguyệt có mong ngày gặp lại
Từ trăm năm chờ biết đến bao giờ
Con nước lớn đã xuôi về biển cả
Dòng sông ơ có thấm lạnh đôi bờ?*

*Chiều xuống thấp mây trời trôi lững đờng
Trôi về đâu em có biết không em
Tôi lặn đạn một đời không bến đỗ
Ngày cuối ngày lặng lẽ bước qua đêm*

*Nhìn khói sóng hoàng hôn bay lảo đảo
Tôi đã say và em đã ra đi
Tôi và em hai phương trời cách biệt
Em cạn tình, tôi cũng cạn ly*

*Mượn men rượu cho vơi niềm tâm sự
Dốc Hồ Trường cho cạn chén ly tao
Giai nhân hê! Rượu hê! Say túy lúy
Khi say rồi ngày tháng cũng qua mau.*

Khóc

Nguyễn Tôn Nhan

*Mới ngày nào
Ở Đất Phương Nam
Vui thật vui
Bốn thằng ngồi tán dóc
Chuyện văn chương
Chuyện giang hồ
Ngang dọc
Vui thật vui
Mi hồi Nguyễn Tôn Nhan!*

*Sao hôm nay
Mi vội vã lìa đàn
Tao sưng sốt
Thương mày
Muốn rơi nước mắt
Ở bên này
Xa mi nửa vòng trái đất
Chỉ cầu xin
Mi thanh thản lên đường
Về cõi vĩnh hằng
Nơi không có tai ương
Không phiền não
Không bon chen
Như hạ giới*

Tội tao
Những thằng
Còn ở lại
Thương mày quá đời
Nguyễn Tôn Nhan!
Thôi từ đây
Thi hữu
Thi Đàn
Thiếu một thằng
Tài hoa hết mức
Thôi Nhan ơi!
Tao thực tình
Muốn khóc
Tiễn mày đi
Mì hời Nguyễn Tôn Nhan

Bên Khe

Suối Nhỏ

*Hiền như con nước cuối mùa
Re re chảy giữa đôi bờ quanh hiu
Ta ngồi ngó đám rong rêu
Mà nghe mình cũng ít nhiều đắng cay*

*Như con suối nhỏ nhoi này
Hai mùa mưa nắng chột đầy chột vơi
May còn đôi chút thanh thoi
Ngồi đây mà ngó đất trời vu vơ...*

Hoa Thời Gian

*Lãng xãng gần hết một đời
Như con lật đật đứng ngồi không yên
Một hôm chợt thấy ngoài hiên
Cánh phù dung vẫn còn nguyên trên cành!*

*Chiều hôm sóng vỗ mơ màng
Nhấp nhô bến cũ nhịp nhàng bờ xưa
Ta ngồi đợi mấy mùa mưa
Mà nụ hôn vẫn còn chưa nẩy mầm*

*Lênh đênh chiếc lá giữa dòng
Theo con nước lớn nước ròng về xuôi
Ta ngồi tiếc mãi khôn nguôi
Nghĩ thương chiếc lá vàng rơi cuối mùa*

*Còn lau chiều gió đông đưa
Đôi bờ bên nắng bên mưa cũng buồn
Dắt nhau về lại cội nguồn
Nằm nghe tiếng trống vô thường điểm canh*

Dòng Đời

Mong Manh

Chiều buồn ra hiên ngồi khốn (1)
Mắt mờ chẳng thấy được xa
Chỉ thấy con ruồi con muỗi
Đánh mùi bu lại quanh ta

Ngày vui từ lâu đã mất
Tang thương nhuộm trắng mái đầu
Giọt buồn trên môi và mắt
Động nhiều thì rớt vậy thôi!

Hắt hiu hai mùa nóng lạnh
Nghe buồn khô héo thịt da
Mặc tình cho mưa và nắng
Cuộc đời cứ thân nhiên qua

Gió sương lạnh hồn phiêu lãng
Mưa buồn giăng kín tâm tư
Một đời trầm luân bể khổ
Mộng còn chưa biết thực hư!

Biển nổi phong ba, biển động
Đất trời dường cũng ngửa nghiêng
Lạ gì trăng tròn trăng khuyết
“Thương hải biến vi tang điền”

Một ngày trôi qua lặng lẽ
Bóng chiều thở khói mong manh
Tóc xanh thương màu tóc trắng
Dòng đời một thoáng qua nhanh.

(1) Quê tôi gọi con khỉ là con khốn

Đêm Noel

*Đêm Noel ta ngồi như tượng đất
Lạnh ngoài trời lạnh cả trong tim
Chuông giáo đường buồn hơn tiếng nấc
Đêm thánh vô cùng, đêm thánh bình yên.*

*Đêm huyền diệu lung linh màu tuyết trắng
Buồn không em, lời sám hối ăn năn
Ta một đời lang thang cùng mộng寐
Chừ ngồi đây lòng bỗng thấy bồn khoăn!*

*Xin cho ta một vòng tay ấm áp
Ôm vào lòng giấc ngủ bình yên
Đêm Noel chuông giáo đường rộn rã
Ngồi bên em, em ngoan đạo, em hiền...*

Khúc Tình Ca

*Ngàn hoa tím nở giữa trời
Lòng ta cũng tím giữa đời phù hư
Nhạc lòng dạo khúc tương tư
Tái tê cung bậc, nát như ruột gan.*

Chào Thua

*Chập chòn nửa tỉnh nửa say
Nửa yên phận bạc nửa cay cú đời
Theo em suốt mấy năm trời
Chưa nghe em nói một lời yêu ta!*

*Biết em nửa chính nửa tà
Nửa nâng niu, nửa chà đạp nhau
Than trời trách đất được sao?!!!
Thôi đành ngả mũ cúi đầu chào thua!*

Texas Buồn

*mắc võng dưới tàn cây
ngủ vùi trên thế sự
bãi bể nương dâu
sáu mươi năm
mấy mùa lữ thứ
người lính già
gạt nước mắt đêm thâu.*

*khóc ải Nam Quan
khóc mũi Cà Mau
những mùa thu đi
gót chân rướm máu
điệu kèn tiến quân
tiếng thét gầm ma quái
trong rừng sâu
bãi bể
thị thành
chiếc poncho
gói xác người tình
thương quá đổi
ta bỗng thềm cốc rượu...*

mùa thu này
cũng dưới tàn cây cổ thụ
cũng có lá vàng rơi
nhưng không có anh
để choàng vai tâm sự
không có em
để ta ngồi uống rượu
tang thương hê
ôi! Cõi nhân sinh

bỗng nghe đâu đó
điệu nhạc điên cuồng
trong cõi vô minh
vũ trường
hay mộ huyết
dưới ánh đèn mờ nhạt
em đang ca hay em đang gào thét
bước chân em loạn cuồng
cốc rượu và ta cùng nhau giã chết
giai nhân hề! rượu hề!
ta giết mình tỉnh giấc!

mùa thu qua
không còn lá vàng rơi lác đác
cây cổ thụ trơ cành
bầu trời xám ngắt
đàn chim thiên di
về đây
từ phương bắc
trên thành phố Houston
trên bầu trời Dallas
Texas buồn
Texas đã vào đông!

Bóng Người Xưa

*Bóng chiều ngã xuống chân mây
Hoàng hôn nhẹ bước từ ngày sang đêm
Quanh ta trời nước im lìm
Và em chờ cũng đã chìm trong mơ...*

Núi Rừng Và Tôi

*Chiều ở đây thật buồn
Mây dùn quanh tám hướng
Thung lũng dày sương mù
Ta ngồi nghe gió hú*

*Lão tiều phu đón rừng
Nghe đau từng nhát búa
Có con chim lạc đàn
Xoải cánh chiều qua núi*

*Rừng ngàn năm vẫn buồn
Chôn sâu niềm u uẩn
Người ngàn năm vẫn còn
Đi trong vòng lẩn quẩn...*

*Rừng ngàn năm còn đó
Ta trăm năm còn đây
Rừng lắc lay theo gió
Ta nhìn mưa thu bay*

*Mưa thì thấm trên lá...
Ta thì thấm với ai ?!!!*

Cũng Đâu Muộn Màng

*Lìa nhau từ cõi vô sinh
Trong cơn mê loạn giật mình nhớ nhau
Dặm ngàn hun hút vó câu
Ba ngàn thế giới còn đâu chưa tìm?*

*Hay là em ở trong tim
Còn ta thì mãi đi tìm vu vơ
Đường còn xa lắc xa lơ
Mà ta thì đã mệt phờ tóc râu*

*Ừ, thì cũng rán chờ nhau
Một ngàn năm nữa cũng đâu muộn màng!..*

Trận Mưa

Đầu Mùa

*Đêm nằm nghe tiếng ếch kêu
Râm ran giữa chốn đìu hiu núi rừng
Đôi bờ mắt chọt rung rung
Lời thơ buồn cũng ngập ngừng trên môi*

*Chập chòn trong cõi đầy vơi
Như con nước lững lờ trôi giữa dòng
Trong cơn chìn nổi phiêu bồng
Tôi mơ về lại cõi hồng hoang xưa*

Lâu Hoàng Hạc (*)

*Người xưa cỡi hạc vàng bay
Lâu còn trơ bóng đất này buồn hiu
Người đi rồi, có về đâu!
Chỉ còn mây trắng trên đầu lang thang
Cội già soi bóng Hán Dương
Bãi Anh Vũ cỏ ngát hương bên dòng
Quê nhà đâu nhỉ? Ngủi trông...
Chiều nhìn khói sóng, nghe lòng quặn đau!*

() Phỏng dịch bài thơ Hoàng Hạc Lâu
của Thôi Hạo, đời Đường*

*(Hoàng Hạc Lâu)
Thôi Hạo*

*Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tải không du du
Tĩnh xuyên lịch lịch Hán Dương thụ
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu
Nhật mộ hương quan hà xứ thị?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.*

Mười Năm Nợ Nần

*Chiều nghe loáng thoáng màu thu
Lá xanh nín lá vàng đu trên cành
Ta ngồi tiếc lá màu xanh
Nhớ xưa trót lỡ tành hanh với người*

*Ruột gan bày hết ra ngoài
Nợ nần nhau biết có đòi được không?
Giữa trời giữa đất mệnh mông
Giữa ta em vẫn còn trong tâm hành*

*Giữa ta còn chút bàng hoàng
Giữa em còn chút lỡ làng duyên xưa
Giữa đời còn chút mộng mơ
Rớt trên nỗi nhớ ta vừa mới nhen*

*Giữa đêm lẳng lẳng trước đèn
Giữa đêm lẳng lẳng hồn len vào hôn
Mười năm. Trời! Nợ vẫn còn
Mười năm ta đã thấm đòn rồi em!*

Đò Sông Hương

*Lang thang chiều phố đông người
Mím môi nén một nụ cười xót xa
Cầu Gia Hội chợ Đông Ba
Phố quen người lạ chiều qua lạnh lùng*

*Mưa còn rơi buốt dòng sông
Lênh đênh một chiếc đò không mái chèo
Đò em tôi lén gieo neo
Giữa khoang một chiếc đèn leo lét buồn.*

Bướm Trắng

*Em về gió lộng tóc bay
Mùa hoa vàng mộng nở đầy lối xưa
Dáng gầy tà áo đông đưa
Giọt sương chiều muộn cũng vừa vỡ tan*

*Dòng êm, con nước mơ màng
Gió lay bờ mộng, hai hàng liễu buông
Sắc trời nhuộm đỏ chiều hôm
Trắng hoa bờ giậu cánh chuồn chuồn bay*

*Em về có ở lại đây?
Tôi gieo mộng giữa ban ngày mà vui
Ra ngồi giữa đám vôi vôi
Trắng hoa, trắng cả lòng tôi giữa trời*

*Em về rồi lại đi thôi!
Bỏ sau lưng một vành môi hững hờ
Tôi ngồi dệt nốt bài thơ
Hóa con bướm trắng nằm mơ ban ngày*

Biển Tình

*Tà dương chìm khuất trong mây
Và em cũng khuất giữa ngàn tàn rơi
Biển tình lai láng trong tôi
Tái tê mấy khúc nhạc đời phù hư...*

Bài Ca Dao Chiều

*Dặm ngàn sông núi ngẩn ngơ
Đường quanh mấy nẻo chiều trơ bóng tà
Chập chờn giữa đỉnh đồi xa
Khói in mấy nóc chòi pha sắc buồn*

*Nắng chiều thoi thóp bên hiên
Gió ru nhẹ cánh con chiến chiến bay
Véo von giữa đất trời này
Biết đâu rồi cũng một ngày chia xa!*

Một Kiếp Luân Hồi

*Ngờ ngàng tôi gặp lại tôi
Cái thời khát sữa nằm nôi đái dầm
Vạch đường sinh tử trăm năm
Nặng chưa kịp ráo chỗ nằm nhân gian*

*Tình thì chưa hợp đã tan
Còn khơi nước mắt cho tràn bờ mi
Ta và em đã quên đi
Cái mùa thu chết từ khi trăng tà*

*Buồn vì ngày tháng mau qua
Mà đường thì vẫn còn xa ngút ngàn
Bình rượu bể, đống tro tàn
Địa ngục nằm dưới, thiên đàng nằm trên*

Ta nằm ở giữa chêngh vênh

Mẫu Thuốc Cuối Cùng

*vắt mẫu thuốc cuối ngày
mà lòng buồn rười rượi
ngày hôm nay
hay ngày mai rồi cũng vậy
cũng mong manh
như giọt sương chiều
cũng nhịp nhàng
những bước đi hiu
theo ngõ vắng
về nơi vô định*

*có những lúc say mèm
chợt tỉnh
đời quanh ta
cuộc sống đứng dừng
như con chim
giữa núi giữa rừng
cát giọng hát
bài ca vô lượng*

vắt mẩu thuốc cuối ngày
trên dòng đời vô định
như con nước bốn mùa
không biết đâu bờ bến
mênh mong...
mênh mong...
người ở quanh đây
xin người hãy lại gần
xem con sóc
chuyện trên bờ giậu

xem điếu thuốc
chiều nay chưa kịp giấu
bàn tay run
ấm lạnh đời thường
thương người xưa
dốc cạn hồ trường
mà bốn biển
năm châu mờ mịt
sông núi ngàn năm
bỗng giật mình tỉnh giấc
gởi hồn oan theo gió về xuôi

con chim non
cất tiếng ngâm ngùi
sương đầu núi
bay về lãng đãng
rồi ngày mai
ta lại gặp ta buổi sáng
và buổi chiều
và điệu thuốc trên tay
đốt tương lai
cháy lụn từng ngày
thương mái tóc
hắt hiu từng sợi rụng

ta muốn hỏi
vì sao cuộc sống
vẫn thân nhiên
như dòng nước trôi nhanh
như buổi chiều
khi có nắng vàng hanh
như con sóc
vẫn chuyền trên bờ giậu
như chiều nay
ta nghe lòng bối rối
và mẩu thuốc cuối cùng
đã tắt giữa bờ môi!

Lênh Đênh

*Sương giăng mù mịt đất trời
Ta con dò nhỏ một đời lênh đênh
Vượt bao sông nước bồng bênh
Tóc râu đã bạc còn quên ngày về!...*

Con Chim Và Tôi

*Buổi sáng trên cành có con chim đứng hót
Nó nhìn quanh tìm hướng bay xa
Nhưng nó vẫn đứng nhìn ngơ ngác
Nó quên rồi những cánh rừng xưa!*

*Ta đứng nhìn chim trong chốc lát
Chợt thấy mình quá đổi cô đơn
Ta cũng biết bên kia bờ biển lớn
Một chỗ về chìm khuất giữa màn sương*

*Ta cũng như chim mỗi sáng
Đứng nhìn quanh cho thỏa chí tang bồng
Nhưng ta không là con chim buổi sáng
Ta chỉ là thằng giá áo túi cơm!*

Tâm Sự Người Lính Già

*Mười năm ôm ấp mộng thanh bình
Trả súng đạn về bên mái tranh
Gọi đàn gà nhỏ về mở hội
Dưới bóng me tàn thơm lá xanh*

*Mười năm rồi lại mười năm nữa
Súng đạn vẫn rền vang núi sông
Tôi vẫn mơ màng bên gối súng
Hết rồi xuân hạ lại thu đông*

*Ngày lại ngày qua tôi vẫn mơ
Một chiều nắng đẹp, đẹp như thơ
Tôi dắt em về thăm quê mẹ
Mẹ mừng vui ngồi đứng ngẩn ngơ*

*Mười năm rồi lại mười năm nữa
Mái tóc phai dần theo tháng năm
Trả súng đạn về nương xóm cũ
Người lính già buồn nhớ xa xăm...*

Giấc Mơng

Cuối Đời

*Ta sẽ dựng một chòi tranh nho nhỏ
Bên cạnh dòng suối nước chảy êm êm
Ta sẽ rủ một vài thằng bạn nhậu
Đến cùng ta bày tiệc rượu thâu đêm*

*Ta sẽ vào tận rừng sâu, núi thẳm
Bới rễ cây mà tìm thuốc trường sinh
Khi buồn chán thì giả làm hảo hớn
Đốn cây rừng mà dựng trại Lương Sơn*

*Ta sẽ tạc tượng em trên đỉnh núi
Mượn mây ngàn dệt nốt mảnh xiêm y
Và sẽ mượn sao trời đêm lấp lánh
Kết thành râu chuôi ngọc lưu ly*

*Cho em lộng lẫy trên ngôi hoàng hậu
Và ta sẽ là một quân vương
Sẽ diễn nốt vở tuồng thiên cổ
Rồi trở về cùng cát bụi, mù sương.*

Độc Ẩm

*này bằng hữu
đêm nay ta uống rượu
uống một mình
dưới ánh trăng suông
ta cũng biết
người xưa từng uống rượu
uống một mình
dưới bóng tà dương*

*thương tuổi trẻ
đã một lần gục ngã
giờ tóc râu
bạc trắng như sương
ta cũng muốn
quay lưng chào sự thật
nhưng quay bên nào
cũng chạm nỗi đau thương!!!...*

Một Đêm Thu

*mong gặp em
sau bao ngày xa cách
hai phương trời
mờ mịt bóng mây giăng
tôi nhẹ bước
qua ngõ buồn hiu hắt
đêm thu về
nhớ quá một mùa trăng!*

*trời chớm thu
gió thu lành lạnh
sương giăng mờ lối nhỏ
bước chân khuya
theo ngõ vắng
lần về thăm xóm cũ
bao lâu rồi,
qua hết mấy mùa mưa?*

*trời chớm thu
lá vàng rơi trước ngõ
tôi lại đi
một lần nữa ra đi
nhưng đêm nay
không có bàn tay bé nhỏ
cầm tay tôi
bịn rịn buổi phân ly!*

*em hỡi em
người em tôi yêu
có bao giờ gian dối?
buồn trong tôi vời vợi
khúc nhạc tình
quần quít mãi không thôi*

*đêm nay buồn lắm em ơi
tôi đi dưới bóng sao trời lưa thưa...*

Thu Sầu

*Âm buồn dạo khúc tàn thu
Giọng u trầm khóc biệt mù non xa
Lần theo gậy trúc mù lò
Ta lên giọng hát bài ca độc hành*

*Tàn thu ta khóc một mình
Túi thơ bầu rượu xóa hình hài em
Mờ trong gió bụi hoàng hôn
Ta rung đùi nhịp khúc buồn từ ly!...*

*Rượu tình chưa uống đã say
Mềm môi khúc nhạc vui đầy dấu xưa
Lạ gì sớm nắng chiều mưa
Tóc râu đã bạc còn chưa nản lòng!...*

Cảm Ơn

*Bống dung chớp bể mưa nguồn
Xua con nước lớn xoáy mòn bờ lau
Cảm ơn bãi thấp còn cao
Cho tôi biết được chỗ nào cạn sâu!*

*Cảm ơn đời đã cho tôi
Cuộc chơi chữ nghĩa, niềm vui bạn bè
Cảm ơn tôi biết đam mê
Cảm ơn tôi biết hả hê khóc cười.*

Cảm ơn tôi, cảm ơn người...

Mời Rượu

*Này bằng hữu chén này ta uống cạn
Giọt tình, giọt nghĩa, giọt thân thương
Còn chén này ta xin mời bạn
Cạn cùng ta một chén đoan trường!*

*Cũng vậy thôi, đời vốn là như thế
Nên chớ buồn, hãy cạn cùng ta
Thêm một chén, rượu ngàn ly - đồ bỏ
Nhằm nhò gì một chén quỳnh hoa!...*

Trời Cuối Thu

*Chiều xuống đứng nhìn người qua lại
Người thương, người ghét, người chưa quen
Nhưng thế gian đâu có người nào đáng ghét
Nên ta thấy người nào cũng dễ thương*

*Ta đứng chờ em như một tượng đồng
Đôi mắt nhìn quanh một nét buồn
Có ngọn gió vờn qua mái tóc
Một chiếc lá vàng rơi xuống hoàng hôn*

*Ta nghe đâu đó lời cầu nguyện
Giữa mênh mông một tiếng thở dài
Trời cuối thu vàng trên khóm lá
Khóm lá vàng, khóm lá tàn phai! ...*

Phù Du

*Thôi đừng soi nữa lược gương
Thôi đừng rẽ nữa con đường phù du
Đẹp như con nước mùa thu
Trăm năm rồi cũng rồi bù em ơi!*

Nguyễn Đức Nhon 83

Bài Thơ

Hoài Niệm

*Ta đi Sài Gòn đã vào thu
Gió cuộn mây về mộng viễn du
Quê cũ bao năm đành bỏ lại
Một cõi trời Nam bỗng biệt mù*

*Ta đi người ấy có buồn không?
Chân trời góc bể còn gì mong
Một ngày trở lại thăm làng cũ
Có ngọn dừa xanh giọt nắng hồng*

*Ta đi không giả từ bè bạn
Không kịp hẹn hò lúc biệt ly
Ngoảnh lại nhìn em đôi khóe mắt
Đỏ dần theo mỗi bước người đi*

*Ta đi về phía chân trời đỏ
Lờ lững trên mây chiều hoang vu
Bangkok! Bangkok! chiều Bangkok!
Sao quá lạnh lùng ngọn gió thu*

*Ta đi, ta đã đi rồi nhỉ?
Không biết nên buồn hay nên vui?
Phố phường Bangkok đông người quá
Ngoảnh lại nhìn quê bỗng ngậm ngùi!...*

Khóc Tây Thi

Mặt mừng đất Việt, trời Ngô
Lệ giai nhân chảy mờ Cô Tô dài
Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai
Ngùi trông cố quốc mơ ngày hồi hương

Chạnh lòng nhau lắm Ngô Vương
Cô Tô còn đắm lệ buồn chia xa
Ngẩn ngơ ta lại nhìn ta
Đất trời mù khói can qua lạnh lùng

Bao năm cá chậu chim lồng
Chôn vùi nhan sắc, nghìn tâm sự buồn
Hồng nhan nhi nữ tình trường
Làm thân con quốc kêu sương được gì

Nghìn sau ai khóc Tây Thi
Cho ta góp một chút gì cho nhau
Lựa lời nói với gươm đao
Đừng đem máu lệ nhỏ vào thiên thu!...

Thu Muộn

*Quanh ta trời đất chuyển mùa
Gió đêm thu lên về khua lá vàng
Sông buồn vắng chiếc đò ngang
Hóa ra cuộc rượu đã tàn từ lâu*

Thơ Nguyễn Đức Nhon

Hạt Cát chuyển ngữ

秋悶

秋夜風敲葉

乾坤正交天

幽江無舟棹

酒回九盡然

粒沙

Phiên Bản Hán Việt

Thu Muộn

Thu dạ phong xao diệp,

Càn khôn chính giao thiên,

U giang vô chu trạo,

Tửu hồi cửu tận nhiên!

Hạt Cát

Cầm Nhâm

*Em về phố xá reo cười
Tưởng đâu em đã thành người phương xa
Nhớ mùa mận mới đơm hoa
Em quên cài cổng bị ta cầm nhâm.*

Nguyễn Đức Nhon 87

Xuôi Theo Dòng Nước Ngược

Từ bến xe về nhà chú tôi phải băng ngang một cánh đồng hoang. Ở cuối cánh đồng, gần khu chợ chồm hổm Tân Mai có một căn nhà lá nằm trơ vơ với những bức vách xiêu vẹo, te tua vì trải qua nhiều năm tháng không được tu sửa. Tôi ghé vào xin nước uống. Bà chủ nhà hé cửa ló đầu ra hỏi anh cần gì? Tôi nói trời nóng quá chị cho xin miếng nước và đút mát một chút được không? Bà chủ nhà vừa mở cửa vừa nói mời anh vào rồi bước đến cầm chiếc ấm rót nước vào cái ly làm bằng đất nung. Căn nhà, ngoài lối đi và cái sân nhỏ phía trước, chung quanh đều là cây đại và cỏ tranh. Bên trong nhà kê một chiếc giường tre và một cái bàn với bốn chiếc ghế đầu làm bằng gỗ tạp. Ở bức vách phía sau, kê một bàn thờ, trên bàn thờ là ảnh một người lính trẻ, mặc đồ trận, không thấy mang cấp bậc. Trước ảnh là một lư hương bằng sành, trên lư hương, vài ba chân nhang cắm xiêu vẹo. Thấy tôi đứng nhìn trân tằm ảnh, bà chủ nhà thở dài nói mời anh ngồi, đó là ảnh thằng con tôi, nó chết hồi còn chiến tranh. Thằng nhỏ mới ra trường Bộ Binh Thủ Đức được mấy tháng thì đụng trận bị thương, trực thăng chở về chưa tới bệnh viện là nó đi rồi.

Thấy bà chủ nhà có vẻ cởi mở nên tôi bắt chuyện làm quen. Xin lỗi chị tên gì vậy? Tôi tên Trang. Cảm ơn chị Trang, tôi từ bến xe về nhà chú tôi nhưng nắng nóng quá đành ghé vào đây làm phiền chị. Bà Trang nói có phiền gì đâu, nhưng nhà không có trà, anh dùng tạm nước lạnh vậy. Tôi hỏi chị Trang còn cháu nào không? Bà Trang trả lời còn, còn một đứa con gái. Nó lấy chồng tuốt dưới miệt lục tỉnh. Năm, nửa năm mới về một lần. Tôi hỏi chị ở nhà này một mình? Chớ sao giờ. Bà Trang ngừng một chút rồi nhìn tôi tò mò, anh có mấy cháu? Chị làm nghề gì vậy? Bà xã tôi đã lấy chồng khác. Tôi cũng có một đứa con trai, nó nghịch ngợm lượm đầu đạn đập lấy

chì bị nổ chết rồi. Ồ! Xin lỗi đã khơi lại chuyện buồn của anh. Mà lý do gì hai người thôi nhau vậy? Vợ tôi không chờ được, bà ấy lấy chồng khác vì cho rằng tôi không thể trở về. Anh ở tù cải tạo? Vâng, tôi ở sáu năm. Bà Trang thở dài sườn sượt nói ông xã tôi cũng ở tù. Tôi hỏi anh ấy về chưa? Bà Trang nói ông chết rồi. Có người cùng trại với ông về nói với tôi là chính mắt ông thấy cai tù dẫn ông xã tôi đi, rồi không thấy ông về nữa. Tôi bán tín bán nghi nên có đến trại giam hỏi thăm tin tức. Người ta bảo là ông đã chuyển trại. Tôi có hỏi chuyển đến trại nào thì họ không trả lời vì vậy mà tôi tin là ông đã chết thật rồi. Chiến tranh cũng chết, hòa bình cũng chết, biết sao giờ!

Bà Trang không nói gì thêm. Hình như bà đang hồi tưởng một điều gì đó. Nét mặt bà thoáng hiện một nỗi buồn xa xăm khó hiểu. Mặt trời đã ngả về phương tây. Khu đồng hoang trở nên vắng lặng buồn hiu sau một vài cơn gió mùa thoảng qua. Tôi đứng lên cảm ơn bà Trang rồi bước ra cửa, một mình lần theo con đường mòn dẫn đến nhà chú tôi. Từ đó, năm ba ngày tôi đến thăm bà Trang một lần. Lúc đầu bà Trang có vẻ dè dặt, nhưng dần dần bà ấy tỏ ra thân thiện và khi tôi ra về, lúc nào bà cũng mời tôi rảnh rỗi ghé nhà chơi.

Bầu trời đen ngịt, gió bắt đầu thổi mạnh. Tôi cố đi thật nhanh, nhưng vừa tới gần khu chợ chồm hổm thì cơn mưa đổ ập xuống. Tôi đành tạt vào nhà bà Trang trú tạm. Cơn mưa giông đầu mùa thật dữ tợn, gió giật từng cơn. Một vài tấm lá trên nóc bị tróc. Nước đổ xuống đọng thành những vũng nhỏ trên nền nhà. Bà Trang ngồi ở mép giường, nét mặt buồn buồn nói nhà không có đàn ông, mưa to gió lớn cũng sợ. Tôi nói chiến tranh qua rồi, nhưng hậu quả của nó thật ghê gớm. Kê mất vợ, người mất chồng. Tôi và chị gần như cùng cảnh ngộ, kiếp này chúng ta trả quá nhiều. Những ngày còn lại không biết rồi sẽ ra sao. Tôi buồn thật sự. Những lời tôi nói ra đều xuất phát từ đáy lòng. Bà Trang không nói gì và tôi cũng không biết bà đang nghĩ gì. Cơn giông chấm dứt, nhưng trận mưa vẫn kéo dài. Trời đã tối hẳn, không còn nhìn

rõ cảnh vật bên ngoài. Bà Trang bước đến đốt cây đèn trên bàn thờ. Ánh sáng từ ngọn đèn chao đảo, khi tỏ khi mờ, chiếu lên khuôn mặt đầy đặn, còn phảng phất nét diễm kiều của một thời con gái. Tôi nhìn bà đắm đắm... Cái cảm giác tự nhiên của một người đàn ông vắng vợ lâu ngày thôi thúc, khiến tôi không còn tự chủ được. Bà Trang cũng chỉ phản ứng lầy lẹ...

Ngoài trời, mưa vẫn còn nặng hạt, thỉnh thoảng một vài ánh chớp lóe lên rồi tắt ngúm. Căn nhà bà Trang chìm trong một đêm mưa đầu mùa dai dẳng, cho đến khi bình minh ló dạng, bắt đầu cho một ngày mới và cũng bắt đầu cho một cuộc tình muộn màng nhưng đầy hạnh phúc.

Cuối cùng, chúng tôi cũng được định cư ở Hoa Kỳ sau một chuyến vượt biên đầy nguy hiểm. Trang suốt ngày buồn bã vì nhớ đứa con gái còn ở lại quê nhà. Chúng tôi sống ở New York một thời gian rồi chuyển về thành phố Garland, Tiểu bang Texas vì không chịu nổi khí hậu buổi giá ở miền bắc. Tại đây tôi và Trang dồn nỗ lực vào nghề may. Thời điểm đó nghề may khá thịnh hành và kiếm rất nhiều tiền. Từ công việc may thuê, chúng tôi mở được một cửa tiệm, rồi hai cửa tiệm vì vậy mà chúng tôi phải chia nhau mỗi người trông coi một tiệm. Hầu như chúng tôi chỉ gặp nhau vào ban đêm và cuối tuần. Chúng tôi khá thành công trên xứ sở tạm dung này.

Một hôm, có một người đàn ông trạc tuổi trung niên vào tiệm tôi xin việc. Ông ấy nói tôi qua diện HO, mới được nửa năm. Tôi vốn là một sĩ quan ở tù cải tạo nhiều năm nên rất thông cảm với những người cùng cảnh ngộ.

Tôi xem xong tờ đơn xin việc rồi nói được anh đến đây làm cho vui. Ngày mai anh có thể đi làm. Anh Tân cứ yên tâm, ở đây không có việc gì nặng đâu. Tân đứng lên nói cảm ơn rồi ra về. Tân làm được vài tháng, công việc đã thành thạo

nhưng lúc nào cũng buồn bã đắm chiêu, ít trò chuyện và thờ lộ việc riêng tư của mình. Lúc đầu tôi không để ý nhưng dần dà tôi thấy ở anh hình như có một nỗi buồn gì đó đang giữ kín trong lòng. Một hôm nhân công việc rảnh rỗi, tôi mời Tân đi nhậu. Tân có vẻ do dự nhưng rồi cũng đồng ý. Trong một nhà hàng khá sang ở Garland, tôi và Tân vừa uống bia vừa nói chuyện bao đồng. Khi cả hai ngà ngà say tôi tò mò hỏi Tân về hoàn cảnh gia đình anh. Tân buồn buồn trả lời, tôi qua đây một mình! Vợ tôi đã lấy chồng khác khi tôi còn ở trong tù, nghe nói bà ấy cũng qua Mỹ rồi. Tôi hỏi anh về năm nào? Tân trả lời tôi về hồi năm tám lăm. Tôi gật gù nói như vậy là anh về sau tôi tới hai năm. Tôi dặn Tân một vài công việc cho ngày hôm sau rồi lên xe ra về.

Mùa đông năm nay lạnh hơn những năm trước rất nhiều. Nhất là vào dịp tết ta, gió từ miền Bắc thổi về lạnh thấu xương. Tuyết cũng bắt đầu rơi càng lúc càng nhiều. Sân sau nhà tôi và những mái nhà nằm bên kia hàng rào phủ lên một màu trắng xóa.

Ngày hôm sau tuyết ngừng rơi. Tôi mở cửa nhà xe bước ra bên ngoài. Mặt trời chói chang phủ lên mặt tuyết một màu trắng lung linh rực rỡ. Con đường trước nhà hằn lên những vết xe trên mặt tuyết. Những đứa trẻ ở mấy ngôi nhà đối diện túa ra sân lấy tuyết đắp thành những hình người trông thật ngộ nghĩnh. Tôi cũng thấy vui lây với các cô cậu nhóc con nghịch ngợm này.

Tôi trở vào nhà thì chuông điện thoại bật reo. Tôi nghe đầu giây bên kia tiếng Tân nói sẽ đến nhà thăm vợ chồng tôi. Tôi nói đường đông đá lái xe nguy hiểm lắm, Tân nói xe cộ chạy nhiều rồi, không sao đâu. Tôi đoán được Tân đến với mục đích tặng quà tết cho tôi nên không tiện từ chối. Trang hỏi anh cần đồ nhậu không? Tôi trả lời Tân có lòng đến nhà, mình cũng nên đối đãi tử tế với anh ấy. Và lại thời tiết này mà có người cùng nhậu thật là tuyệt.

Khoảng một tiếng sau thì Tân đến nhà. Tôi mời Tân ngồi và nói hôm nay mình lai rai một chút chơi. Tân nói lời từ chối. Tôi gạt ngang và nói vợ tôi đang làm đồ nhậu. Chắc một chút nữa là xong. Trong lúc chờ đợi tôi hỏi Tân có ý lập gia đình với một người đàn bà khác không. Tân trả lời tôi chưa có ý định này. Tôi nói ở cái xứ này sống một mình bất tiện lắm. Dù gì cũng nên lập gia đình để nương tựa nhau thì tốt hơn. Tôi vừa dứt lời thì Trang từ trong bếp bước ra với một đĩa đồ nhậu trên tay. Trang khựng lại khi nhận ra Tân. Nàng đứng sững như trời trồng. Đĩa đồ nhậu vượt khỏi tay nàng rơi xuống nền gạch vỡ toang, thức ăn văng tung tóe. Tân đứng bật dậy như một cái máy bước nhanh ra cửa, không nói một lời nào. Tôi vô cùng kinh ngạc khi chứng kiến sự việc ngoài sức tưởng tượng này. Trang vẫn đứng lặng người tại chỗ. Nét mặt thất thần tái mét. Tôi đứng lên nắm tay nàng diu đến ngồi trên ghế sofa hỏi sao hai người có cử chỉ kỳ cục như vậy. Trang ồ lên khóc nức nở. Bây giờ thì tôi đã đoán được phần nào sự việc rồi. Tôi nhỏ nhẹ hỏi Trang có phải anh Tân là người chồng cũ mà em tưởng đã chết trong tù đó không? Trang gạt đầu rồi đứng dậy bước nhanh về phòng nằm ôm gối khóc tức tưởi. Tôi nói việc đâu còn có đó. Em đừng quá xúc động. Trang thôi khóc nhưng vẫn nằm trên giường quay mặt vào trong. Tôi an ủi nàng vài lời nữa rồi ra ngồi ở phòng khách. Tâm trạng tôi lúc này rối như tơ vò. Tôi không hề trách cứ Trang và tôi cũng không hiểu được phản ứng của nàng xuất phát từ một cảm xúc nào trước sự việc vừa mới xảy ra.

Tôi nghĩ ngợi lung tung về một tương lai mà tôi phải đối mặt. Suốt ngày hôm đó tôi luôn ở bên Trang vì sợ nàng không chịu nổi nghịch cảnh rồi làm chuyện điên rồ. Ngoài trời tuyết bắt đầu tan nhưng cái lạnh trong hồn tôi dường như mới bắt đầu. Những chai bia thay nhau cạn, đĩa đồ nhậu vỡ tung vẫn còn nằm nguyên đó. Căn nhà trở nên trống vắng đến rợn người. Tôi vào phòng thăm chừng Trang. Nàng vẫn

nằm yên đó. Tóc nàng xõa ra che khuất một phần khuôn mặt còn đọng một vài giọt nước mắt...

Trang à! Bây giờ em định thế nào? Trang trả lời để em được yên tĩnh; một vài ngày nữa rồi chúng ta sẽ nói chuyện sau. Vậy cũng được. Anh chỉ muốn em thật bình tĩnh để có một quyết định sáng suốt, đừng để cho sự việc trở nên rắc rối hơn. Chúng ta nên giải quyết vấn đề một cách êm thấm. Anh sẵn sàng chấp nhận mọi quyết định của em. Nói xong tôi bỏ ra ngoài với một tâm trạng đầy mâu thuẫn. Hai ngày sau tôi bảo Trang em ở nhà nghỉ ngơi. Anh ra tiệm coi công việc thế nào rồi về ngay. Trang nói dù gì anh cũng nên có mặt ở tiệm để công việc khỏi bị tồn đọng. Tôi nói em yên tâm. Anh sẽ lo mọi việc. Đến tiệm, việc đầu tiên của tôi là muốn nói chuyện với Tân về sự việc đã xảy ra nhưng cô thư ký bảo mấy ngày nay không thấy ông Tân đến tiệm. Tôi hỏi anh ấy có nói đi đâu không. Cô thư ký trả lời mấy hôm trước ông Tân nói đến tìm ông có việc rồi không thấy ông ta đến tiệm nữa. Tôi nói thôi được cô làm việc đi. Trở về nhà tôi đem chuyện Tân bỏ việc nói cho Trang nghe. Nàng tỏ ra một chút ngạc nhiên rồi nhìn tôi nói, anh không cần quan tâm nhiều về vấn đề này. Tân bỏ làm là một việc tất nhiên vì dù gì anh ấy cũng bị một cú sốc khá nặng, nhưng em nghĩ thế nào anh ấy cũng sẽ tìm em để tỏ bày một điều gì đó. Anh cũng nghĩ như vậy, nhưng em đã chuẩn bị phải trả lời như thế nào chưa? Em sẽ trả lời dứt khoát với anh ấy là mọi việc đã được an bài không còn một chọn lựa nào khác ngoài việc phải chấp nhận nó. Em nghĩ là anh ấy sẽ phản ứng thế nào? Phản ứng thế nào cũng mặc vì em cảm thấy mình không hoàn toàn có lỗi trong vấn đề này và em tin là anh ấy cũng nghĩ như thế. Theo anh thì mọi việc phải được giải quyết một cách ổn thỏa, rõ ràng hơn là biến mình thành một cỗ máy không người lái muốn đâm đầu vào đâu cũng được. Anh muốn chúng ta, cả ba người phải đối mặt nhau để giải quyết vấn đề. Trang nói không được. Anh có nghĩ khi cả ba người gặp nhau thì sự việc sẽ càng phức tạp và tồi tệ hơn không? Thôi được, anh tôn trọng quyết định của em.

Nói xong tôi bỏ qua phòng làm việc vui đầu vào những chồng hồ sơ dày cộm cho đến nửa đêm mới lăn ra ngủ. Đã nhiều đêm thức trắng, nên vừa nằm xuống là chìm vào giấc ngủ như một đứa trẻ vô tư lự.

Hai tuần trôi qua trong sự chờ đợi nhưng chúng tôi vẫn không thấy một phản ứng nào từ Tân. Trang cố làm ra vẻ bình thản nhưng tôi biết nàng đang chịu một áp lực rất lớn trước sự im lặng khó hiểu này của Tân. Tôi không còn đủ kiên nhẫn nên đã nhờ Lượng đến nhà Tân để thăm dò thái độ của anh. Lượng cho tôi biết Tân đã trả căn chung cư và đi đâu không rõ. Tôi đem chuyện này nói với Trang. Nàng không nói gì và cũng không biểu lộ một cử chỉ đặc biệt nào. Sự chờ đợi của chúng tôi lại tiếp tục đến tuần thứ tư thì tôi nhận được thư của Tân gửi từ Cali (theo dấu bưu điện). Ngoài phong bì không đề địa chỉ người gửi. Tôi mở thư ra xem, anh viết:

“Kính gửi anh chị Hưng,

Lời đầu tiên của tôi là chúc anh chị luôn vui khỏe và may mắn trong công việc làm ăn. Tôi cũng xin lỗi anh chị về chuyện bỏ việc ra đi mà không báo trước, mong anh chị thông cảm. Tôi không biết anh chị có nảy sinh vấn đề gì khó xử khi sự việc ngoài ý muốn xảy ra hay không? Nhưng tôi luôn cầu mong anh chị tha thứ trước phản ứng không mấy tốt đẹp xảy ra ngoài vòng kiểm soát của tôi. Tôi cũng xin cảm ơn anh Hưng đã cư xử tốt với tôi trong những ngày tôi còn ở Garland. Kính thư, Tân”

Đọc xong, tôi đưa lá thư cho Trang. Nàng xem qua rồi nói cũng may chúng ta là những người hiểu biết và rộng lượng. Mọi việc coi như đã giải quyết xong.

Hội trường trang hoàng khá đẹp. Thân hữu khắp nơi tụ về tham dự đại hội rất đông. Tôi đang loay hoay chào hỏi mọi người. Trang cũng lảng xãng với mấy bạn học cũ ở một góc hội trường. Bất chợt tôi nhìn thấy Tân cùng lúc anh cũng vừa

nhận ra tôi. Chúng tôi vừa đưa tay chào vừa tiến về phía nhau. Chúng tôi bắt tay với một cử chỉ niềm nở thân thiện. Tôi chỉ tay về phía Trang nói bà ấy rất vui khi gặp lại bạn bè. Tân nói bà xã mình cũng vậy. Anh đã lập gia đình? Vâng. Đã được vài năm. Mừng anh. Tân nói anh chờ chút. Tôi tìm bà xã đưa đến chào anh chị. Tôi gật đầu rồi hướng về phía Trang ra dấu gọi nàng đến. Trang nói gì đó với mấy bà bạn rồi đến với tôi. Trang hỏi có việc gì vậy? Tôi trả lời em chờ một chút. Anh sẽ dành cho em một việc rất bất ngờ. Trang định gặng hỏi tôi việc gì, nhưng nàng khựng lại vì nhận ra nét mặt tôi biến đổi một cách kỳ lạ. Trang tò mò nhìn theo hướng mắt tôi và nhận ra Tân đang nắm tay một người đàn bà xinh đẹp tiến về phía chúng tôi. Tôi kịp lấy lại bình tĩnh khi Tân vui vẻ giới thiệu, đây là Lệ bà xã mình. Tôi cố kiềm chế cho giọng không bị run nói chào chị Lệ. Tân cũng chào hỏi Trang trong khi Lệ đứng yên như trời trồng. Tôi nhận ra sự giao động kịch liệt từ đôi mắt Lệ. Tôi cố làm ra vẻ tự nhiên hỏi chị Lệ qua Mỹ lâu chưa? Lệ biết tôi không muốn gây ra rắc rối trước sự tào ngộ oái ăm đầy kịch tính này nên nàng giả vờ vui vẻ trả lời, dạ em qua được bốn năm rồi. Tôi nói thôi chào anh chị, tôi còn chút việc phải làm. Hẹn khi khác gặp lại. Tôi nói xong liền nắm tay Trang rời khỏi hội trường. Trang không thắc mắc gì cả vì nàng nghĩ là tôi không muốn trò chuyện với Tân nhiều. Nàng nghĩ tôi đang trốn chạy sự thật, nhưng nàng đâu hiểu tâm trạng tôi khi gặp lại Lệ, người vợ cũ đã lấy chồng khác khi tôi còn ở trong tù. Tôi băn khoăn không biết nên nói với Trang việc này không và tôi cũng thắc mắc không biết hoàn cảnh nào đưa đẩy Tân và Lệ gặp nhau trên xứ sở tạm dung này. Rồi tôi tự nhủ mình không nên để ý đến vấn đề này làm gì và không cần biết Trang nghĩ thế nào về mình. Tôi quyết định không tham dự đại hội nữa và cùng Trang biến chuyển đi dự đại hội thành một chuyến du lịch ở miền Nam Cali...

Một Chuyến Đi Hụt Hẫng

Người khách sau cùng vừa chui vào được bên trong thì chiếc xe đã rời khỏi bến. Bà đứng lom khom, hai tay quờ quạng không biết bám vào đâu. Bỗng chiếc xe lắc mạnh, bà mất thăng bằng, ngồi phệt xuống cái giỏ gà dưới chân. Mấy con gà hoảng hốt kêu lên oang oác. Người chủ gà cảm râm:

“Mẹ ơi, đề chết mấy con gà tôi rồi”

Thằng lơ xe cười khúc khích:

“Bảo đề trên mui không chịu, chết đáng”

Ông tài xế vừa nhìn lên kính chiếu hậu vừa chửi:

“Đ. m mày, còn không xếp chỗ cho người ta ngồi”

Thằng lơ vất vả lắm mới kê được một bao gạo để làm chỗ ngồi cho bà khách. Người đàn ông trung niên ngồi phía sau (có lẽ là chủ bao gạo) than nhỏ:

“Chết mẹ! Ăn bao gạo này chắc nghiện răng suốt ngày”

Đây là chiếc xe than duy nhất chạy trên lộ trình này. Chiếc xe được “cải tiến” từ một chiếc Peugeot 203 cũ kỹ. Xe chạy mỗi ngày một chuyến, bắt đầu từ ngã ba Long Thành đến khu kinh tế mới Suối Quýt.

Con đường dài gần năm mươi cây số này bị bỏ hoang từ thời chiến tranh nên đầy rẫy ổ gà. Chiếc xe vừa chạy vừa lắc lư như chiếc thuyền con trôi trên sóng. Chạy được một đoạn thì hành khách có người say sóng ọc mửa tùm lum, bốc lên một mùi chua lợm giọng, khiến một vài người khác chịu không nổi phải mở cửa theo.

Lúc này thì không còn ai để tâm đến cung cách lịch sự thường ngày, kể cả cô gái ngồi bên cạnh tôi. Mỗi lần chiếc xe lắc mạnh, cả người cô ngã lên mình tôi, một tay choàng

qua vai, bầu chặt như bầu vào một khúc gỗ, không một chút úy kỵ. Cổ gái khá đẹp. Nước da trắng mịn. Khuôn mặt trái xoan. Mũi cao. Miệng nhỏ. Cặp chân mày dài, cong vút với mái tóc đen huyền phủ xuống gần tới thắt lưng.

Sau một hồi dẫn xóc kịch liệt, chiếc xe chạy qua một khúc đường tương đối bằng phẳng. Cô gái lấy lại tinh thần, sửa lại thế ngồi ngay ngắn. Cô nhìn thoáng qua tôi nhưng không biểu lộ một cử chỉ đặc biệt nào. Tôi cũng tăng lờ, nghiêng người nhìn ra bên ngoài. Mặt trời đã lên đến đỉnh đầu. Thời tiết tháng Tư oi bức. Xa xa một vài đám mây lững lờ trên nền trời trong xanh. Một con chim khách nghịch ngợm lượn theo chiếc xe mấy vòng rồi bay thẳng vào khu rừng, mất hút.

Chiếc xe ì ạch bò lên một ngọn đồi thoải thoải. Khói từ hai ống pô tuôn ra tạo thành một vòng xoáy bám sát vào đuôi xe. Bên lề đường, một em bé trần truồng đứng trước một ngôi nhà tranh lụp xụp, chăm chú nhìn chiếc xe như nhìn một con quái vật. Một người đàn bà trạc tuổi năm mươi, mặc bộ bà ba đen ngả màu, kéo lê một bao than ra đường. Chiếc xe từ từ ngừng lại. Thăng lơ nháy xuống nhét vào tay người đàn bà một xấp tiền rồi bê bao than ém vào đuôi xe. Chiếc xe gầm lên rồi cổ sức trườn tới. Người đàn bà chăm chú đếm từng tờ bạc lẻ. Thăng bé vẫn nhìn theo chiếc xe với một niềm vui hiềm hoi, mỗi ngày chỉ đến với nó một lần. Chạy thêm một đoạn chừng vài chục cây số, bỗng chiếc xe rung lên bần bật như một người bị chứng kinh phong. Ông tài xế vừa đạp ga vừa chửi thăng lơ luôn miệng. Hình như ông ta chửi vì thói quen chứ không vì lỗi lầm hay biếng nhác của thăng lơ.

Dù cố gắng đến đâu cũng vô ích. Chiếc xe vẫn khạc ra những tiếng khằng khặc rồi tắt phụt. Hành khách trên xe vừa lo vừa mừng. Ngồi trên xe gần hai tiếng đồng hồ. Đây là cơ hội tốt để trút đi những thứ thừa thãi trong người. Nhưng xuống xe rồi mọi người mới chợt nhận ra, chiếc xe ác ôn lại chết máy ngay trên một khu đất trống. Những người đàn ông thì thoải

mái, bước ra chừng vài chục thước là xong. Những bà sờn sờn thì chịu khó ra xa một chút rồi cũng êm chuyện. Tôi bất chợt nhìn sang cô gái. Cô ta đứng chết trân tại chỗ, ứa nước mắt. Tôi biết cô đang gặp khó khăn gì. Nhưng trong trường hợp này, tôi vô phương giúp đỡ. Nhìn cô ta thật đáng thương. Bỗng tôi chợt nghĩ ra và móc từ trong túi xách một tấm vải che mưa, bước đến chìa vào cô. Cô gái hơi lúng túng nhưng cũng đưa tay nắm lấy miếng vải. Tôi trở về chỗ, tựa lưng vào hông xe và hơi ngạc nhiên vì thấy cô gái vẫn đứng tần ngần tại chỗ, đôi mắt càng đỏ hơn. Tôi biết sự chịu đựng của cô đã đến mức tột cùng. Cũng may lúc ấy có một người đàn bà tốt bụng, hiểu ý, nắm tay cô dẫn ra một chỗ xa xa giúp cô căng tấm vải làm bức màn che. Cô gái trở vào với một dáng điệu ngược ngạnh, sượng sùng. Cô nhờ người đàn bà đem trả tôi tấm nylon. Tôi quay mặt qua chỗ khác để khỏi làm tăng thêm nỗi hổ thẹn, ngượng ngùng của cô.

Mặt trời đã ngả về phương tây. Ông tài xế và thằng lơ vẫn hi hục với chiếc cổ máy bất động như một con vật đuối sức nằm lỳ. Dưới sức nóng hanh hao của buổi chiều tháng Tư, mọi người đều mỏi mệt, không ai buồn nói chuyện. Trong cái không gian vắng lặng của vùng hoang dã chỉ còn nghe tiếng va chạm của kềm búa, tiếng chửi bới oang oang của ông tài xế và tiếng cảm rầm khe khẽ của thằng lơ. Tôi bước đến ngồi trên một khúc gỗ nằm bên vệ đường, bật lửa đốt thuốc. Thỉnh thoảng tôi đưa mắt nhìn về phía cô gái. Giữa nơi đồng không mông quạnh mà được ngắm nhìn một bông hoa kiều diễm thế kia thì còn gì bằng. Ước gì...Đang đắm chìm trong mơ mộng thì tiếng máy xe nổ rang, kéo tôi về hiện thực. Hành khách mừng rỡ chen nhau lên xe. Tôi bước theo sau cô gái vào ngồi ở chỗ của mình. Nhìn đồng hồ đã 4 giờ 30 chiều. Xe chạy thêm một đoạn chừng vài cây số thì đến một con suối nhỏ, hai bên cây mọc um tùm. Ông tài xế cho xe ngừng lại. Thằng lơ cầm cái thùng nhựa vừa đi xuống suối vừa nói oang oang:

“Đi ỉa , đi đại... đi bà con ơi!”

Thì ra đây là chỗ thường ngày chiếc xe dừng lại đổ nước máy và cho bà con đi tiểu.

Đây là lần đầu tiên tôi đến khu kinh tế mới Suối Quít, nên không biết còn bao lâu nữa thì đến nơi. Nếu đến đó vào ban đêm thì việc tìm nhà sẽ vô cùng khó khăn. Bất chợt tôi quay sang cô gái hỏi:

“Xin lỗi, ở Suối Quít cô có biết nhà ông Sáu Ngời không vậy?”

Cô gái nhìn tôi với vẻ không được tự nhiên lắm:

“Dạ không. Cháu mới đến Suối Quít lần đầu”

Bây giờ tôi mới để ý đến cách ăn mặc của cô gái. Tuy không sang trọng lắm nhưng rất đúng “mốt” của những cô gái thị thành. Tôi biết mình bị hớ, nên vội khỏa lấp:

“Ồ! Thì ra cô cũng như tôi. Nếu mình đến nơi mà trời tối thì thật là phiền.” Cô gái không nói gì, đưa tay vuốt lại mái tóc.

Càng vào sâu địa hình càng phức tạp. Những ngọn đồi nối tiếp nhau phoi mình dưới ánh nắng chiều mùa hạ, chớp chớp, mông lung. Một vài căn chòi lá nằm lơ lửng trên ngọn đồi với những cuộn khói bốc lên từ những hàng cao su mới trồng, thẳng tắp. Bất chợt tôi thấy một đám mây đen xuất hiện ở hướng tây nam. Đám mây mau chóng hình thành một trận mưa giông đầu mùa dữ tợn. Hành khách vội vàng thả tấm màn nylon chống mưa, nhưng nó không giúp được gì. Những đợt gió thay nhau thốc vào hông xe, tấm màn nylon giẫy lên phành phạch, ngọn mưa theo đó tạt vào. Hành khách la ối ối. Thằng lơ lòn hai cánh tay xiết chặt vào chiếc thang gắn ở đuôi xe, gồng mình chịu đựng. Ông tài xế cho xe chạy chậm lại. Lúc này, mọi người trên xe dường như đã khuất phục trước sự cuồng nộ của thiên nhiên. Tất cả đều ngò co rút, im lặng, trên mặt thoáng hiện một chút sợ hãi. Có người mấp máy đôi môi, hình như đang cầu xin một đấng thiêng liêng nào đó phù hộ. Cô gái nép sát vào người tôi. Với bàn tay rắn chắc của một người đàn ông chưa tới ba mươi, tôi lấy hết sức

ghì chặt tấm màn, vừa che cho cô gái vừa che cho mình. Tôi nghe lòng âm lại trong cái mát lạnh của trận mưa giông đầu mùa. Chiếc xe ngừng lại trên một khu đất trống. Trời đã nhá nhem tối. Cảnh vật trở nên mơ hồ lằng đằng sau trận mưa. Hành khách lần lượt xuống xe đi vào các ngã rẽ, mất hút. Trên bãi đậu xe, chỉ còn lại tôi, thằng lơ và cô gái. Tôi đứng nhìn quanh với một nỗi buồn rười rượi. Không ngờ ông Sáu Ngồi, một thương gia có chút tiếng tăm ở Biên Hòa, bây giờ phải giam mình trong cái hóc khi ho cò gáy này.

Tôi đang lưỡng lự không biết phải đi về hướng nào thì chợt nhớ đến cô gái. Thì ra cô ta vẫn đứng tần ngần ở trước đầu xe. Nhìn dáng vẻ của cô, tôi đoán được không phải cô đang chờ người thân đến đón. Tôi bước đến hỏi:

“Người nhà chưa đến đón cô à?”

Cô gái rơm rướm nước mắt:

“Cháu không báo trước cho chị Mai”

Tôi không hỏi gì thêm, từ từ rút điều thuốc đặt lên môi, bật lửa, những lọn khói cuộn tròn, quẩn quít như chưa muốn tan biến vào không gian.

“Vậy cô tính thế nào?”

“Cháu không biết”

Tôi đứng ngó người vài giây rồi hỏi tiếp:

“Nếu vậy, cô có muốn đi với tôi cho có bạn không?”

Cô gái nói nhanh:

“Dạ muốn”

Bây giờ tôi mới để ý đến cử chỉ và lời nói của cô gái. Nhìn vóc dáng và khuôn mặt, tôi đoán chắc, tuổi của cô không thể dưới hăm lăm, nhưng không biết tại sao cô ta lại có cái vẻ ngây thơ khờ khạo như vậy.

Địa hình khu kinh tế mới Suối Quít vô cùng phức tạp. Những ngôi nhà không nằm gần nhau mà bị phân cách bởi những khu vườn rộng lớn, trồng đủ loại hoa màu. Tôi và cô gái bước theo thằng bé, luồn lách giữa những đám bắp cao khỏi đầu người. Phải mất gần nửa tiếng đồng hồ, chúng tôi mới

tới được một căn nhà lá nằm cạnh một con suối nhỏ. Tôi cho tiền thằng bé dẫn đường rồi bước tới gõ nhẹ lên cánh cửa làm bằng những mảnh gỗ ghép lại. Nhìn qua khe cửa, tôi thấy một ngọn đèn dầu treo trên bức vách, tỏa ra một thứ ánh sáng yếu ớt, bệnh hoạn. Một ông già lom khom bước đến mở cửa. Dù chỉ một chút ánh sáng mờ mờ từ ngọn đèn dầu chiếu ra, tôi vẫn nhận ra ông Sáu Ngồi. Người ông gầy hắc đi, ốm yếu, hom hem như một cụ già tám mươi. Ông Sáu Ngồi nhìn tôi đăm đăm, dè dặt như nhìn một tên trộm. Tôi vội lên tiếng: “Thưa bác, cháu là Dũng đây. Cháu mới về”

Ông Sáu Ngồi lại nhượng đôi mắt nhìn tôi từ đầu đến chân rồi vỗ nhẹ lên vai nói:

“Mô Phật, về được là tốt rồi. Thôi vào đi, đứng đây muỗi cắn”

Tôi và cô gái bước vào ngồi trên chiếc sạp bện bằng tre. Ông Sáu Ngồi rót trà ra hai cái tách, nói:

“Hai cháu dùng nước. Cháu Dũng lập gia đình rồi à?”

Thấy ông Sáu hiểu lầm, tôi vội lên tiếng:

“Thưa bác, cô gái này đi chung chuyến xe với cháu. Vì trời tối không tìm được nhà người thân, nên theo cháu đến đây xin tạm trú một đêm, xin bác thông cảm”

Ông Sáu Ngồi vui vẻ đáp:

“Ồi, ăn thì nhiều chứ ở bao nhiêu”

Ông Sáu đang chăm chú vắn thuốc, bất chợt dừng tay nhìn tôi thờ dài sườn sượt:

“Thật không may, cháu vào chơi mà con Quỳnh không có ở nhà. Nó theo chồng về dưới Vũng Tàu gần một tháng nay rồi”

Nghe ông Sáu nói, tôi thấy người choáng váng nhưng kịp lấy lại bình tĩnh:

“Quỳnh làm đám cưới lâu chưa bác?”

Ông Sáu vừa tiếp tục vắn thuốc vừa trả lời:

“Có làm đám cưới đám hỏi gì đâu cháu. Thằng chồng nó làm nghề buôn ngừ cộc, thường tới lui Suối Quít để thu mua bấp

và các loại đậu. Hai đứa nó quen nhau. Bác thấy con Quỳnh đã lớn tuổi rồi nên cũng ừ cho nó yên bề gia thất. Cuộc sống đã đổi thay, mình đâu còn gì để mà lựa chọn nữa cháu!”

Nghe giọng nói rầu rầu, chua chát của ông Sáu, tôi đoán được Quỳnh chịu lấy người lái buôn nào đó chỉ vì muốn thoát khỏi cái vùng tăm tối này. Tôi cúi đầu yên lặng, chịu đựng nỗi đốn đau dày vò như có hàng ngàn mũi kim châm vào lòng ngực.

Đêm đó tôi và cô gái ngủ lại nhà ông Sáu Ngồi. Nhà chỉ có một cái giường duy nhất có mùng. Ông Sáu nhường cho cô gái. Tôi và ông ngủ ở cái sạp tre phía trước. Đêm đã khuya, tôi cứ thao thức trằn trọc mãi, không cách nào chợp mắt được. Lâu lâu lại nghe tiếng thở dài của ông Sáu. Tôi biết nỗi đau buồn của ông không kém gì tôi. Ông buồn vì cuộc sống, tôi buồn vì đã mất người yêu!...

Thì ra nhà di cô gái nằm cách bãi đậu xe chỉ vài trăm thước mà chúng tôi không biết. Mai, người chị họ của cô mừng rỡ, lảng xảng hỏi han tíu tít. Bây giờ tôi mới rõ tên cô gái là Phụng Vy. Có một điều làm tôi hơi ngạc nhiên là tính tình cô gái hoàn toàn khác hẳn với ngày hôm trước, nói cười luôn miệng, thỉnh thoảng lại pha trò làm mọi người phải bật cười.

Trò chuyện một hồi, Mai đưa tôi và Phụng Vy dạo quanh những khu vườn có nhiều loại cây ăn trái. Phụng Vy nhanh nhẹn như một con sóc, nghịch ngợm, phá phách. Nhìn cô ta tôi nghĩ thầm, chắc cô gái này chưa hề bị tình yêu khuấy động, nên cái vẻ ngây thơ, thuần khiết vẫn còn. Mai thì có vẻ già dặn hơn, nhưng vẫn còn giữ được cái dáng dấp của một cô gái thị thành. Mai đưa chúng tôi đến một con suối nhỏ chảy ngang một khu đất bằng phẳng đã được khai hoang để trồng hoa màu. Những luống rau đủ loại xanh mướt trải dài dọc theo hai bên bờ con suối như hai thảm lụa xanh, phơi mình dưới ánh nắng mai dịu dịu. Chúng tôi đến ngồi trên

một chiếc cầu nhỏ bắc qua con suối. Dòng nước chảy êm nhưng đục ngầu vì chứa nhiều phù sa. Cách đó chừng vài chục thước, một cô gái đang cặm cùi chăm sóc mấy luống cải mới trồng. Nhìn cái vẻ lam lũ của cô gái rồi nhìn lại Mai, tôi nghĩ thầm, dù ở bất cứ thời đại nào, dù ở bất cứ nơi đâu, sự bất công của xã hội vẫn luôn luôn tồn tại...

Chợ nhóm trên một khu đất trống. Các mặt hàng chính yếu bày bán tại đây hầu hết là những thứ sản xuất tại địa phương như rau cải, thịt heo, thịt rừng và một vài thứ linh tinh khác. Tôi đứng nhìn hai cô gái lằng xằng mua sắm những thứ cần dùng cho buổi cơm chiều. Người tôi mệt nhoài vì suốt ngày lễo đẽo theo sau hai cô gái. Bữa cơm chiều tuy không thịnh soạn lắm nhưng rất ngon miệng vì tài nấu nướng khéo léo của Mai. Một tô canh mướp, một đĩa mì xào và một đĩa hột gà chiên. Có một điều làm tôi khá cảm động là trước mặt tôi, một chai bia đã khui nắp và một cái ly làm bằng thủy tinh.

“Cám ơn hai cô nhiều, hai cô chu đáo quá”

Mai nhanh nhẩu:

“Đâu có gì. À, mà không có đá đâu nhé. Ở cái nơi thâm sơn cùng cốc này, kiếm một cục đá còn khó hơn kiếm một cục vàng”

Tôi cười xã giao:

“Không sao. Hai cô uống một chút cho vui”

Phượng Vy với một giọng trầm buồn khó hiểu đọc nho nhỏ một câu thơ trong Truyện Kiều của Nguyễn Du:

“Người buồn rượu có vui đâu bao giờ”

Mai cười hồn nhiên:

“Nhỏ ơi! Nguyễn Du nói cảnh chứ nói rượu hồi nào”

“Người buồn thì cảnh rượu gì mà chẳng buồn”

“Chứ nhỏ không nghe người ta nói uống rượu giải sầu sao.

Ừa, mà nhỏ buồn hay ai buồn vậy?”

Phượng Vy lườm Mai một cái rồi bỏ vào trong lầy chén dĩa. Tôi phải ở lại nhà Mai qua đêm vì đến ngày hôm sau, chiếc xe mắc dịch kia mới trở về Long Thành. Đêm đó ba người chúng tôi ngồi quay quanh một cái bàn nhỏ, trò chuyện. Mẹ

Mai, sau một ngày buôn bán thắm mệt đã vào phòng ngủ trước. Dưới ánh sáng mờ ảo của ngọn đèn dầu, khuôn mặt Phương Vy càng hiện rõ cái nét diễm kiều, khả ái. Tôi ngồi yên nghe hai cô trò chuyện. Bất chợt, tôi cảm thấy sự hiện diện của mình lúc này là một trở ngại cho hai người lâu ngày gặp nhau tâm sự, nên cáo lỗi bước ra ngoài. Bầu trời đen ngịt. Tiếng côn trùng râm ran như một bản nhạc hòa tấu ngân nga bất tận...

Một ngày hai đêm ở Suối Quít trôi qua như một giấc mộng. Nỗi đau buồn, hụt hẫng của chuyến đi tìm Quỳnh vẫn còn nguyên vẹn trong tôi. Từ giã gia đình Mai, tôi lặng lẽ bước theo hai cô gái tiến về bãi đậu xe. Vẫn chiếc xe than cũ kỹ mang chúng tôi trở về Long Thành. Phương Vy ngồi yên như pho tượng, trên mặt loáng thoáng một nét buồn xa xăm, khó hiểu... Tôi cũng ngồi yên nhìn ra bên ngoài. Bầu trời trong xanh, một cặp chim rừng đang xoải cánh bên nhau, bay về hướng mặt trời...

Người Đàn Bà Ở Căn Chung Cư Số 13

Có tiếng động mạnh trên tầng lầu 2. Tôi bước vội ra sân nhìn lên, nhưng chẳng thấy gì cả. Tôi chờ thêm vài phút xem có chuyện gì xảy ra nữa hay không thì điện thoại trong nhà bắt reo. Tôi vội trở vào nhắc máy và sững sờ khi nghe đầu dây bên kia, anh Hải ơi! Anh lên khóa cửa giùm em. Hồi chiều ra đi em quên khóa. Cảm ơn anh nhé. Tôi chưng hửng, cầu nhàu, chưa kịp hỏi gì đã cúp.

Hôm sau, khi gặp bà Trang, tôi chưa kịp mở lời phân trần... thì bà nhìn tôi tươi cười nói, cảm ơn anh đã khóa cửa giùm em. Nghe bà Trang nói, tôi chới với không biết phải ứng đáp thế nào vì tôi có khóa cửa giùm bà bao giờ đâu! Chìa ở đâu mà khóa! Bất chợt, tôi nghĩ đến một điều, ở Mỹ chìa khóa nhà ai nấy giữ, đâu có tùy tiện đưa cho người khác được. À, mà sao bà ta lại nghĩ là mình có chìa khóa nhỉ? Nếu bà bị mất đồ thì sao? Nghĩ đến đây tôi đâm hoảng nhưng cố lấy bình tĩnh hỏi, chị có bị mất mát gì không? Bà Trang cười tươi như hoa, dạ không, nhờ anh khóa cửa nên không xảy ra chuyện gì. Tôi bực mình hỏi, này chị Trang, khóa cửa của chị có mấy chìa vậy? Bà Trang trở mắt nhìn tôi ngạc nhiên, anh hỏi làm chi vậy. Anh Hải ơi, ở Mỹ đừng hỏi những việc như vậy, không tốt đâu. Tôi kêu trời không thấu nhưng nhìn cái vẻ vô tư ngớ ngẩn của bà, tôi đành gượng gạo nói, đúng... đúng..., chị nói đúng! À này chị Trang, tôi làm gì có chìa khóa của chị mà chị nhờ tôi khóa cửa? Chị có chắc là khi trở về, cửa nhà của chị đã được khóa không? Bà Trang nhìn tôi với vẻ ngơ ngác, cặp mắt lảo liên hình như đang nghĩ đến một điều gì đó, rất quan trọng. Bà thờ dài sườn sượt

nói, xin lỗi... xin lỗi... em lắm cảm quá. Bà vừa nói vừa vội vã bước lên thang gác...

Gần một tháng nay căn chung cư số 13 của bà Trang cửa đóng im ỉm, cũng không thấy xe bà đậu ở parking lot. Tôi không rõ bà đi xa hay đã đổi chỗ ở? Tuy căn nhà bỏ trống, nhưng thỉnh thoảng lại nghe có tiếng chân người đi tới, đi lui, nện gót giày thỉnh thoảng trên sàn nhà. Đôi khi lại có ánh sáng mờ mờ của loại đèn ngủ phát ra từ khung cửa sổ. Tôi vốn là người không tin ma quỷ, nhưng với những hiện tượng kỳ lạ trên tầng lầu 2, khiến tôi khó tìm được giấc ngủ thanh thản. Tôi đâm lo và không biết tại sao lại cảm thấy buồn buồn sau những ngày không gặp bà Trang! Nhiều đêm tôi cứ trằn trọc, thao thức mãi cho đến nửa đêm mới chợp mắt được. Tôi đến ở đây gần được một năm. Tôi không vợ con và cũng chẳng có bạn bè, thân thuộc gì. Có thể nói bà Trang là người thân quen duy nhất của tôi. Bà cũng như tôi. Độc thân. Tính tình trầm lặng. Không thích giao du bạn bè. Bà làm thu ngân viên cho một trung tâm bán lẻ. Ngoài thời gian đi làm và đi chợ, hầu như lúc nào bà cũng có mặt ở nhà.

Căn nhà số 13 yên tĩnh lạ thường và bà Trang cũng bất vô âm tín. Một hôm khi đi làm về, tôi thấy một miếng giấy nhỏ dán trên khung cửa, chữ viết bằng mực đỏ, nhòe nhoẹt tựa tựa như viết bằng máu. Miếng giấy chỉ viết có mấy dòng “Anh Hải ơi! Ngày 13 tháng này anh lên gác đốt vài nén hương trên kệ thờ giùm em nhé. Cảm ơn anh nhiều.” Tôi đọc mấy dòng chữ mà dở khóc dở cười, lầm bầm trong miệng, ở căn nhà số 13 mà còn nhờ mình ngày 13 lên gác đốt nhang. Trời ơi, con số 13 đâu có đem ra đùa cợt được. Tôi tính nhẩm, từ đây đến ngày 13 còn khoảng hơn một tuần. Thế là tôi cứ nơm nớp chờ đến ngày 13 xem có việc gì xảy ra hay không?

Đang ngồi đọc báo ở phòng khách thì điện thoại reo. Tôi nhắc lên nghe nhưng điện thoại cứ rít rít, ề ề không làm sao

nghe được. Giọng nói ở đầu dây bên kia cũng nhòe nhòet, đứt quãng, chỉ nghe được mấy tiếng Trang đây... Trang đây... rồi sau đó là những tạp âm nghe đến rợn người. Đó là vào một chiều Chúa nhật trời nhá nhem tối. Bên ngoài mưa tầm tã. Những giọt nước từ trên hành lang căn gác nhỏ xuống khóm bạc hà trước hiên nghe lộp độp, lộp độp, thật buồn. Tôi mở cửa bước ra ngoài. Một cảnh tượng làm tôi suýt đứng tim đang hiện ra trước mắt. Những giọt máu từ trên hành lang căn gác rơi xuống đọng trên mấy phiến lá bạc hà, rồi nhiều từng giọt xuống bộ xương người làm bằng chất nhựa trắng mà tôi đã đặt ở dưới mái hiên trong ngày Halloween. Tôi bước vội vào nhà định gọi 911. Nhưng kịp nghĩ lại, không lẽ có kẻ giết người vào giờ này? Tôi do dự một chút rồi quyết định lên gác xem việc gì đã xảy ra. Tôi cẩn thận rón rén từng bước đến trước căn nhà số 13. Tôi ngẩn người khi phát hiện ra ngay ở mép hành lang, ai đó đã để một hộp sơn màu đỏ (loại pha nước). Nước mưa tạt vào làm tràn hộp sơn rồi theo kẽ hở chảy xuống tầng dưới. Tôi lưỡng lự bước xuống cầu thang mà nghe lòng buồn rười rượi!...

Vào nhà ngả lưng trên sofa, tôi ngẫm nghĩ, có lẽ gần đây mình bị ám ảnh bởi căn nhà số 13, nên không kịp nhận định, quan sát kỹ càng mới tưởng tượng ra cái chuyện buồn cười, lảng nhách này! Nhưng rồi tôi lại nghĩ, tại sao hộp sơn để ngay trước căn nhà số 13 mà không để ở một căn chung cư nào khác? Tại sao hộp sơn lại mở nắp ra? Tại sao lại chọn đúng vào buổi tối nhá nhem, trời mưa tầm tã này? Hay là có kẻ dùng sơn đỏ để hăm dọa, cảnh cáo mình? Tại sao và tại sao?... Hàng loạt câu hỏi khó trả lời lần lượt hiện ra trong đầu tôi...

Ngày 13 đã đến. Khi làm về, tôi đứng ở parking lot rất lâu để quan sát kỹ càng căn nhà bà Trang. Cửa vẫn đóng. Không thấy có hiện tượng gì khác lạ. Tôi vào nhà thay quần áo rồi vô bếp lục thức ăn. Bụng tôi cơn đói cồn cào và cái mặt

vào phòng khách, tôi vừa ăn vừa nghĩ đến những mẫu chuyện rùng rợn mà người ta đã kể cho tôi nghe về con số 13.

Câu chuyện đầu tiên xảy ra vào thời Đệ nhị Thế chiến, một quả đại pháo của quân Đức rớt ngay giữa một nhóm lính Mỹ gồm 13 người, tất cả đều tử thương. Từ đó về sau người ta rất úy kỵ con số 13 và thêu dệt ra không biết bao nhiêu chuyện ly kỳ quái đản có liên quan đến con số 13, với một kết luận chắc nịch, 13 là con số xui tận mạng!

Ngồi nghĩ ngợi lung tung một hồi đâm chán, tôi mở cửa ra ngoài cho thư giãn một chút, nhưng bầu trời xám ngắt, cảnh vật âm âm, tôi vội trở vào nhà vì thấm lạnh. Ngồi một mình ở phòng khách, tôi cảm thấy buồn bã, cô đơn, trống vắng vô cùng. Thú thật, cái cảm giác này chỉ đến với tôi trong những ngày không gặp bà Trang. Nhưng lần lúc tôi lại cảm thấy bồn khoăn vì những hiện tượng quái lạ trên tầng lầu 2.

Ngày xưa, khi còn trẻ, tôi đã say mê đọc Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh. Vì vậy, không ít thì nhiều, cũng bị ảnh hưởng bởi những mối tình tuyệt đẹp giữa người và yêu tinh. Tôi không phải là một anh học trò nghèo mãi mê đèn sách. Bà Trang cũng không phải là một con chồn tinh. Ấy thế mà tôi cứ thấp tha thấp thỏm trong lòng. Tôi uể oải đứng lên, định lái xe chạy một vòng cho khuây khỏa, nào ngờ mới mở cửa ra, thì bà Trang đang từ nơi đậu xe lù lù bước tới. Tôi đứng sững như trời trồng, miệng cứ ú ớ mãi. Bà Trang hơi ngạc nhiên nhưng cũng kịp nhận ra ở tôi có một việc gì đó, không được bình thường. Bà đoán như vậy rồi vội vàng lên tiếng, làm sao vậy anh Hải? Không hoan nghênh em trở về à? Tôi vội lấp liếm cho qua chuyện, đâu có! Chỉ hơi ngạc nhiên thôi. Bà Trang tiếp, lạnh quá! Em vào nhà được không? Tôi mời bà vào nhà với một nỗi bồn khoăn lo lắng. Ngồi vào ghế xong, bà Trang cất giọng hỏi, hôm nay anh có lên gác thấp giùm em mấy nén hương không vậy? Nghe bà

Trang hỏi tôi đâm bực mình nhưng cố làm ra vẻ tự nhiên, chị Trang ơi! Chị biết tôi không có chìa khóa cửa chị mà sao chị cứ nhờ khóa cửa hoài vậy?! Bà Trang hơi ngơ ngác một chút rồi lên tiếng, chết rồi, em lại lằm cẩm nữa rồi. Xin lỗi anh nhé. Tôi nói, không có gì. Im lặng một chút. Bà Trang nhìn quanh căn nhà với một vẻ chăm chú khác thường. Tôi đánh tan sự im lặng, này chị Trang, hai tháng nay chị đi đâu vậy? Tôi có gọi cell phone mấy lần mà không được. Bà Trang nhìn tôi với nét buồn vời vời nói, mấy tháng nay em không dùng cell phone anh à! Tôi định hỏi bà thêm một câu, nhưng chưa kịp mở miệng thì bà Trang tiếp, anh Hải à! Nếu em có một việc đáng buồn nào đó muốn tâm sự với anh thì anh có chịu nghe không? Tôi trả lời không do dự, nghe chứ! Nhưng tôi sợ không giữ được bí mật khi nghe những điều ấy! Bà Trang thở dài nói, thực ra cũng chẳng có bí mật gì cả. Bà vừa nói dứt câu thì gục đầu xuống bàn khóc tức tưởi. Tôi đâm hoảng, bối rối không biết phải ứng xử thế nào trước sự việc xảy ra đột ngột như vậy. Tôi còn đang ngồi chết trân thì bà Trang ngước mặt lên, vừa đưa tay quệt nước mắt vừa thì thầm qua hơi thở, anh lên gác với em được không? Tôi giật mình. Một ý nghĩ không lành mạnh hiện ra trong đầu tôi. Bà Trang thấy tôi lưỡng lự nên hỏi lại. Tôi gật đầu, nhưng trong thâm tâm có một chút băn khoăn, ngần ngại. Đây là lần đầu tiên bà mời tôi lên nhà.

Bà Trang mở cửa rồi với tay vặn nút điện. Ánh sáng từ chiếc đèn màu vàng nhạt trên trần nhà tỏa xuống một thứ ánh sáng yếu ớt, nhòe nhòe nhưng cũng đủ cho tôi quan sát tường tận mọi vật bày biện trong nhà. Tôi để ý đến cái kệ thờ bằng gỗ, sơn màu đỏ gắn trên tường nhà. Trên kệ thờ là ảnh một người đàn ông còn khá trẻ, khoảng ba mươi, ba mươi lăm gì đó. Phía trước tấm ảnh là một lư hương bằng đồng, đầy ắp chân nhang.

Bà Trang loay hoay trong bếp một hồi rồi bung ra ba ly cà phê. Tôi hơi ngạc nhiên nhưng rồi hiểu ra ngay. Bà Trang lấy

một ly để lên kệ thờ rồi đốt nhang cắm vào lư hương. Bà làm mấy việc này một cách tự nhiên, thành thạo. Bà nhìn tôi, hỏi anh Hải làm gì mà ngồi thờ người ra vậy? Tôi lúng túng chưa kịp trả lời thì bà chỉ ly cà phê nói tiếp, mời anh. Em không biết uống cà phê, nhưng hôm nay trời lạnh, em uống với anh một ly. Tôi tò mò hỏi, không biết uống mà sao chị có sẵn cà phê trong nhà vậy? Bà Trang trả lời một cách tự nhiên, dạ hôm nay là ngày giỗ anh Long, hồi này, trên đường về, em ghé chợ mua một gói để cúng anh ấy. Tôi biết rõ Long là chồng bà Trang nhưng giả vờ hỏi, anh Long nào vậy? Bà Trang vừa đưa tay chỉ lên kệ thờ vừa trả lời hồn nhiên như một đứa bé, anh đó, chồng em đó. Tôi ồ lên một tiếng rồi lảng sang chuyện khác, mấy tháng nay chị Trang đi đâu vậy? Bà Trang trả lời ngay, không một chút suy nghĩ, em đi lấy chồng. Tôi chưng hửng. Bà Trang nói tiếp, mà không được đâu anh à, thà ở vậy còn hơn. Bà Trang nói như để phân bua, còn tôi thì như một quả banh, bị bà ta nhồi tới nhồi lui đến tôi tăm mảy mặt!

Một phút im lặng. Mỗi người đang theo đuổi một ý nghĩ riêng. Bỗng dưng bà Trang giương cặp mắt tròn xoe nhìn tôi nói nhanh, hôm trước em có về nhưng không gặp anh. Em về để thắp hương cho anh Long và sơn lại cái kệ thờ. Hôm đó em lu bu quá nên để quên cái hộp sơn ở trước nhà bị trời mưa trôi đi hết lại còn bị “văn phòng” cần nhân đòi em phải kêu người đến sơn lại. Tôi ngớ người lắm lắm, thì ra là vậy! Bà Trang nhìn tôi ngơ ngác, anh lắm lắm cái gì đó? Ờ không, tôi định hỏi chị Trang chừng nào đi lại? Bà Trang thờ dãi sườn sượt nói, còn đi đâu nữa, em sợ quá rồi. Những câu úp mở của bà Trang càng gọi thêm tính tò mò của tôi. Tôi quyết định từ bà Trang phải khám phá cho bằng được những sự việc kỳ quái mà mấy tháng nay nó luôn ẩn hiện trong đầu tôi. Chị Trang à! Có việc này tôi hơi tò mò một chút, chị đừng giận nhé. Bà Trang nhìn tôi với vẻ thân nhiên nói, anh cứ hỏi, có sao đâu! Tôi mạnh dạn hỏi, chị nói đi lấy chồng sao còn tính về đây ở luôn? Bà Trang trả lời một cách thân

nhiên thật thà, chuyện hơi dài dòng, anh chịu khó ngồi nán lại một chút nhé. Cách đây 2 tháng, tình cờ em gặp một người đàn ông. Nhà ông ta ở cách đây chừng ba mươi phút lái xe. Ông ta là chủ một cửa tiệm nhỏ. Ông ấy vun vãi tiền bạc để chinh phục em. Nhắc đến thật xấu hổ. Lúc đó em bị tiền bạc làm mờ mắt nên đồng ý ở chung với ông ta. Nào ngờ, người chồng mới này của em là một người ghen tuông bậc nhất trên đời. Ông ta kèm kẹp giám sát em còn hơn một cai tù. Thậm chí còn cấm không cho em nói chuyện điện thoại với bất cứ người nào. Tuy vậy, thỉnh thoảng, em cũng tìm cách lén về nhà dọn dẹp đồ đạc, thấp nhang cho anh Long rồi trở về ngay. Những lần như vậy, em biết anh có ở nhà, nhưng không dám quấy rầy giấc ngủ của anh. Với cái cảnh sống như ở tù này làm tinh thần em sa sút rất nhiều. Hồi sáng này như tức nước vỡ bờ, em cãi với ông ta một trận rồi cuốn gói về đây.

Nghe bà Trang kể xong, tôi thở phào nhẹ nhõm, lắm lắm, làm râm râm trên gác còn nói sợ người ta mất ngủ. Bà Trang giương cặp mắt tròn xoe hỏi, anh nói gì? Tôi trả lời ú ớ, à không, không có gì. Bà Trang lớ ngớ, không hiểu rõ tôi muốn nói gì, nhưng bà cũng không mấy quan tâm về câu nói ồm ờ của tôi. Hình như bà đang nghĩ về một điều gì khác, quan trọng hơn. Bà nhìn tôi im lặng, thở dài... Đồng hồ trên tường gõ nhẹ 12 tiếng, tôi thấy ngời thêm bất tiện nên từ giã bà Trang với một niềm vui thấp thoáng trong lòng...

Ngộ Nhận

Sau 2 lần bị vợ bỏ, ông Vượng ghét cay ghét đắng đàn bà. Ông thường nói với bạn bè, tao thà ở vậy suốt đời chứ không bao giờ đụng tới cái thứ “hồng nhan họa thủy” ấy nữa đâu. Ông Vượng “tuyên bố” có vẻ cương quyết lắm... nhưng chưa đầy một năm ông lại bê một bà sồn sồn ở Tân Bình về làm vợ. Từ đó ông không còn ghét đàn bà nữa. Ông nói “không có đàn bà như nhà không có nóc”. Bạn bè chế giễu, ông chỉ cười trừ...

Sau một ngày tán dóc với người bạn trong Chợ Lớn, ông Vượng đón xe buýt trở về nhà. Khi chiếc xe dừng lại ở một trạm đưa đón khách. Bà khách đầu tiên xuống xe, vô ý bước ra đường bị một chiếc xe gắn máy húc bà ngã ra bất tỉnh; cũng may, những chiếc xe chạy sau kịp thời thắng lại. Ông tài xế nhảy xuống xe bê bà khách vô lễ đường. Bà nằm bất tỉnh. Những người khách bu lại xem, có người đề nghị “chờ bà ta vào bệnh viện cấp cứu ngay, nếu không cứu chữa kịp thời thì nguy lắm.” Ông Vượng bước tới bê bà khách chạy đến chiếc taxi bảo tài xế chạy đến bệnh viện. Khi đến nơi, cô y tá ghi vội một vài chi tiết về tai nạn, hồ sơ cá nhân và địa chỉ của ông Vượng rồi bỏ chạy theo mấy cô y tá đang đưa bà Hương vào phòng cấp cứu. Ông Vượng thấy không còn ai đếm xỉa gì tới mình nữa nên cũng bỏ ra đường đón taxi trở về nhà.

Sau khi tỉnh lại, bà Hương muốn gọi cho người nhà biết mình bị tai nạn nhưng điện thoại của bà bị rút đầu mất, kể cả cuốn sổ ghi số điện thoại gia đình cũng mất luôn. Bà không cách nào liên lạc được với gia đình. Bà nghĩ chắc phải xin bác sĩ cho xuất viện trở về nhà để mọi người khỏi lo lắng.

Bà Hương chờ bác sĩ khám xong liền nói:

- Xin bác sĩ cho tôi xuất viện. Tôi có việc cần về nhà.

Ông bác sĩ trả lời:

- Cần phải ở lại bệnh viện thêm vài ngày nữa để xem có biến chứng gì không.

Thế là bà Hương phải ở lại bệnh viện đến ngày thứ ba mới làm thủ tục xuất viện. Cũng trong ngày này, ông Vượng nhận được giấy mời của bệnh viện. Khi đến văn phòng, cô y tá bảo:

- Ông theo tôi.

Ông Vượng không biết cô ta đưa mình đi đâu nhưng cũng lúi thủi bước theo. Đến một căn phòng ở tầng lầu 2. Cô y tá đẩy cửa bước vào. Ông Vượng cũng vào theo... Đứng xó rợ trong phòng một hồi mà chẳng thấy ai hỏi han gì đến mình, ông bỏ ra ngoài đứng nhìn mấy cô y tá đang đùa giỡn với nhau.

Bà Hương thấy cách ăn mặc của ông Vượng không giống người làm trong bệnh viện. Bà hỏi cô y tá:

- Ông ở ngoài đó là ai vậy?

Cô y tá giương cặp mắt tròn xoe hỏi ngược lại:

- Ông ấy không phải là chồng bà sao?

- Không, tôi có chồng con gì đâu! Cô y tá bước nhanh ra ngoài hỏi ông Vượng:

- Bà ở trong phòng có phải là vợ ông không?

- Không! Tôi là khách đi cùng chuyến xe, thấy bà ta bị xe đụng bất tỉnh nên tôi đưa bà vào đây, có vấn đề gì không vậy?

Cô y tá há hốc mồm, than nhỏ “chết rồi, hỏng hết rồi, tất cả hồ sơ bệnh án của bà Hương đều ghi ông Vượng là chồng của bà. Bây giờ làm thủ tục xuất viện thì phải làm thế nào đây?!!!” Cô y tá trở vào phòng, bà Hương hỏi nhanh:

- Có phải ông ấy đưa tôi đến đây không?

Cô y tá trả lời:

- Phải.

- Vậy nhờ cô mời ông ấy vào đây, tôi muốn nói chuyện với ông ta một chút.

Cô y tá trở ra nói:

- Mời ông vào phòng, bà Hương muốn nói chuyện với ông. Khi ông Vượng bước vào, bà Hương nở một nụ cười thật tươi nói:

- Chào anh, cảm ơn anh đã đưa tôi đi cấp cứu. Bây giờ bệnh viện gặp phải một việc rắc rối, không biết anh có vui lòng giúp họ không?

Ông Vượng nói:

- Được chứ, miễn đừng làm điều gì trái với pháp luật là được thôi. Nhưng không biết tôi giúp được gì cho bệnh viện đây?

Bà Hương nói:

- Xin anh đóng vai chồng tôi để ký vào hồ sơ bệnh án của tôi được không?

Ông Vượng suy nghĩ một chút rồi trả lời:

- Làm vậy là phạm pháp đó!

Bà Hương hỏi:

- Xin lỗi anh, hiện giờ anh đang ở với vợ con phải không?

- Tôi có vợ con gì đâu. Lâu lắm rồi, tôi cũng có hai bà vợ nhưng cả hai đều bỏ tôi ra đi, chắc tôi không có duyên với đàn bà!

-Ồ! Vậy là tốt lắm rồi. Tôi cũng là một góa phụ, chồng tôi đã chết từ lâu. Bây giờ chúng ta là hai người độc thân, làm vợ chồng giả để anh ký vào hồ sơ bệnh án, nếu xui xẻo bị đổ bể thì chúng ta làm cái kế “lộng giả thành chơn”, biết chừng đâu, đây cũng là một chuyện tốt phải không anh?

Thấy ông Vượng đứng trơ người như kẻ mất hồn. Bà Hương nói tiếp:

- Anh yên tâm, nhà nước không rảnh để lo ba cái chuyện lật vật này đâu!

- Thôi được, tôi ký!

- Cảm ơn anh nhiều.

Bà Hương quay qua cô y tá bảo:

- Cô đưa giấy tờ cho ông ấy ký đi.

Ông Vượng ký vào hồ sơ bệnh án xong, ông và bà Hương từ giã nhau mà quên mất việc trao đổi số điện thoại để liên lạc với nhau sau này khi cần...

Một sáng mùa thu trời se se lạnh. Sài Gòn với nhịp sống thường ngày của nó, vẫn nhộn nhịp ồn ào xe cộ ngược xuôi. Ông Vượng đang thả bộ trên đường Lê Lợi, bất chợt nghe tiếng gọi mình phía sau. Ông quay lại, sững sờ khi nhận ra bà Hương với một nụ cười thật tươi nói:

- Chào anh.

Ông Vượng với nét mặt buồn buồn nói:

- Sau vụ ngộ nhận ở bệnh viện tôi muốn gặp lại chị nhưng thành phố Sài Gòn rộng lớn, người đông như kiến dễ gì gặp lại nhau. Nhưng không ngờ hôm nay lại gặp chị, tôi cứ tưởng mình đang nằm mơ...

Ông Vượng và bà Hương tuy là một cặp vợ chồng chấp nối, tuổi tác cũng đã cao nhưng là một cặp vợ chồng chung sống với nhau vô cùng hạnh phúc. Ông Vượng thương bà Hương rất mực. Không cho bà làm bất cứ việc gì. Ông nói:

- Em không cần làm gì cả, mọi việc đã có anh.

Một hôm, bà Hương nói với ông Vượng:

- Em muốn lên Đà Lạt thăm một người bạn.

Ông Vượng ngạc nhiên hỏi:

- Người bạn nào của em sao lâu nay không nghe em nhắc tới vậy?

- Chỉ là người bạn thường thôi có gì quan trọng đâu mà phải nói với anh.

- Vậy em tính chừng nào đi?

- Thứ hai tuần sau lúc 9 giờ, em mua vé máy bay rồi.

Ông Vượng với nét mặt buồn buồn nói:

- Vậy cũng tốt, đi chơi cho thông thả, ở nhà hoài dễ sinh bệnh...

Tuy không phản đối nhưng ông Vượng nghi ngờ rất nhiều về chuyến đi này của bà Hương. Trước đây một tuần, ông

Vượng tình cờ thấy một bức điện thư ở dưới gối nằm của bà Hương. Đây là bức điện thư của một người nào đó viết cho bà từ Đà Lạt... “Em thu xếp lên Đà Lạt chơi, mùa này Đà Lạt đẹp lắm.” Ông Vượng đọc đi đọc lại nhiều lần bức điện thư nhưng không thấy có điều gì mờ ám; tuy nhiên, có một điều hơi lạ, tại sao người viết bức điện thư này lại ca tụng “Đà Lạt mùa này đẹp lắm” trong khi thành phố này đang chìm vào một mùa đông giá buốt. Nếu nghĩ xa hơn một chút thì bức điện thư này là một mật lệnh?!!!...

Ông Vượng bỏ giờ làm ở hãng đến phi trường, không phải để đưa bà Hương lên máy bay mà để xem ai là người hò hẹn với bà trong chuyến đi này. Ông Vượng nhìn chăm chăm vào hàng người đang chờ nhân viên phi trường kiểm tra giấy tờ trước khi vào phòng đợi lên phi cơ. Bỗng ông Vượng thấy bà Hương đang chuyện trò vui vẻ, thân mật với một người đàn ông lạ mặt. Ông liền nổi trận lôi đình chạy đến đâm lia lịa vào mặt người đàn ông. Cảnh Sát đến kịp thời còng tay ông Vượng và giữ luôn người đàn ông và bà Hương để điều tra sự việc.

Ở phòng làm việc sở cảnh sát, cô điều tra viên hỏi:

- Vì sao ông đánh người ta?

Ông Vượng trả lời:

- Tôi không nhận được hành vi bỉ ổi của hắn, đang o bế dụ dỗ vợ tôi.

Cô điều tra viên hỏi tiếp:

- Ông có biết hành vi đánh người là phạm pháp không?

- Tôi biết, nhưng lúc đó tôi không kiềm chế được khi thấy có người ve vãn vợ mình!!!”

- Thôi được. Chúng tôi tạm giữ ông để chờ ngày ra tòa. Cũng may ông không gây thương tích gì cho đối phương.

Một tuần sau ông Vượng được trả tự do vì có người bảo lãnh và đóng tiền phạt cho ông. Trên đường về nhà, ông Vượng tự trách mình không hỏi rõ trắng đen gì cả, cứ xông vào đâm túi

bụi vào mặt người ta, chắc chắn lần này lại thêm một bà vợ nữa bỏ đi!!!

Đẩy cửa bước vào nhà, ông Vượng thấy ở phòng khách ngoài vợ mình còn có một người đàn bà xinh đẹp và người đàn ông bị ông đánh ở phi trường, họ đang trò chuyện vui vẻ với nhau. Ông Vượng nổi “con điên” hùng hổ xông tới định đánh người đàn ông... nhưng bị người đàn bà và vợ ông cản lại. Người đàn bà xinh đẹp nói:

- Chú Vượng bình tĩnh nghe tôi nói. Đây là anh Thanh chồng tôi và cũng là người anh họ của Hương. Chúng tôi đang định cư ở Mỹ mới về Việt Nam hơn một tháng. Hôm đó chồng tôi đi Đà Lạt bàn chuyện làm ăn, tình cờ gặp Hương. Vì lâu ngày không gặp, lại đi cùng chuyến bay nên hai người họ rất mừng, trò chuyện vui vẻ với nhau sau nhiều năm xa cách, không ngờ lại xảy ra sự ngộ nhận đáng tiếc này. Thấy chú còn bị giam ở sở cảnh sát nên chúng tôi quyết định hủy bỏ chuyến đi để lo cho chú được về sớm. Ông Vượng vừa nghe vừa đưa mắt hết nhìn người này lại nhìn người khác. Với vẻ mặt sượng sùng, ông nói:

- Xin mọi người tha lỗi cho việc làm thô bạo và thiếu suy nghĩ của tôi.

Ông Thanh nói:

- Thôi bỏ đi! Đây chỉ là ngộ nhận, nhưng chú Vượng cũng nên xem lại tính tình của mình một chút...

Nhớ Về Dĩ Vãng

Sau khi tôi vào tù, chính quyền địa phương bắt vợ con tôi đi vùng kinh tế mới. Nơi họ đưa đến là một ngôi làng hẻo lánh nằm về phía tây tỉnh lộ 8. Thời tiết nơi này vô cùng khắc nghiệt. Hàng năm vào khoảng tháng giêng, ngọn gió mùa đông bắc từ biển đông thổi vào, dấy lên một vùng cát bụi mịt mù từ trưa cho đến chiều tối. Những ngôi nhà trong làng đều đóng cửa kín mít. Không có một bóng người lai vãng. Khi ra tù, tôi đưa vợ con tôi từ vùng kinh tế mới này trở về sinh sống ở quê nhà. Tôi nghĩ sống trên quê hương mình dù gì cũng đỡ hơn sống nơi đất khách quê người...

Một hôm tôi bàn với mẹ vợ:

- Nay bà, tôi tính ra cây ngủ chiều gò đít thùng để kiếm chút ít tiền phụ bà mua cá gạo, bà thấy thế nào?

Vợ tôi há hốc mồm nói:

- Trời mẹ ơi! Ông học gò hời nào mà đòi ra đó hành nghề. Chắc ông muốn ra đó để “gò” mấy bà chứ gì.

Tôi nghiêm sắc mặt nói:

- Bà à! Tôi thấy bà buôn gánh bán bưng vất vả hết ngày này qua ngày khác. Một thân nuôi sống cả gia đình, nên tôi muốn làm một việc gì đó kiếm chút tiền phụ bà mua cá gạo. Bà nhìn tôi thử xem, với cái bộ dạng của tôi hiện giờ, thì có ma nào chịu để cho tôi gò?!...

Vợ tôi ngẫm nghĩ một chút rồi nói:

- Vậy cũng được, ông ra đó ngồi cho đỡ buồn.

Tôi đang loay hoay đóng tấm “cạc tông” có dòng chữ “Gò Đít Thùng” viết bằng than lên thân cây ngủ chiều. Thằng Chín Út nhìn tấm bảng hỏi:

- Anh tính sửa thùng gàu ở đây hả anh Tám?- Thì ở nhà buồn nên ra đây ngồi cho hết thì giờ, nhưng nếu có ai đem thùng

gàu tới sửa thì tôi cũng làm. “Chỉ có người ngu chứ đâu có nghề dại” mà chú Chín.

- Anh Tám à, anh làm nghề này ở đây có lý lắm, nhưng không biết tay nghề của anh thế nào, nếu anh làm cho họ vừa lòng thì họ sẽ đem đồ đến cho anh làm. Nếu họ không vừa lòng thì anh dẹp nghề là cái chắc.

- Chú Chín nói đúng. Làm nghề nào cũng vậy, phẩm chất vẫn là điều quan trọng hơn hết. Nói thật với chú, tôi không mấy tin tưởng về việc làm này của tôi. Hồi còn trong tù tôi thường hay làm những món đồ mỹ nghệ bằng nhôm rất đẹp. Có thể nói tôi là người có khiếu về lãnh vực này. Nhưng tôi không biết có làm được những món đồ có dung tích lớn như thùng gàu hay không? Nhưng dù gì tôi cũng thử một lần. Nếu không khá thì dẹp đồ nghề vậy thôi.

Một hôm tôi đang cặm cụi gò cái đít thùng cho bà Hồng thì có tiếng đàn bà gọi tôi từ trên xe ngựa, tôi đứng lên nhìn thì thấy bà Hồng vừa đưa tay vẫy vẫy vừa hỏi lớn:

- Anh Tám ơi. Anh gò cái đít tôi chưa? Anh gò cái đít tôi chưa?

Tôi định trả lời nhưng chiếc xe đã chạy xa rồi. Thằng Chín Út vừa đi ngang qua, nghe bà Hồng hỏi tôi, nó cười ngặt nga ngặt nghẽo nói:

- Anh Tám ơi, anh nhớ gò cẩn thận nghe. Cái đít bà Hồng cứng lắm đó.

Tôi cũng đùa:

- Ủa! Chú Chín gò cái đít bà Hồng hồi nào mà biết nó cứng vậy? Thằng Chín Út vừa cười ha hả vừa bỏ đi. Ngồi ở góc ngủ chiều ngày nào cũng chứng kiến những chuyện tiếu lâm trên trời dưới đất xảy ra, nhờ vậy mà đỡ buồn phần nào.

Tôi đang loay hoay sửa lại cái đít thùng của bà Hoa thì thằng Chín Út bước tới nói:

- Dẹp đồ nghề đi anh Tám.

- Giờ Chú. Còn sớm mà.

- Hôm nay nhà em cúng tất niên mình nhậu một bữa cho đã anh Tám.

- Thôi được, chú về trước, tôi sẽ đến ngay.

Bước vào nhà thằng Chín Út tôi thấy khoảng năm sáu người đang ngồi trên bộ ván kê ở một góc nhà, trò chuyện. Tôi đến ngồi ở khung cửa sổ nhìn ra đường. Những chiếc xe lam, xe ngựa chở đầy hàng Tết từ Phan Thiết chạy về rồi nghĩ đến đám con đang đói meo ở nhà mà lòng buồn rười rượi.

Cuộc nhậu đến lúc hào hứng. Mọi người đã ngà ngà say. Đây không phải là lần đầu thằng Chín Út mời bạn bè đến nhậu nhân dịp cúng tất niên, mà hầu như chiều nào cũng có cuộc nhậu ở nhà chú ấy.

Khi mặt trời sắp lặn thì trên các ngã đường lại xuất hiện những con sâu rượu lò mò tiến về cây ngủ chiều (1). Trong những cuộc nhậu ở nhà thằng Chín Út không phải lúc nào cũng vui vẻ mà trái lại cũng có những cuộc nhậu gay gắt ồn ào cãi vã lớn tiếng. Lần này thì thằng Ba Hưng và thằng Bùi Hùng đứng lên muốn đánh nhau làm cho vợ thằng Chín Út vừa khóc vừa nói:

- Chiều nào mấy anh cũng tụ hợp lại nhà tôi uống rượu tôi đâu có phiền hà gì. Nhưng mấy anh phải tôn trọng gia đình tôi một chút chứ. Nếu mấy anh cãi vã ồn ào không cho con tôi ngủ thì xin mấy anh ra khỏi nhà tôi, muốn làm gì thì làm... Sau lời trách cứ của vợ thằng Chín Út, mọi người im thin thít. Ngồi thêm một chút rồi không ai bảo ai mọi người đều rút lui rất trật tự. Từ lúc xảy ra chuyện, thằng Chín Út ngồi tựa lưng vào tường không nói một lời nào!...

Màn đêm buông xuống thật nhanh. Cảnh vật chìm trong bóng tối. Tôi lần theo con đường mòn quen thuộc trở về nhà. Vợ tôi và mấy đứa con đã ngủ say. Tôi nhấc ghế ra sân ngồi hút thuốc. Sương đêm lạnh lạnh. Tôi nghĩ đến ngày mai lại phải ra ngồi ngáp gió ở gốc cây ngủ chiều...

Huế

Em Và Tôi

*Bóng chiều vương cánh sắt
Lạc lững giữa trời Trung
Mây ngàn mây lãng bạt
Núi ngọn núi chập chùng!!!*

(nền)

Cô gái ngồi cạnh tôi nhìn mấy câu thơ tôi viết trên tờ giấy lau rồi khen:

“Thiếu Úy làm thơ hay quá!”

“Cám ơn cô. Tôi mới biết làm thơ gần đây thôi. Cô khen làm tôi ngượng quá!”

“Thiếu Úy làm việc ở Huế?”

“Vâng, tôi là lính của Sư Đoàn I Bộ Binh”

“Anh tôi cũng là lính của Sư Đoàn I, Trung Úy Bình anh có quen không?”

“Ồ! Trung Úy Bình là bạn thân của tôi, anh ấy cũng thường nhắc đến cô. Không ngờ hôm nay tình cờ gặp được cô.

“Khi nào anh Bình về phép, mời anh ghé nhà chơi”.

“Vâng, cảm ơn cô”.

Tôi quay đầu nhìn ra ngoài. Những đám mây trắng như tuyết đùn lên từng cụm lớn, nối đuôi nhau trôi ngược về phía sau. Tôi cảm thấy lạc lững cô đơn, nghĩ đến mình chẳng khác gì những đám mây kia, trôi nổi bồng bềnh, không biết đâu là bờ bến. Mới ra trường, tôi bị đẩy thẳng ra vùng hỏa tuyến. Một nơi hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Thực ra hồi còn đi học, tôi cũng thường mơ mộng đến những thành phố miền Trung, nhất là Huế. Những địa danh và những từ ngữ mỹ miều nói về Huế đã vẽ trong đầu tôi một thành phố vô cùng thơ mộng. Khi ấy tôi nghe lồm bồm về một bến nước nào đó mà người ta gọi là Bến Vân Lâu, rồi hình dung nơi đó có những cô gái

tuyệt đẹp, mặc áo dài trắng với mái tóc thề bay bay trong gió. Chỉ chừng ấy thôi cũng đủ để tôi lạc vào cõi thơ:

*Có những buổi hoàng hôn êm ả
Tôi thả thờ trên bến Vân Lâu
Nhớ thương ai câu hò vĩ dặm
Thuyền ai kia tách bến về đâu?*

(*nhẫn*)

Cái thời mơ mộng đó không ngờ lại trở thành hiện thực khi tôi cầm trên tay cái Sự Vụ Lệnh bổ sung quân số cho Sư Đoàn I bộ binh. Ngày đầu tiên đặt chân lên thành phố Huế, tôi cảm thấy có một cái gì đó hoàn toàn trái ngược với những gì mà tôi đã từng hình dung. Cả một thành phố đang nằm co ro, mệt mỏi, buồn hiu trong cái không khí chiến tranh bao trùm với những tiếng “*đại bác đêm đêm vọng về thành phố*”(*), với những chiếc GMC chở đầy lính Mỹ xuôi ngược trên các con đường ngoại ô, bỏ lại những đám bụi mịt mù tủa vào các quán ăn, quán nước, nơi mà những cô gái hành nghề mãi dâm và những em bé rách rưới thường đến đây, cà rà theo mấy anh lính Mỹ để kiếm chút tiền cơm hay chút bánh kẹo. Tôi cảm thấy băng khuâng, lạc lõng thật sự.

Tôi đang suy nghĩ miên man về cuộc đời lính tráng rày đây mai đó của mình, thì chiếc phi cơ giăng xóc kịch liệt, nghiêng hẳn về một bên. Tiếng động cơ ù lên, ngấm ngấm, nặng trĩu, nhói vào tai tôi làm nhức buốt cả màn nhĩ. Hành khách, có người còn đang ngủ gà ngủ gật, chợt choàng dậy, đưa mắt nhìn đảo đảo. Cô tiếp viên cũng vừa đến yêu cầu tôi sửa lại lưng ghế và cài dây an toàn.

Bình gọi hai ly cà phê đen. Móc túi lấy ra gói Capstan đầu lọc, rút một điếu đưa lên môi, rồi ném cả gói thuốc về phía tôi. Tôi hít một hơi dài rồi nói:

“Mày kín miệng thật”

“Cái gì? Tao kín miệng cái gì?”

“Em gái mày đi Sài Gòn mà không cho tao biết để đi đón.”

“Em gái tao? Mày gặp nó ở Sài Gòn?”

“Cái gì mà mày cuồng cuồng lên vậy. Làm như tao sắp bắt cóc em gái mày không bằng. Mà em gái mày tên gì vậy?”

“Lan, Tôn Nữ Ngọc Lan. Đang học lớp Đệ Nhị Trường Trung Học Đồng Khánh.”

Tôi định hỏi thêm một câu, nhưng chợt thấy cô chủ quán bước đến, nên vội đánh trống lảng:

“Cô em hôm nay đẹp quá nhỉ, tôi chịu cô em rồi đó.”

“Dạ không dám.”

Chờ cô chủ quán đi rồi, Bình lờm tôi:

“Ê, đừng có lạng quạng nghe cha nội, coi chừng tao đục bỏ mạng đó” Hai thằng nhìn nhau cười ngất.

Bình cho xe dừng lại trước ngôi nhà lợp ngói âm dương ở ngoại ô thành phố. Bình xuống xe trước. Tôi nhìn vào khoảnh sân rộng trước nhà. Sân lát bằng gạch đỏ, có nhiều hoa và cây kiểng. Trong sân không thấy một bóng người. Tôi hồi hộp thật sự. Bình nắm tay tôi kéo vào nhà. Đây là một ngôi nhà cổ, mái thấp, thiếu ánh sáng, bên trong rộng thênh thang. Chỉ có một căn phòng độc nhất, làm bằng gỗ, nằm ở một góc nhà.

Khi vào đến giữa nhà, Bình gọi oang oang:

“Lan ơi, nhà đi mô hết rồi?”

Tôi nghe tiếng Lan trả lời từ căn nhà bếp phía sau. Tim tôi đập mạnh, cố lấy bình tĩnh để đối diện với cô gái mà tôi đã gặp một lần trên máy bay. Lan từ nhà sau đẩy cửa bước vào. Nhìn thấy tôi, Lan ngạc nhiên đứng khựng lại. Bình lên tiếng trước:

“Thiếu Úy Thắng, bạn anh.”

Quay qua tôi, Bình nheo một mắt, làm ra vẻ quan trọng:

“Lan, em gái tao.”

Tôi hơi bối rối, nhưng cũng kịp lấy lại bình tĩnh:

“Chào Lan, hân hạnh được gặp lại cô.”

Lan cúi đầu chào tôi nhưng không nói gì. Bình muốn phá tan cái không khí căng thẳng giữa hai người, nên pha trò:

“Này ông bạn, làm gì mà đứng chết trân rứa, ngồi xuống đi chứ.”

Tôi nói cảm ơn rồi ngồi xuống ghế. Lan cũng bỏ ra nhà sau.

Uống xong ly trà, Bình đưa tôi ra trước sân, vừa ngắm hoa vừa trò chuyện. Bình nói cho tôi nghe về cách thức trồng cây kiềng, dẫn giải từng loại cây phải làm thế nào để biến nó thành những hình dạng mình ưa thích. Làm thế nào để giữ cho nó chậm phát triển mà vẫn sống tươi tốt, khỏe mạnh. Tôi hơi ngạc nhiên về kiến thức chơi cây kiềng của anh chàng sĩ quan trẻ măng này, nhưng tôi còn đầu óc đâu mà nghe những thứ tào lao đó. Mặc cho Bình thao thao bất tuyệt, tôi chỉ... ờ... ờ... cho có lệ rồi để hết tâm trí vào cô gái xinh đẹp kia. Tôi lắc đầu chán nản, thở dài sườn sượt. Bình ngạc nhiên hỏi:

“Răng, mi không thích chơi cây kiềng à?”

“Đâu có, ai mà chẳng thích chơi cây kiềng.”

Tôi vừa trả lời vừa cười thâm trong bụng. Thực ra tôi đâu có thích ba cái trò chơi lảm cẩm của mấy ông già vô công rồi nghề này. Tôi mặc cho Bình hiểu lầm. Đầu óc tôi chơi vơi, trôi nổi vào cái không gian nửa quen nửa lạ của cái xứ Thần Kinh vừa thơ mộng vừa đầy bất trắc này.

Đã mấy ngày rồi tôi cứ đứng xó rợ trước cổng trường Trung Học Đồng Khánh vào những giờ tan học, không bỏ sót bất cứ một tà áo dài nào ngang qua trước mặt. Mấy cô nữ sinh tinh nghịch, bám tay nhau nhìn tôi cười khúc khích. Đã mấy lần muốn bỏ cuộc, nhưng không biết sao tôi lại cứ lần quần mãi ở trước cổng trường với một nỗi buồn nôn nao khó tả. Đang đắm đắm nhìn theo một cô gái có thân hình quen quen, mà khuôn mặt thì bị cái cặp che mất. Tôi đang đứng thờ người ra, thì một cú đâm như trời giáng nện xuống bờ vai. Tôi giật người quay lại thì Bình đang đứng lù lù trước mặt. Tôi đứng chết trân, không thốt được một lời. Bình kéo tôi vào một quán cà phê gần đó:

“Mi cứ nằng nặc đòi cho được cái phép về Sài Gòn thăm ông già mi đang bệnh nặng rằng bấy chừ mi lại ở đây?”

“Ồ! Vừa mới được tin ông già tao khỏe lại rồi.”

“Thôi đừng giả vờ nữa cha nội. Coi chừng tao đục bỏ mạng đó. Ủa, làm răng mà mi mặc nguyên cái bộ đồ nhà binh đứng chờ gái ngoài đường rứa, trời đất, lại còn gắn hai cái bông mai vàng khè lên cổ áo nữa chứ!”

“Kệ tao, lờ một chút không được sao?”

“Lờ con khi. Cái thời buổi giặc giã này, chỉ có mấy cô nàng từng từng mới chịu bọ mấy ông lính về làm của nợ. Mi lên quân y viện mà coi, cụt tay, cụt chân nằm cả đống trên đó.

Tôi lảng sang chuyện khác:

“Mày cũng về phép hả?”

“Tao đi công việc. Mi về cùng tao hay còn muốn ở lại gác trường?”

Tôi cười bên lên:

“Biết rồi còn hỏi”

“Răng mi không đến nhà mà chờ nó ở cổng trường rứa? Con nhóc đó không chịu gặp mi ngoài đường mô.”

Từ khi yêu Lan, tôi thấy thành phố Huế đẹp lạ thường. Nhất là vào những buổi chiều êm gió, tay trong tay thả bộ dọc theo các con đường râm mát trong Thành Nội. Tôi và Lan khẩn khít với nhau cho đến một hôm, tiếng bom đạn rền vang, thành phố Huế chìm trong khói lửa...

Cuộc Tình Lận Đận

Con đường mòn từ tỉnh lộ 8 về nhà, Hương phải đi dọc theo bên ngoài hàng rào phía trước nhà tôi. Hương xinh đẹp mặn mà với mái tóc thề buông lơis óng ả. Tôi thâm yêu Hương nhưng vốn dĩ là một chàng trai quê mùa nhút nhát. Tôi không dám ngỏ lời yêu Hương. Nhưng không ngờ Hương cũng đã thâm yêu tôi. Mỗi tình song song này không biết bao giờ mới được nhập vào nhau. Nhưng rồi một hôm, tôi nhận được lệnh động viên vào Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Tôi cứ tưởng mỗi tình giữa tôi và Hương đã đến ngày kết thúc. Nhưng không ngờ vào một ngày Chúa Nhật tôi được gọi ra gặp thân nhân. Khi đến khu tiếp tân, tôi ngạc nhiên sững sờ khi thấy Hương đang đứng nấp sau lưng em gái tôi. Hương cúi đầu e thẹn. Tôi bước tới nắm tay Hương hỏi:

- Dạo này em khỏe không?

Hương rung rung nước mắt trả lời:

- Dạ khỏe.

- Anh thấy em hơi gầy. Nhớ giữ gìn sức khỏe. Tôi đưa em gái tôi và Hương vào trong trường, lựa một bóng mát trái tằm nylon ba người ngồi hàn huyên tâm sự. Khi đưa em gái tôi và Hương ra về. Tôi một mình lủi thủi trở vào trại. Đêm đó tôi cứ trần trọc mãi, hình bóng của Hương luôn hiện ra trong đầu tôi.

Sau khi mãn khóa tôi được điều về Sư Đoàn I BB. Với cuộc sống của một người lính chiến, sinh mệnh bị đe dọa từng ngày. Tôi nhớ Hương và tôi cũng biết Hương nhớ tôi đến mức độ nào. Tôi nghiệp Hương chỉ gần gũi tôi trong một thời gian ngắn rồi mỗi đũa một nơi, nổi nhớ nhưng tràn ngập trong lòng.

Cuộc chiến mỗi ngày một thêm ác liệt. Sư Đoàn tổ chức hành quân liên miên. Trong một trận đánh lớn kéo dài hai

ngày hai đêm. Tôi bị thương trong trận đánh này. Tuy vết thương không nặng, nhưng nó làm tê liệt một bàn tay, không co giãn được. Hội đồng y khoa cho tôi được giải ngũ.

Ngày trở về Phan Thiết, em gái tôi và Hương lên phi trường đón tôi. Hương hỏi:

- Anh bị thương có sao không?

- Không nặng lắm nhưng vết thương đã làm tê liệt bàn tay phải của anh nên được giải ngũ.

Em gái tôi đùa:

- Hai người lo nói chuyện, bộ quên mất con nhỏ này rồi sao?

Hương nói nhanh:

- Ô! Chị xin lỗi em nhé.

- Đùa thôi. Để em đi trước nhường cái không gian đầy lãng mạn này cho hai người tình tự. Em gái tôi vừa nói vừa đi nhanh, phớt chốc bóng dáng của nó khuất vào một khúc quanh của con đường dốc từ phi trường về thị xã.

Mối tình giữa tôi và Hương kéo dài không được bao lâu thì một chuyện đau lòng xảy ra. Ông Lành, ba Hương ép nàng thành hôn với một người đàn ông góa vợ giàu có, tuổi tác đáng bậc cha chú của nàng. Hương là một người con có hiếu, không dám cãi lời cha mẹ. Nàng chỉ biết khóc. Trong thời gian chờ đến ngày tốt để tổ chức lễ cưới. Ba Hương cấm ngặt, không cho nàng gặp tôi. Trước nghịch cảnh đau thương này, tôi chỉ còn một chọn lựa duy nhất là bỏ nhà ra đi. Ba má tôi không ngăn cản quyết định này của tôi. Ba tôi nói:

- Con đã là người trưởng thành. Mọi việc tự con quyết định lấy. Ba má không giúp được gì cho con đâu. Trước quyết định ra đi, tôi muốn gặp Hương một lần. Không ngờ lần gặp gỡ này khiến Hương bị ba nàng nhốt chặt trong phòng, Hương chỉ biết khóc thầm trong đêm. Không ngờ nỗi đau buồn này đã khiến Hương lâm vào một chứng bệnh lạ mà gia đình nàng chạy chữa thuốc thang thế nào cũng không khỏi. Trong suốt thời gian nằm bệnh, Hương không nói một lời. Hết khóc rồi lại ngủ. Bệnh tình của Hương mỗi ngày một thêm trầm trọng. Hơn ai hết, ông Lành biết rõ nguyên nhân

gây ra chứng bệnh lạ này của Hương. Sau những đêm thao thức vì thương con, ông Lành làm điều này cũng vì một tình thế bất buộc, không còn một chọn lựa nào khác. Cuối cùng vì quá thương con nên ba Hương đến nhà xin lỗi ba má tôi và nhờ ba tôi gọi tôi trở về gặp Hương, vì đây là cách duy nhất có thể cứu Hương thoát được căn bệnh ngặt nghèo này. Ba tôi vui vẻ nhận lời. Ông Lành cảm ơn rồi rít rồi đứng lên từ giã ba má tôi ra về.

Nhìn vẻ hốt hoảng của đứa em gái, tôi biết ở nhà đã xảy ra chuyện.

- Nhanh lên, chị Hương bệnh nặng.

Tôi hỏi:

- Hương bị bệnh gì vậy?

- Nhanh lên. Về nhà sẽ biết.

Em gái tôi trả lời cộc lốc, khác hẳn cử chỉ thường ngày của nó. Tôi mặc nhanh quần áo rồi ra xe chạy một mạch về Phan Thiết. Khi đến nơi, tôi dựng xe bên ngoài, chưa kịp chào hỏi ai, tôi bước nhanh vào phòng. Hương nhìn tôi như nhìn một người xa lạ. Tôi ngồi xuống nắm tay Hương nói:

- Hương, anh về với em rồi nè. Em giỏi quá. Vài ngày nữa em sẽ hết bệnh. Anh chở em đi dạo mát, chịu không?

Hương nhìn đắm đắm vào mặt tôi, rồi hai dòng nước mắt trào ra, tôi chết điếng trong lòng...

Suốt mấy ngày ngồi bên Hương, lòng tôi đau như dao cắt. Đến ngày thứ năm, tôi ngồi thiu thiu ngủ. Bỗng có cái gì động đập trên lòng bàn tay. Tôi giật mình nhìn xuống. Cả người tôi như muốn bay bổng lên mây. Bàn tay Hương đang nắm chặt bàn tay tôi.

Một hôm, người đàn ông, mà ba Hương định gả nàng cho lão, đến nhà. Với vẻ mặt vênh váo, chẳng coi ai ra gì, ông ta nói lớn:

- Đám cưới không thành, ông phải trả lại tiền cho tôi chứ.

Ba Hương nói:

- Ông Vạn à! Xin ông nán lại cho tôi ít bữa. Khi kiếm được tiền tôi sẽ trả cho ông ngay.

- Ông làm sao để kiếm được tiền. Ông phải ép con gái ông làm vợ tôi, nếu không thì tôi sẽ làm lớn chuyện đó.

- Tôi xin ông mà ông Vạn. Lần này nhất định tôi sẽ kiếm được tiền. Nếu trong vòng một tháng mà tôi không kiếm được tiền để trả cho ông thì ông muốn gì tôi cũng chịu.

- Ông nhớ đó, trong vòng một tháng. Nếu không trả tiền thì đừng trách tôi.

Ông Vạn lấy cây gậy đập lên bàn mấy cái thị uy rồi bỏ ra về.

Hương vội kéo tôi núp vào một góc nhà bếp. Tôi như từ trên trời rớt xuống, không biết nội tình của gia đình Hương thế nào, nhưng theo lời hăm dọa của ông Vạn, tôi biết gia đình Hương đang nợ ông Vạn một số tiền rất lớn không làm cách nào trả nổi. Cũng vì món nợ này mà ba Hương phải chấp nhận điều kiện gã Hương cho lão để trừ nợ.

Hương kéo tôi đến chiếc xe nói:

- Anh chờ em về nhà anh được không?

- Được em.

- Em không muốn giấu chuyện này với hai bác. Em sẽ nói với hai bác những gì mà em đã nghe ông Vạn nói lúc lúc này. Cuộc hôn nhân của chúng ta để hai bác định đoạt.

- Em đừng lo, anh tin là việc gì cũng có cách giải quyết mà.

Tôi dìu Hương vào nhà. Ba tôi nói:

- Hương ngồi xuống đây với bác đi con.

Hương bật khóc nức nở. Ba má tôi vô cùng ngạc nhiên. Má tôi bước tới dìu Hương vào phòng. Bà đưa chiếc khăn tay cho Hương bảo:

- Con lau nước mắt đi. Chuyện quan trọng đến đâu cũng có cách giải quyết mà. Con ăn gì chưa? Để bác đi lấy đồ ăn cho con nghe. Hương nói:

- Dạ con không đói đâu bác. Khi nào đói con sẽ ăn.

Má tôi nói:

- Con vừa khỏi bệnh không nên xúc động như vậy. Con hãy nghe lời bác, dù gì cũng còn hai bác đây mà. Thôi con nghỉ cho khỏe. Có việc gì, hai bác sẽ lo cho con. Má tôi dặn dò Hương một lần nữa rồi ra khỏi phòng. Ngoài phòng khách ba tôi và tôi chỉ nói về chuyện làm ăn. Hình như ba tôi không muốn bàn đến chuyện gia đình vì biết Hương đang gặp phải một chuyện vô cùng quan trọng. Không nên nói chuyện với Hương trong lúc này.

Thình thoảng tôi vào phòng trông chừng Hương. Khi Hương thức giấc, nàng gượng ngồi dậy. Thân hình thon nhỏ của Hương, đi ngoài đồng gió thổi muốn bay thì trước một thách thức lớn lao thế này, liệu nàng còn đứng vững được không?! Tôi vô cùng lo lắng. Tôi nói:

- Hương à, ngoài anh ra, còn có ba má anh. Chắc chắn ông bà không khoanh tay đứng nhìn sự việc này đâu. Mặc nợ thì để từ từ cho người ta trả. Nếu trả một lần không được thì trả nhiều lần. Tại sao thừa cơ hội áp bức một đứa con gái đáng con mình về làm vợ. Tại sao trên đời này lại có một người vô lương tâm đến vậy.

Hương nằm xuống. với cặp mắt thất thần, nàng nhìn đăm đăm lên trần nhà. Từ ngày hôm qua đến giờ, Hương nghĩ nát óc vẫn không tìm ra nguyên nhân gì mà ba nàng thiếu tiền người ta đến nỗi phải đem con mình đi thế nợ!...

Một hôm ba Hương đến nhà tôi. Ba tôi biết mục đích của ông đến để làm gì. Nhưng ông giả vờ ngạc nhiên hỏi:

- Ô, ngọn gió nào đưa ông đến đây vậy?

- Không giấu gì anh. Con Hương nhà tôi đã mất tích mấy ngày nay. Tôi tìm nó khắp nơi mà vẫn không có tin tức gì của nó hết. Tôi đến đây nhờ anh có biết nó ở đâu xin chỉ giùm. Ba tôi trả lời:

- Tôi thì không biết. Phiền anh ngồi chờ một chút, để tôi vào trong hỏi bà nhà tôi có gặp nó ở đâu không rồi sẽ ra cho anh biết.

- Dạ cảm ơn anh.

Ba tôi vào trong bảo má tôi, tôi và em gái tôi vào phòng Hương, hỏi nhỏ:

- Ba con Hương đến tìm nó, bây giờ tính sao?

Hương nói:

- Xin bác đừng cho ba con biết là con đang ở đây.

Ba tôi bảo mọi người đừng nói chuyện lớn tiếng rồi quay trở ra trả lời cho ba Hương biết là cả nhà không ai thấy nó ở đâu cả. Ba Hương nói lời cảm ơn rồi ra về. Ba tôi trở vào nhìn mọi người nói:

- Hú hồn. Chút xíu nữa là tôi đứng tim luôn.

Ba tôi là một người hiền lành, vui tính hay giúp đỡ mọi người nên cả làng ai cũng mến. Vì vậy mà tiếng nói của ba tôi thường được mọi người trong làng nghe theo.

Sáng ngày hôm sau ba tôi gọi mọi người ra phòng khách, kể cả Hương. Ông nói:

- Đêm vừa rồi ba suy nghĩ, việc của hai đứa con phải lo cho sớm. Ngày mai ba sẽ gặp ông Lành để bàn chuyện. Con Hương cứ ở đây chờ xong việc rồi sẽ về. Tuy ba tôi nói là bàn chuyện. Nhưng thực ra ông đã tính toán cả rồi.

Ông Lành bước vào nhà với một niềm vui thoáng hiện trong lòng, vì ông nghĩ là ba tôi đã biết Hương hiện giờ đang ở đâu. Sau một vài câu chuyện xã giao thường ngày, ba tôi nói thẳng vào đề:

- Chắc anh đoán được mục đích tôi mời anh đến đây là để bàn về việc gì rồi chứ. Bây giờ tôi xin nói thẳng, anh cho tôi biết cận kề về vấn đề khó khăn mà anh đang gặp phải. Tôi hứa sẽ giúp anh đến cùng.

Ông Lành thở dài nói:

- Một năm trước đây, tôi là một thành viên bắt đầu của một tổ chức buôn lậu. Một hôm, khi tôi đang lui cui chăm bón miếng vườn ở bên mé rừng thì có một người đàn ông bịt mặt bước tới gi súng vào tôi nói:

- Kể từ ngày hôm nay mày là một thành viên của tổ chức (?). Mày phải làm đúng theo chỉ thị cấp trên. Nếu mày không tuân theo lệnh và đi tố cáo cho cảnh sát thì tổ chức sẽ khử mày và cả đứa con gái mày nữa. Con gái mày vô tội đó...

Tôi không biết người đứng đầu tổ chức này là ai, cũng không biết một chút gì về tổ chức này. Phần tôi không nói gì nhưng sinh mạng con Hương thì dù chết tôi cũng tìm cách bảo vệ nó. Lần sau cùng cách đây một năm, tôi phải đi gặp bọn chúng. Lần này chúng không bắt tôi đi tải hàng mà chúng bắt tôi phải đưa cho chúng một số tiền lớn. Nếu không chúng sẽ khử tôi và cả con Hương. Tôi thì không sợ gì. Bất quá là liều mạng với chúng một phen. Nhưng khi nghĩ tới con Hương thì tôi không còn lòng dạ nào làm điều gì bất lợi cho nó. Cuối cùng tôi quyết định đến nhà ông Vạn vay hai chục ngàn đồng trong thời hạn một năm. Sau một năm nếu không trả được cả vốn lẫn lời thì phải gả con Hương cho hắn. Vì để giữ tính mệnh cho con Hương nên tôi đành chấp nhận điều kiện này, lấy hai chục ngàn đồng để giao cho bọn buôn lậu.

Ba tôi hỏi:

- Vậy món nợ hiện tại cả vốn lẫn lời là bao nhiêu?

- Dạ ba chục ngàn đồng.

Ba tôi suy nghĩ một chút rồi nói:

- Thôi được. Tôi sẽ trả giùm anh món nợ này và coi như đây là quà lễ cầu hôn con Hương cho thằng con tôi, chắc anh không phản đối chứ. Ông Lành mừng húm nói:

- Nhưng con Hương nhà tôi còn mất tích. Điều này không biết có thuận lợi cho cuộc hôn nhân của hai đứa nó không?

- Anh đừng lo.

Ba tôi lớn tiếng gọi:

- Cả nhà ra hết đây, kể cả con Hương nữa.

Ông Lành giật nẩy người. Ông nhìn Hương với cặp mắt sung vù vì hàng đêm ông lên khóc một mình.

Khi thấy Hương theo mấy người nhà của tôi bước ra. Nét mặt ba Hương bùng lên một niềm vui không thể nào tả xiết.

Ông nói:

- Con nhỏ này quá quất thật.

Hương nói:

- Con xin lỗi Ba.

- Con không có lỗi gì đâu. Hãy ở lại nhà hai bác chơi. Khi nào về cũng được. Ông Lành nói tiếp:

- Muôn vãn cảm ơn anh chị. Xin phép anh chị tôi về.

Khi ông Lành ra khỏi nhà. Ba tôi cười ha hả nói:

- Lo cho tụi bây mà tao muốn điên cái đầu...

Như Một Giác Mơ

Anh đã lập gia đình khác sao còn bảo lãnh em qua làm gì? Anh không còn cách nào khác để lựa chọn. Nói xong, người đàn ông vớt mẩu thuốc còn đang cháy dở xuống cái rãnh nước chảy dọc theo lối đi, nhưng chưa đầy một phút, ông lại bật lửa đốt điếu khác; những điếu thuốc vô tội vạ lần lượt bị ông vớt xuống cái rãnh, trôi lơ dờ theo dòng nước, không biết sẽ tấp vào đâu. Người đàn bà đầu cúi thấp. Bước chân quờ quạng. Đôi tay bầu chặt vào chiếc túi xách giống như một người đang cố sức giữ chặt một bảo vật sợ có người giật mất.

Mặt trời ngả xuống thật nhanh. Vạn vật trở mình thanh thân bước vào đêm. Người đàn bà nói qua hơi thở, anh Lượng làm ơn chở em về. Được. Ngày mai anh sẽ đến thăm Linh.

Linh mở cửa bước vào căn chung cư, đi thẳng vào phòng nằm vật ra khóc tức tưởi. Từ lúc đón Linh ở phi trường về căn chung cư này, hôm nay Lượng mới thổ lộ sự tình cho Linh biết. Phản ứng của nàng là những giọt nước mắt không ngớt trào ra. Nàng cảm thấy lạc lõng bơ vơ ở cái xứ xa quê nhà gần nửa vòng trái đất này.

Anh Lượng, có việc gì mà mấy tuần nay anh làm như kẻ mất hồn vậy. Có gì đâu, anh chỉ bức mình vì công việc độ này cứ gặp trở ngại hoài. Vậy mà em cứ tưởng anh có việc gì quan trọng đang giấu em. Trang à! Sao em giàu tưởng tượng dữ vậy. Thôi anh đi tắm, chút nữa anh có chút việc phải đi làm. Em ăn cơm trước đi. Dạ được.

Chờ Lượng đi rồi, Trang vào phòng nằm nghĩ ngợi lung tung. Trang không tin lời giải thích của Lượng. Giác quan nhạy cảm của người đàn bà báo cho nàng biết chắc chắn có một việc vì đó Lượng đang giấu mình. Trang đoán già đoán non đủ thứ chuyện, nhưng cái hình ảnh Lượng đang âu yếm

với một người đàn bà nào đó vẫn cứ chập chờn lẫn quẩn trong đầu.

Lượng cho xe chạy lòng vòng một hồi rồi tấp vào một quán cà phê nằm ở cạnh bờ hồ JP. Trời cuối thu, cảnh vật ở đây đượm một màu buồn tẻ thê lương. Ánh chiều tà xuyên qua cành lá chiếu vào khung cửa kính phía trước tạo thành những vệt lốm đốm, chập chới như một chùm pháo bông. Cô gái chạy bàn khá xinh bước đến hỏi chú uống cà phê gì? Lượng nói cà phê đen, bỏ ít đường.

Lượng vừa nhâm nhi cà phê vừa hồi tưởng những ngày sống bơ vơ buồn chán trên cái xứ cách quê nhà xa lắc xa lơ này hồi năm 1975. Lượng vốn là một Sĩ quan Không quân ngành cơ khí, phục vụ tại phi trường Tân Sơn Nhất. Với vốn liếng sẵn có, Lượng được thu nhận vào làm cho một hãng máy bay. Tại đây Lượng quen với Trang, một nữ thư ký vốn cũng là người di tản hồi 75. Lượng và Trang quen nhau được vài năm thì tình yêu nảy nở và trở thành một cặp vợ chồng rất hạnh phúc trên cái xứ tạm dung này.

Như mọi người di tản khác, Lượng không nghĩ là sẽ có ngày gặp lại Linh. Cho đến một hôm Lượng biết được tin tức nàng qua một người vượt biên thuật lại. Thì ra Linh cùng gia đình bị đưa đi kinh tế mới, vì vậy mà suốt bao năm trời Lượng cố gắng liên lạc với Linh đều không có kết quả. Tuy đã lập gia đình khác, nhưng Lượng lúc nào cũng nhớ đến Linh. Kỷ niệm của một cặp vợ chồng son trẻ luôn là hồi ức không thể voi đi trong tâm hồn chàng, nên khi biết được chỗ ở của Linh, Lượng liền tìm cách liên lạc và sau đó lập hồ sơ bảo lãnh nàng qua Mỹ.

Ly cà phê thứ 3 đã cạn. Cái gạt tàn cũng đầy ắp những đầu lọc màu nâu nhạt. Thành phố đã lên đèn từ lâu. Lượng trở về với một nỗi lo âu phiền muộn dâng ngập trong lòng. Trang vẫn còn chờ Lượng ở phòng khách. Nàng ân cần hỏi sao hôm

nay anh về muộn vậy? Ừ, anh có chút việc nên phải về trễ. Vậy à! Thôi anh đi tắm rồi ra ăn cơm. Không cần đâu. Anh làm trễ thấy đói nên đã ăn đồ hộp ở văn phòng rồi. Lượng tắm xong liền vào phòng nằm vật ra ngủ thiếp. Trang kéo mền đắp cho chồng rồi ra phòng khách ngồi lau nước mắt...

Giấy xét nghiệm đã có kết quả. Lượng không tin vào tai mình. Nhưng đây là sự thật. Bác sĩ đã xác định như vậy. Để trấn an Lượng, Bác sĩ Joe nói thêm, anh đừng quá bi quan. Cũng may là phát hiện kịp thời. Cái bướu mới ở giai đoạn đầu. Khả năng di căn rất thấp. Tôi khuyên anh nên nhập viện vài hôm để tiện việc lập quy trình chữa trị. Hai ngày sau Lượng nhập viện. Cặp mắt Trang đỏ hoe vì khóc suốt ngày. Nàng đến thăm Lượng thường xuyên.

Vào một chiều thu âm đạm, ngọn gió thu lay động những chiếc lá màu vàng nhạt trên mấy nhánh cây xào xạc buồn hiu... Lượng ngồi trên chiếc ghế băng phía trước bệnh viện hướng về công ra vào. Bất chợt Lượng thấy Linh với dáng điệu mệt mỏi lưng thung từ cổng đi vào. Lượng đứng bật dậy cùng lúc Linh cũng vừa nhận ra chàng. Lượng hỏi dồn dập đủ thứ khiến Linh không biết phải trả lời thế nào. Cuối cùng Lượng lấy lại bình tĩnh hỏi ai nói cho em biết là anh đang ở đây? Linh trả lời, hồi sáng có một người đàn bà đến nói với em, anh đang điều trị ở bệnh viện này và khuyên em nên vào thăm anh. Em có hỏi bà là ai nhưng bà ta không trả lời và vội vã bỏ đi ngay. Em cũng không nhận được mặt mũi bà ấy vì đôi kính đen và mái tóc che khuất một phần khuôn mặt. Lượng nghe xong ngẫm nghĩ một chút rồi nói nho nhỏ như chỉ để mình nghe, chắc là Trang rồi. Linh hỏi Trang nào vậy anh? À! không lẽ là chị Trang? Mà sao chị ấy biết em? Vì quá đổi ngạc nhiên nên Linh quên mất mục đích nàng đến đây là để thăm hỏi bệnh tình của chồng. Sau một vài phút bàng hoàng, Linh lấy lại bình tĩnh hỏi tình trạng sức khỏe anh thế nào? Bị bệnh gì vậy? Lượng suy nghĩ một hồi rồi nói thật cho Linh biết về căn bệnh của mình. Nghe xong Linh

ôm chặt Lượng khóc nức nở. Lượng vuốt tóc Linh nói khẽ, không sao đâu. Bệnh mới ở giai đoạn đầu có thể trị dứt được. Em yên tâm. Linh nói anh phải cố gắng chữa trị. Em sẽ đến thăm anh thường.

Nghe Linh nói “em sẽ đến thăm anh thường” Lượng giật mình, nhưng lại nghĩ “đến nước này, còn giấu giếm làm gì, thôi cứ mặc chuyện gì đến cứ đến”. Về phần Linh, nàng đã quyết tâm thường xuyên đến chăm sóc an ủi cho chồng dù có chuyện gì xảy ra cũng mặc.

Hết giờ thăm bệnh, Linh ra về với nỗi đau buồn xé nát tâm can. Linh cúi thấp đầu thất thểu lê từng bước ra bãi đậu xe. Thành phố đã lên đèn. Ngoài đường tấp nập xe cộ ngược xuôi. Linh lái xe còn yếu lại thêm tâm thần bất loạn, nên vượt đèn đỏ lúc nào không hay. Cũng may không xảy ra tai nạn. Chạy được một đoạn ngắn, bỗng có tiếng còi hú của cảnh sát phía sau. Linh quẹo vào bãi đậu xe của một tiệm ăn. Người cảnh sát đến hỏi bảo hiểm và bằng lái, Linh đứng ngớ người vì không biết cảnh sát hỏi gì. Vừa lúc đó, một người đàn bà trạc tuổi trung niên bước đến nói chuyện gì đó với cảnh sát rồi bảo Linh đưa bảo hiểm và bằng lái. Người cảnh sát biên giấy phạt rồi bỏ đi. Người đàn bà nói, chị Linh, em muốn nói chuyện với chị một chút được không? Linh chưa kịp trả lời thì bà ta nắm tay nàng dắt vào tiệm ăn. Linh như một cái máy bước theo người đàn bà vào ngồi ở một góc kín đáo trong tiệm.

Bây giờ Linh mới lấy lại bình tĩnh hỏi, xin lỗi chị là ai vậy? Người đàn bà với đôi mắt thật buồn nói em là Trang. Em cũng từ bệnh viện về. Thấy cảnh sát stop chị nên theo vào đây xem có giúp được gì không. Chị Linh à, việc anh Lượng bảo lãnh chị qua đây em đã biết từ lâu nhưng không dám nói ra vì sợ hai người khó xử. Linh chết điếng trong lòng, không biết phải nói gì trong trường hợp gay cấn này. Trang nói tiếp, chị yên lòng, em biết được nỗi khổ tâm của chị. Em cũng là

đàn bà. Em cũng đau khổ như chị nhưng em không hề trách cứ chị. Em là người đến sau mà. Nhất là hiện giờ anh Lượng gặp phải căn bệnh hiểm nghèo, chúng ta còn lòng dạ nào làm những việc khiến cho anh ấy thêm đau khổ phải không chị?

Linh ngồi chết trân, không nói được lời nào. Linh vốn là người được sinh ra và lớn lên ở một vùng nông thôn hiền hòa nên tính tình nhút nhát, ít khi tranh chấp với đời. Thỉnh thoảng Linh ngược nhìn Trang với hai gò má đầm đìa nước mắt. Trang nói chị Linh đừng buồn, em xem chị như một người chị ruột và sẽ lo lắng cho chị về sau này. Thôi được, chúng ta về.

Nói xong Trang dìu Linh đứng dậy, đến quầy trả tiền hai ly cam vắt rồi cùng nhau ra về. Linh nói cảm ơn chị rồi lên xe. Trang vừa quay lưng đi thì những giọt nước mắt tuôn ra không cách nào ngăn lại được. Thành phố vẫn thản nhiên trôi theo nhịp sống thường ngày của nó...

Bệnh tình của Lượng thuyên giảm rất nhiều sau một thời gian điều trị. Bác sĩ nói khả năng trị dứt hẳn căn bệnh rất cao. Lượng tin tưởng và phấn chấn trở lại. Chàng thường cùng Trang tản bộ vào những ngày đẹp trời. Một hôm Trang nói, anh Lượng à, em muốn hướng dẫn cho chị Linh công việc kinh doanh của mình để chị ấy giúp anh điều hành công việc. Anh cần nghỉ ngơi nhiều để căn bệnh mau chóng bình phục. Có một chuyện này em muốn xin anh, không biết anh có đồng ý không? Lượng nhìn chăm chăm vào mặt Trang hỏi sao hôm nay em kỳ cục vậy? Trang nói có gì mà kỳ cục. Việc em sắp nói với anh là niềm mơ ước của em từ lâu và bây giờ là lúc em muốn thực hiện nó. Anh ủng hộ em chứ? Mà chuyện gì vậy? Em muốn lập một quỹ từ thiện do em điều hành. Trời đất! Em nói gì vậy Trang? Thực đó anh. Em nghĩ là anh không từ chối em đâu, phải không? Lượng ngồi thờ người ra một hồi rồi với một giọng buồn buồn nói, Trang à, em biết anh không bao giờ từ chối em bất cứ một điều gì.

Anh sẵn sàng ủng hộ em. Nhưng hình như em đang tính toán một điều gì đó mà nguyên nhân là sự hiện diện của Linh trong cuộc sống của chúng mình phải không? Anh Lượng đừng hiểu lầm mà đánh giá thấp con người em. Em đã từng nói với anh là em xem chị Linh như một người chị ruột cơ mà. Lượng nói, thôi được, em cứ làm việc mà em muốn. Anh thấy chúng ta cũng nên làm một điều gì đó để giúp những người thiếu may mắn. Trang nói cảm ơn anh rồi cùng Lượng trở về nhà.

Thời gian trôi mau. Linh đã đủ khả năng điều hành công việc và cũng từ đó Trang ít khi ở nhà. Nàng thường về Việt Nam tham gia vào các công tác từ thiện. Ngoài ra Trang cũng dành nhiều thì giờ đi du lịch dài hạn và đây là liều thuốc hữu hiệu nhất, làm vơi đi phần nào nỗi buồn mà nàng đã âm thầm chịu đựng. Thấy Trang ít khi ở nhà, Lượng đề nghị Linh dọn về ở chung. Linh một mực từ chối. Nàng nói em không thể làm như vậy. Dù anh nghĩ thế nào đi nữa, em vẫn thấy mình có lỗi rất nhiều với chị Trang. Em chỉ coi em như một cái bóng của vợ chồng anh. Chị Trang đối xử với em khác với người thường. Những gì mà chị ấy làm đã vượt ra ngoài sức tưởng tượng của em. Em quyết không làm bất cứ một điều gì gây thêm tổn thương cho chị. Em xem chị ấy như một thiên thần, một vị ân nhân đã cứu em ra khỏi vùng nước xoáy. Chắc anh cũng thấy được, chị Trang đang thả nổi cuộc sống của mình là vì sự hiện hữu của em, một mũi tên vô tình cắm sâu vào con tim của chị. Thực ra đây không phải là một trường hợp cá biệt gì. Sau 75 vô số người cũng lâm vào hoàn cảnh như anh nhưng họ vẫn một mực chờ đợi và cuối cùng họ được đoàn tụ với gia đình mà không gây ra bất cứ một tổn thương nào cho ai. Lượng cúi đầu ngời nghe Linh nói giống như một tín đồ ngoan đạo đang lắng nghe những lời rao giảng thánh kinh. Linh ngừng nói. Sự im lặng tạo nên một bầu không khí nặng nề bao trùm căn chung cư. Sau một vài phút căng thẳng trôi qua, Lượng ngồi bật ngựa ra lưng ghế nói, Linh à! Em nói cũng đúng nhưng hoàn cảnh mỗi người

đều khác nhau. Suốt bao năm trời anh cố liên lạc với em nhưng hoàn toàn vô vọng. Làm sao biết được những gì có thể xảy ra với em. Anh thoát được, nhưng em vẫn còn nằm trong vùng lửa đạn. Rồi những ngày sau đó thì sao? Anh không xem thường em, nhưng cũng có rất nhiều trường hợp...

Nói đến đây Lượng biết mình lỡ lời nên khựng lại. Linh nhìn đăm đăm vào mặt Lượng rồi thờ dãi nói, thôi bỏ đi, nhắc lại chỉ thêm buồn. Lượng cố giải thích, Linh à! Anh không phủ nhận là anh có lỗi. Anh chỉ xin em tha thứ cho anh...

Lượng ra về với cảm giác tội lỗi vì đã gây đau khổ cho hai người đàn bà vô tội. Chàng muốn ghé vào một quán nhậu nào đó uống cho thật say để quên đi những dẫn vật trong lòng, nhưng Lượng không thể làm vậy vì căn bệnh của chàng đang trong thời kỳ điều trị, không thể khinh xuất được.

Về đến nhà, Lượng nằm vật ra giường cố dỗ giấc ngủ... thì điện thoại bật reo. Chàng nhắc ống nghe. Trang hả? Em đang ở đâu vậy? Anh đến phi trường đón em được không? Lượng mừng hóm, nói được... được anh sẽ đến ngay.

Ngày hôm sau Trang đến thăm và tặng rất nhiều quà cho Linh. Linh cảm động nói cảm ơn liền miệng. Linh hỏi chị Trang về ở luôn hay còn đi đâu nữa? Trang trả lời đi chứ. Chị Linh cũng biết làm việc từ thiện phải tốn rất nhiều thời gian mà.

Hai người chuyện vãn với nhau rất thân mật, tuyệt nhiên không hề đá động đến hoàn cảnh trái ngang mà cả hai người còn đang chịu đựng.

Thăm Linh xong Trang ghé thăm một vài người bạn khác. Suốt một tuần ở Mỹ, Trang chạy tới chạy lui nhiều cơ quan tư nhân và nhà nước để giải quyết một số vấn đề liên quan

đến công trình xây dựng trại cô nhi mà nàng đang thực hiện lơ dờ ở quê nhà. Quỹ từ thiện Lượng dành cho Trang đầu tư vào các dịch vụ ở Việt Nam để kiếm tiền lời cho công việc từ thiện, đang gặp một vài trục trặc khiến cho công trình xây dựng này phải đình hoãn vô thời hạn. Trang rất lo lắng và trở về Mỹ để tìm cách xoay sở. Trang tuyệt nhiên không nói việc này cho Lượng và Linh nghe vì không muốn làm phiền đến họ. Với nỗ lực của mình, Trang đã thu hoạch một số kết quả đáng kể và quyết định trở về Việt Nam sớm để tái tục công trình đang dở dang. Trên đường ra phi trường Linh nhường ghế trước cho Trang. Lượng hỏi chừng nào em về? Trang trả lời còn tùy thuộc vào công việc anh à. Có lẽ lâu lắm mới về được. Lượng buồn xo không nói thêm một lời nào. Linh và Trang cũng ngồi yên nhìn ra bên ngoài. Cuộc chia tay khá buồn lòng.

Về Việt Nam, Trang dồn hết tâm sức vào công việc từ thiện nên sự đi lại giữa Mỹ và Việt Nam ngày càng thưa dần. Thời gian trôi mau. Mái tóc của bà đã ngả màu sương. Nỗi buồn trong quá khứ cũng vơi dần theo năm tháng. Bà lấy công việc làm vui, tiếp tục theo đuổi lý tưởng của mình...

Này bà, lấy giùm tôi cái áo khoác. Bà Linh hỏi ông đi đâu vậy? Đi dạo một chút không được sao? Nhớ về sớm ăn cơm. Được rồi, cứ lái nhai hoài. Ông Lượng với tay lấy cây gậy rồi mở cửa bước ra ngoài. Cơn gió chiều thổi ngược mái tóc ông về phía sau, để lộ ra cái trán hói chỉ còn lưa thưa những sợi tóc trắng nhiều hơn đen. Đời người giống như một giấc mơ. Thoáng đó mà đã đến ngày gần đất xa trời... Ông Lượng nhìn lên những tàn cây trồng dọc theo hai bên đường. Từng chiếc lá màu vàng nhạt theo nhau rơi xuống nằm tro vơ trên đám cỏ xanh...

Cánh Đồng Bao La

Long và Quỳnh đi nhau đến ngôi trên chiếc cầu gỗ bắc ngang con mương nhỏ ở khu vườn phía sau. Con mương với dòng chảy hiền hòa, êm ả cung cấp nước quanh năm cho hai vụ mùa ở khu vực này. Hai bên bờ mương, lau lách mọc đầy. Những chú cá đủ loại, thỉnh thoảng trồi lên mặt nước đớp mồi dưới ánh trăng tạo nên những gợn sóng lăn tăn trông rất đẹp. Đây là lần sau cùng hai người gặp nhau vì ngày mai Quỳnh phải theo Bác Sĩ Tân về Sài Gòn sau khi lễ cưới hoàn tất.

Ba má Quỳnh là một cặp vợ chồng nông dân nghèo, suốt đời lam lũ trên hai thửa ruộng và một miếng vườn nhỏ bao bọc xung quanh nhà. Họ luôn ước mơ có một ngày nào đó, đời sống của họ khá giả hơn. Niềm mơ ước đó kéo dài lê thê cho đến một hôm có người mai mối Quỳnh cho Tân, một Bác Sĩ góa vợ, con của một gia đình giàu có ở Sài Gòn. Ông bà Trần mừng hóm. Niềm ước mơ của ông bà giờ đây được gởi thác trên người Quỳnh. Ông bà dùng đủ mọi cách thuyết phục nàng. Cuối cùng Quỳnh cũng phải khuất phục trước quyết tâm sắt đá của ông bà. Nàng đem hết mọi việc kể cho Long nghe. Với bản chất hiền hòa đôn hậu của một chàng trai miệt vườn, Long chỉ biết chấp nhận sự tan vỡ của mối tình đầu như một việc tất nhiên vì gia đình chàng quá nghèo. Sau đêm gặp Quỳnh, Long bỏ lên Sài Gòn. Với cuộc sống lang bạt rày đây mai đó khiến Long cảm thấy buồn chán và cuối cùng chàng quyết định tình nguyện vào quân đội. Sau khi ra trường Bộ Binh Thủ Đức. Long bị đưa ra Vùng I chiến thuật, phục vụ tại một đơn vị thuộc Trung Đoàn 51 biệt lập, Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn đóng tại Thanh Trung trên quốc lộ I, cách Hòa Vang chừng vài chục cây số về phía nam.

Cưới nhau gần 3 năm mà Quỳnh và Tân vẫn chưa có mặt con nào. Tân suốt ngày ở bệnh viện. Khi tan sở lại đi đâu đó cho

đến gần nửa đêm mới về. Quỳnh thui thủi ở nhà một mình. Nguồn vui duy nhất của nàng là đọc sách.

Ngồi một mình ở phòng khách. Cái vắng lặng về đêm trong căn nhà rộng lớn làm Quỳnh rùng mình. Nàng vói tay lấy tờ tạp chí mở ra đọc. Những hàng chữ nhảy múa nhòe nhoẹt trước mắt Quỳnh. Nàng đưa tay quẹt nước mắt định trở về phòng thì Tân bước vào:

“Em chưa ngủ à?”

“Em đang chờ anh”

Tân không nói gì thêm, vói tay cầm tờ báo, nhìn thoáng qua rồi lặng lẽ về phòng. Thái độ lạnh lùng, im lặng của Tân càng kéo dài càng làm cho Quỳnh bồn chồn, lo lắng. Quỳnh đang chờ đợi một cái gì đó sẽ xảy ra sau lần Tân vô tình bắt gặp lá thư của Long gửi cho nàng sau ngày đám cưới, nhưng đã nửa năm rồi mà chưa thấy Tân tỏ ra một thái độ rõ rệt nào. Cũng với cái vẻ lăm li cố hữu. Cũng đêm đêm lăm lũi hiện về như một bóng ma.

Ông bà Trần dưới quê lên thăm, đang trò chuyện với Quỳnh ở phòng khách thì Tân bước vào. Nhìn thấy ông bà Trần, Tân chào lấy lệ rồi quay ra cửa đi luôn. Ông bà Trần ngẩn người nhìn Quỳnh. Nàng cúi đầu nói khẽ:

“Ba má về đi”

Ông Trần nhìn Quỳnh với đôi mắt đầy ngạc nhiên, lo lắng nói:

“Vợ chồng phải hòa thuận với nhau”

Trên chiếc taxi, ông Trần ngồi ở ghế trước đắm chiêu nhìn ra bên ngoài. Bà Trần ngồi ghế sau với Quỳnh:

“Hai người xảy ra chuyện gì vậy?”

Quỳnh nói khẽ vào tai bà Trần:

“Chuyện dài dòng. Vài bữa nữa về thăm nhà, con sẽ nói cho ba má biết” Bà Trần biết có hạch hỏi thêm cũng chẳng được gì, nên ngồi yên, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn ra bên ngoài.

Cảnh phồn hoa đô hội của Sài Gòn làm bà choáng mắt. Bà thở dài sườn sượt...

Đưa ông bà Trần về xong, Quỳnh ghé qua nhà Loan, một người bạn chí thân từ thời còn đi học. Nhìn vẻ mặt buồn buồn của Quỳnh, Loan ái ngại:

“Có chuyện không vui à? Độ này anh Tân ra sao rồi?”

“Cũng vậy thôi”

Loan nhìn thẳng vào mặt Quỳnh không nháy mắt. Quỳnh bối rối trước cái nhìn quái gở của bạn:

“Làm gì mà mày nhìn tao như muốn ăn tươi nuốt sống vậy?”

“Quỳnh à! Có việc này muốn nói với mày từ lâu, nhưng tao cứ ngần ngại mãi”

“Có gì cứ nói. Bộ mày quên hai đứa mình là cặp bài trùng rồi sao?”

“Anh Tân đã... đã...”

Quỳnh đoán biết Loan muốn nói gì, nhưng nằng tở ra vẻ tò mò:

“Nói đi. Sao cứ ấp úng hoài vậy?”

“Anh Tân có bồ bên ngoài!”

Quỳnh tỉnh bơ như chẳng có gì quan trọng:

“Thì có sao đâu!”

“Hả? Chuyện như sét đánh mà mày tỉnh queo. Tao phục mày sát đất rồi đó Quỳnh”

“Thực ra tao cũng biết việc này từ lâu. Có điều tao không muốn làm lớn chuyện. Cứ xuôi theo tự nhiên thì hơn”

Loan giương cặp mắt tròn xoe nhìn Quỳnh:

“Bộ mày điên rồi sao?”

“Thôi tao về!”

Quỳnh vừa nói vừa đứng lên bước ra cửa. Loan ngã người trên ghế salon lằm bằm, có thiệt không vậy, chồng có bồ khác mà tỉnh queo!...

Về đến nhà, bước lên lầu, Quỳnh thấy Tân đang ngồi với một người đàn bà trẻ đẹp. Quỳnh khựng lại. Tân vừa diu người đàn bà đứng lên vừa ném xuống bàn một xấp giấy rồi cả hai

cùng bỏ xuống lầu. Quỳnh mở xấp giấy ra xem, thì ra đây là bản sao tập hồ sơ xin ly dị của Tân. Quỳnh lẩm bẩm, việc phải đến cuối cùng rồi cũng đến!

Hồ sơ xin ly dị của Tân được giải quyết êm thấm tại Tòa, vì cả hai đương sự đều không có một khiếu nại nào. Sau phiên tòa vài ngày, Quỳnh từ giã Tân về quê sống với ông bà Trần. Ông bà Trần cảm thấy hối hận về chuyện ép hôn nên cư xử rất thân thiện hòa nhã với Quỳnh. Ngược lại Quỳnh cũng tỏ ra vui vẻ cho an lòng cha mẹ trong lúc tuổi già.

Cuối năm 1968, Tân bị động viên vào trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Sau khi học xong chương trình huấn luyện quân sự cơ bản, Tân được chuyển về ngành quân y, phục vụ tại Tổng Y Viện Cộng Hòa, nhưng mới được 6 tháng thì bị chuyển ra Vùng I Chiến Thuật, phục vụ tại một trạm quân y dã chiến của Trung Đoàn 51 bộ binh.

Từ những năm 70 trở đi, tình hình chiến sự tại Vùng I vô cùng sôi động. Trung Đoàn tổ chức hành quân liên miên. Hàng ngày Tân phải tiếp nhận và chữa trị rất nhiều thương binh từ mặt trận chuyển về. Trong số đó, Tân đặc biệt tận tâm chữa trị cho một Thiếu Úy mà chàng đã quen khá thân từ những ngày đầu đến đơn vị. Tấm thẻ bài khắc tên Phạm Long còn dính đầy máu. Sau một thời gian điều trị, Tân quyết định chuyển Long ra Tổng Y Viện Duy Tân, nơi có đầy đủ phương tiện để điều trị tốt hơn. Một tháng sau Tân ra Đà Nẵng thăm Long.

“Sao ông bạn thấy đỡ phần nào chưa?”

“Đã bớt nhiều rồi. À này Tân. Mày giúp tao một việc được không?”

“Được chứ. Chuyện gì vậy?”

“Nhờ mày viết một lá thư gửi về cho ba má tao. Bàn tay phải của tao bị đơ cứng, không cử động được!”

“Yên chí. Nhưng phải viết như thế nào?”

“Tao đọc cho mày viết.”

Đọc đi!

“Kính ba má,

Độ này ba má có khỏe không? Ba má nhớ giữ gìn sức khỏe. Phần con vẫn bình thường. Ba má đừng lo gì cả. Ít hôm nữa con sẽ xin phép về thăm ba má. À, Quỳnh độ này ra sao rồi má? Thăng Lượng viết thư cho con bảo là Quỳnh đã ly dị với Bác sĩ Tân, có đúng vậy không má?”

Nghe Long đọc đến đây, Tân chợt nhớ đến lá thư Long gửi cho Quỳnh trước đây mà chàng chưa xác định được là của ai. Bây giờ nghe Long đọc đến câu “Quỳnh đã ly dị với bác sỹ Tân rồi đúng không má” Tân mới biết rõ mọi việc. Tuy vậy chàng vẫn bình tĩnh nói:

“Mày đọc tiếp đi”

“Thôi Tân. Tao thấy hơi mệt. Như vậy cũng được rồi. Mày ghi địa chỉ này rồi ghé bưu điện gửi đi giùm tao được không?”

“Được. Thôi tao về. Chúc mày mau lành.”

Tân nói xong bỏ đi ngay. Bầu trời Đà Nẵng âm u lất phát mưa phùn. Tân lên xe bảo tài xế ghé bưu điện bỏ thư rồi lên đường trở về đơn vị. Đêm đó Tân trằn trọc mãi, không làm sao chợp mắt được. Tân nghĩ không lẽ mình còn thương Quỳnh chăng? Không lẽ mình ghen với Long chăng? Tân lại nghĩ đến người đàn bà đã xúi chàng ly dị Quỳnh “để làm lại cuộc đời”, nhưng khi chàng vào quân đội không lâu thì bà ta lại cặp bồ với một Bác Sĩ khác cùng làm chung bệnh viện với chàng lúc trước.

Long xuất viện với đề nghị giải ngũ vì bàn tay phải bị đơ không thể cầm súng được. Long ghé đơn vị để từ giã bạn bè trước khi trở về quê nhà chờ ngày ra Hội Đồng Y Khoa.

Long rủ Tân về Đà Nẵng uống cà phê. Tân nhận lời. Thời tiết Quảng Nam Đà Nẵng vào mùa này lúc nào cũng mưa lâm râm, gió thổi nhẹ nhẹ tạo thành một không gian u ám, buồn tẻ. Ngồi trên xe, Long nói luôn miệng còn Tân thì chỉ

âm ờ cho qua chuyện. Tân cho xe đậu lại trước một quán cà phê. Chủ quán là một góa phụ tuổi chừng ba mươi, khá đẹp. Nghe nói chồng bà ta đã chết trong trận Mậu Thân, để lại cho bà cái quán cà phê này. Long nói:

“Cô em cho ly cà phê đen”

Cô chủ quán trề môi. Vành môi đỏ hồng trông rất khiêu gợi.

“Ê! Gọi chị đằng hoàng nghe cung?”

“Nhưng em lỡ yêu chị rồi làm sao đây?”

Thì ra Long thường “chuồn” về Đà Nẵng ghé quán cà phê này tán gẫu. Khác với bản tính đôn hậu thư sinh khi còn ở quê nhà, Long có vẻ sôi đời hơn nhiều. Long hỏi Tân uống cà phê gì. Tân trả lời lập lờ cà phê gì cũng được. Tân thả khói thuốc thành những vòng tròn trông rất đẹp. Bà chủ quán bung hai ly cà phê đặt trước mặt hai người rồi nhìn Long nguyền một cái. Đây là cách câu khách của những bà chủ quán dày dạn trong nghề. Long vừa nhâm nhi cà phê vừa kể cho Tân nghe về mối tình đầu của mình ở quê nhà:

“Mày biết không. Tao và Quỳnh yêu nhau thắm thiết. Cứ tưởng sẽ ăn đời ở kiếp với nhau. Nào ngờ có thằng Bác Sĩ mắc dịch ở Sài Gòn cướp mất!”

“Vậy mày có hận ông ta không?”

“Hận làm mẹ gì. Đời là vậy đó. Con chim trong lồng, con cá trong chậu có khi còn bị vuột mất, huống chi...”

Long nói đến đây bỗng khựng lại. Nét mặt chàng biến đổi thật nhanh. Ngoài trời cơn mưa phùn vẫn bay lất phất trong gió. Long nhìn ra ngoài thở dài sườn sượt.

Long không nói gì thêm. Nét mặt chàng u ám như cơn mưa phùn đang bay lả tả bên ngoài song cửa. Long nhớ đến Quỳnh. Những kỷ niệm của mối tình đầu luôn ám ảnh đến tâm tư chàng. Long nhìn Tân với giọng buồn buồn:

“Ngày một tao lên máy bay. Không biết bao giờ mới gặp lại mày. Súng đạn vô tình, mày nhớ cẩn thận đấy!”

Tân nói: “Cảm ơn mày. Không biết tao có đưa mày được không. Chúc mày về quê vui vẻ”

Long gọi bà chủ tính tiền rồi cùng Tân ra xe. Tân cho nổ máy, bắt tay Long lần cuối rồi nhân ga, chiếc xe trườn lên phía trước, bỏ lại một nhúm khói từ từ tan đi trong lớp bụi mưa phùn.

Quỳnh đang lui cui quét dọn ở sân trước, bất chợt thấy Loan từ ngoài cổng đi vào. Quỳnh vừa ngạc nhiên vừa mừng. Nàng ném cây chổi trên tay, chạy vội ra ôm lấy Loan. Hai người mừng mừng tủi tủi sau bao tháng trời xa cách. Hai người nắm tay nhau đi vào nhà. Ông bà Trần cũng rất vui, hỏi Loan đủ thứ chuyện. Thăm hỏi ông bà Trần xong, Loan kéo Quỳnh ra vườn sau, lục bóp lấy một phong thư đưa cho Quỳnh nói:

“Mày đọc đi. Tao dạo vườn mày một chút”.

Quỳnh ngồi xuống chiếc sập gỗ kê dưới tàn cây, chậm rãi đưa phong bì lên xem. Nàng ngẩn người khi thấy ba chữ Huỳnh Quang Tân hiện ra trước mắt. Nàng do dự một chút rồi mở thư ra xem. Bức thư chỉ vồn vện mấy dòng:

“Quỳnh ơi, Anh không dám nghĩ đến việc nói lại nhip cầu đã gãy. Anh chỉ cầu xin em tha thứ sự lỗi lầm của anh. Long, bạn anh sắp được giải ngũ và sẽ trở về quê nhà trong nay mai. Hy vọng hai người sẽ nói lại duyên xưa... Tân”

Đọc xong thư, một quá khứ đau buồn trôi dậy phủ kín tâm hồn Quỳnh. Nàng uể oải đứng lên, từng bước đến đưa bức thư cho Loan xem. Loan hỏi:

“Mày nghĩ thế nào?”

“Chuyện đã thành quá khứ rồi!”

Từ ngày trở về sống ở quê nhà, chiều nào Quỳnh cũng thả bộ trên con đường mòn râm mát xuyên qua mấy khu vườn dẫn ra cánh đồng phía trước. Cỏ cây, hoa lá, chim muông hai bên đường quện lấy nhau hài hòa dưới ánh nắng chiều dịu dịu khiến Quỳnh vui đi phần nào nỗi buồn trong quá khứ. Quỳnh

đang thả nhẹ từng bước, chợt nghe tiếng chân người phía sau. Nàng quay lại, sững sờ khi nhận ra người đối diện mình là Long. Cũng với nụ cười nửa vui nửa buồn cổ hữu, Long khẽ hỏi:

“Em khỏe không?”

“Dạ cũng được”

“Anh đã được giải ngũ và về đây ở luôn”

“Em có nghe lời mờ về việc anh bị thương. À, chắc anh biết em và Tân đã ly dị?”

“Nghe ba má anh nói”

“Thời gian trôi mau quá. Mới đó mà đã gần bốn năm!”

“Ừ, gần bốn năm rồi em nhỉ?”

Buổi chiều ở thôn quê thật êm ả. Hai người tiếp tục hướng về phía trước, sánh vai bên nhau trên con đường nhỏ xuyên qua cánh đồng lúa non xanh rờn bao la bát ngát...

*“... Tình ngỡ đã phai pha
Nhưng tình vẫn còn đây
Người ngỡ đã đi xa
Nhưng người vẫn quanh đây...”*

Trịnh Công Sơn

Mắc Cạn

Gần một tháng nay, chiều nào ông cũng ra ngồi trên chiếc sạp nhỏ ghép bằng gỗ thông, kê ở góc me sau nhà. Ông ngồi bất động. Nét mặt buồn hiu. Đôi mắt đăm đăm nhìn về hướng núi Ông, cho đến khi những đám mây đen trên đỉnh núi tan hết ông mới lúi thúi trở vào nhà. Nơi ông ở là một vùng nước trời nằm về phía tây tỉnh lộ 8. Những năm gần đây thường xảy ra hạn hán, mất mùa. Con suối sau nhà, nguồn nước duy nhất có thể dùng để cứu những thửa ruộng của ông cũng đã khô cạn, chỉ còn đọng lại những vũng nước đã ngả màu vàng sậm. Những con cá lòng tong mắc cạn ngoi ngóp trên mặt nước trông thật thảm hại. Đám bắp trồng ở miếng đất trước nhà, nguồn hy vọng duy nhất giúp gia đình ông giải quyết lương thực cho đến ngày giáp hạt cũng quèo cò héo rụi. Ngày ra tù, ông đưa vợ con từ vùng kinh tế mới trở về sinh sống ở cái làng nhỏ bé này, vì đây là quê quán ông, nơi mà chính quyền bắt buộc ông phải cư ngụ trong thời gian còn “quản chế”. Trong số những người bà con thân thuộc, cũng có người muốn giúp ông nhưng một phần vì ái ngại, không muốn thân cận với một người tù “cải tạo” mới về. Một phần vì chính gia đình họ cũng đang lâm vào hoàn cảnh khôn khó bởi những năm hạn hán mất mùa. Trước những khó khăn chồng chất không còn lối thoát, ông phải thực hiện một quyết định táo bạo là đùm túm cả gia đình chạy vào Long Khánh, nhưng cuộc “di dân” bất thành vì bị bức tường “hộ khẩu” chắn ngang, đành phải đội ngược trở về với hai bàn tay trắng. Để rồi từ đó, chiều nào ông cũng ra ngồi trên tấm sạp kê dưới gốc me, ngó về hướng núi Ông. Những đám mây đen chợt tụ chợt tan như một trò chơi trên người quái ác. Loài người tàn nhẫn với ông. Thiên nhiên cũng tàn nhẫn với ông...

Nhà ông cách thị xã Phan Thiết không xa, chỉ hơn 6 cây số, nên ông thường đạp xe đạp xuống thăm mấy người bạn tù

đang sống trong cái thị xã nhỏ bé, buồn hiu này. Trong số bạn ông, có những người rất thiết tha với tình nghĩa bạn bè. Nhưng cũng có người thì lại thờ ơ lãng đạm cho dù ông chưa hề mở miệng nhờ cậy họ bất cứ một điều gì. Từ đó ông thường làm bạn với núi rừng. Ông theo những người trong làng lên núi phụ họ đồn củi hầm than (như một hình thức vãn công) để nhờ họ chở về, khi thì năm bảy cây tre, khi thì vài ba bó củi. Cũng may, trong lúc sống dở chết dở thì một người cháu ruột ở Sài Gòn giúp ông một số tiền đủ để mua hai con bò và một chiếc xe bánh cây cũ kỹ. Từ đó ông thường lên núi một mình với một xị rượu, một ít gạo và năm ba con cá khô. Cuộc sống đơn điệu buồn chán ấy tiếp tục hành hạ ông sau những năm tù nghiệt ngã. Chỗ ông ở cách núi Ông khá xa nên thường bắt đầu những chuyến đi vào lúc xế chiều, khi mà ngọn gió mùa đông bắc từ biển đông thổi vào mạnh nhất, đẩy lên một vùng khói bụi mịt mù. Nhà thơ Huỳnh Hữu Võ tả cảnh này chỉ bằng một câu thơ mà mỗi lần đọc lên ông cảm thấy buồn da diết "...tháng giêng gió thổi mù như khói..."

Chiếc xe thông dong lặn bánh dưới ánh nắng chiều chói chang gay gắt. Ông ngồi tựa vào hông xe, ung dung thoải mái như một khách nhân du, mặc cho hai con bò già an phận kéo chiếc xe qua từng thước đường như một nghĩa vụ thiêng liêng mà loài người đã áp đặt lên nó từ cái thời xa lắc xa lơ nào đó. Hai bên đường lác đác năm ba căn nhà lợp tôn cửa đóng kín mít. Những con bò thả rong, đi lang thang trên cánh đồng chỉ còn trơ gốc rạ. Ngọn gió mùa đông bắc mang theo mùi khói đốt đồng quét vào người ông rất rát. Nhìn cảnh vật xác xơ nơi đồng khô cỏ cháy dưới ánh nắng chiều chói chang khiến ông nhớ lại căn nhà nhỏ bé ẩm cúng của ông bây giờ đã lọt vào tay kẻ khác. Trong thời gian đi lính, dù số lương ít ỏi, vợ chồng ông cũng dành dụm tạo được một căn nhà nằm trong thị xã, tuy nhỏ bé nhưng cũng xây gạch đàng hoàng. Trước nhà cũng có những chậu hoa mai hoa sứ. Mỗi lần nghỉ phép ông thường dắt mấy đứa con ra sân đùa giỡn. Đùng một

cái, ngôi nhà tự nhiên đổi chủ. Khi ở tù về, mỗi lần ngang qua căn nhà, đứng ngoài đường nhìn vào, ông cảm thấy xót xa, đau đớn nhưng rồi cũng đành ôm mỗi hận lòng lùi thủi bỏ đi. Rồi ngày tháng qua mau. Rồi niềm đau vơi dần. Nhưng cái cảnh nghèo đói vẫn bám sát theo ông, đè nặng lên người ông, khiến ông như một con cá lòng tong mắc cạn, thả nổi cuộc đời, mặc cho định mệnh đẩy đưa...

Càng vào sâu. địa hình càng phức tạp. Đường núi chông chênh quanh co khúc khuỷu. Hai con bò già hì hục kéo chiếc xe qua từng thước đường gập ghềnh sỏi đá dẫn vào chân núi.

Rừng ngàn năm vẫn buồn.

Chôn sâu niềm u uẩn.

Người ngàn năm vẫn còn

Đi trong vòng lẩn quẩn...

nhân

Ông đọc lắm thầm trong miệng mấy câu thơ vừa mới làm rồi cảm xị rượu lên mở nắp. Mùi rượu mía bốc lên hăng hắc khiến ông nhớ quá cái mùi hennessy mà trong đời lính tráng ông đã nhiều lần thưởng thức qua. Ông thở dài sườn sượt, đưa mắt ngó về phương tây. Những đám mây tụ về đỉnh núi bàng bạc mờ lung. Cánh rừng cũng trở nên yên ả mơ màng sau một ngày gió mùa lồng lộng thổi. Một vài chiếc lá vàng nhạt lững lờ rơi xuống đầu xe. Một tiếng hú đơn điệu phát ra từ một hốc hiểm nào đó của núi rừng. Ông nghiêng tai lắng nghe, bất chợt nhớ lại lúc còn trẻ ông đã từng đọc qua tác phẩm *The forest call* của Jack London. “Tiếng gọi của rừng thẳm” là tiếng gọi gì vậy nhỉ? Ông quên mất nội dung câu chuyện. Có thể là tiếng gọi của bầy lang sói. Cũng có thể là tiếng gọi của một gã tiểu phu... Quả thật ông không còn nhớ được gì, nhưng ông quả quyết đó là tiếng gọi của núi rừng, tiếng gọi vọng đi từ núi rừng!...

Tiếng hú im bật. Núi rừng cũng trở nên lạnh lùng khó hiểu. Chiếc xe vẫn lầm lũi vượt qua những triền núi cheo leo, bánh

xe nghiêng lên những phiến đá lồi lõm tạo ra một thứ âm thanh cộc cằn khô khốc. Ông vẫn ung dung tự tại ngồi tựa vào hông xe như một vị hoàng đế đang chễm chệ trên chiếc ngai vàng... (!)

Mặt trời ngã xuống thật nhanh. Bóng tối tràn về bao trùm vạn vật. Bóng tối luôn là thủ phạm tạo ra muôn vàn hiểm nguy bất trắc. Cái vẻ hiền hòa an phận của núi rừng phút chốc cũng trở nên hung hiểm dị thường. Ông điều khiển cặp bò rẽ vào một láng trống nằm cạnh một con sông nhỏ với dòng chảy hiền hòa trong mùa nước cạn. Cho bò uống nước xong, ông nhặt một mớ củi khô nhóm lửa nấu cháo. Ông đổ nửa chén gạo vào cái soong nhỏ với hai chén nước rồi bắc lên cái bếp dã chiến kê bằng ba cục đá. Tiếng sôi ùng ục từ soong cháo phát ra nghe buồn đứt ruột. Ông bê soong cháo trút hết vào cái tô rồi gấp hai con cá bỏ vào. Mùi cháo và mùi cá khô nướng quyện vào nhau bốc lên thơm phức. Ông nhai ngấu nghiến cái đầu cá rồi từ từ để cho chất mặn, chất béo, chất ngọt thấm vào đầu lưỡi như một vị đế vương đang thưởng thức một món sơn hào hải vị gì đó. Bữa ăn tối của ông là vậy! Một chút lương hồ lỏng bóng trút vào cái bao tử rỗng tuếch chẳng thấm thía vào đâu. Ông thu dọn bát đĩa bỏ vào bao cát rồi chui vào gầm xe. Nằm co ro trên tấm nylon với một cảm giác cằn cào khó chịu, giấc ngủ khó lòng tìm đến với ông. Ngủ không được, ông lại chui ra ngồi bên đống lửa. Đêm càng về khuya, núi rừng càng lộ rõ cái vẻ hung hiểm kỳ bí của nó. Một vài tiếng kêu rì rạc của một con chim ăn đêm vọng lại từ khu rừng bên cạnh làm ông thấm buồn. Ông lại lan man nghĩ ngợi về thân phận con người. Mới ngày nào còn là một học sinh với bao niềm ước mơ, hy vọng. Mới ngày nào còn là một sinh viên sĩ quan với bộ quân phục ưỡn hồ láng bóng đi bên cạnh người yêu trên đường phố Sài Gòn. Mới ngày nào còn quán quýt bên vợ con trong ngôi nhà thân yêu vào những ngày nghỉ phép. Rồi giờ đây một mình ngồi giữa núi rừng thâm u trùng điệp, bóng tối vây quanh. Nỗi cô đơn lại hiện về phủ kín hồn ông...

Mặt trời đã lên cao. Những giọt nắng quái ác xuyên qua cành lá đậu lên tấm thân gầy gò héo hắt của ông. Một con chim đứng nhìn đảo đảo rồi bay vút vào khu rừng phía trước. Một con sóc chuyền nhanh qua trước mặt. Một chiếc lá còn xanh yếu mệnh nhẹ nhàng rơi xuống nằm tro vơ trên đám lá khô. Nhịp sống quanh ông diễn ra đơn điệu đến rợn người. Ông dụi tắt điều thuốc rồi uể oải đứng lên tiếp tục đi tìm những khúc củi nằm rải rác trong khu rừng giữa trưa hừng hực nóng. Mồ hôi trên lưng áo bà ba đen của ông bị sức nóng hong khô tạo thành những vết loang lổ trắng đen trông giống như một bức tranh trừu tượng.

Loay hoay cả ngày với những khúc củi oằn vai khiến ông cảm thấy toàn thân rời rã. Màn đêm núi rừng buông xuống thật nhanh. Ông ngồi vắt vẻo trên chiếc xe chở đầy than củi xuyên qua những khu rừng chồi nối tiếp nhau trải dài hàng chục cây số dẫn về ngôi làng bé nhỏ của ông, nơi có những vũng nước ngả màu và những con cá lòng tong mắc cạn...

Vợ Chồng Ông Hộ

“Ông ơi ...ơi...”

Tiếng ơi của bà kéo dài sùnn sượt, nhão nhoẹt, lòng thòng như một thứ âm thanh kỳ quái nào đó từ xa vọng lại rồi tan biến trong cái không gian tịch mịch oi bức của một buổi trưa hè ở miền quê. Ông đứng cách đó không xa. Đang cặm cùi tĩa mấy nhánh khô và những chiếc lá úa vàng trên cây mai. Ông nghe rất rõ tiếng bà gọi, nhưng làm ra vẻ dửng dưng, không trả lời cũng không thêm quay lại.

“Ông à...”

Lần này thì tiếng gọi của bà có vẻ ngắn gọn hơn, nhưng nó vẫn còn nhừa nhựa, nghèn nghẹn như tiếng của một con tắc kè đang kêu đầu đó. Bà vẫn tiếp tục ngoáy trâu, nhưng đôi mắt của bà nheo nheo, nhìn qua nhìn lại như cố chọc thủng cái màn trắng trắng, dùng đục đang chắn ngang trước mặt. Ông dừng tay quay lại nhìn bà, nheo nheo đôi mắt, nét mặt hiện lên một niềm vui vô hạn.

“Ông ơi, ông đầu rồi hè?”

Bà dùng ngoáy trâu. Đưa tay lên che đôi mắt. Thực ra đây cũng chỉ là cái thói quen của bà. Đôi mắt của bà đã bị mờ từ lâu. Không hề bị ánh sáng ảnh hưởng. Bà hơi chồm người về phía trước, lo lắng, bồn chồn:

“Ông ơi!”

“Cái gì đó bà?”

“Ừa, ông ở đó mà sao tôi gọi “quài” không chịu lên tiếng?”

“Chớ bà gọi làm cái gì dzậy?”

“Thì thấy dzăng ông nên gọi chừng dzậy mà”

Cái hoạt cảnh của vợ chồng ông Hộ hầu như diễn ra hàng ngày như một điệp khúc, nhưng chưa bao giờ ông thấy nhàm chán, trái lại còn coi đó là một cái gì rất trân quý, không thể thiếu vắng trong suốt cuộc đời còn lại của ông. Bà Hộ thì lúc nào cũng muốn ông kề cận bên bà, quăn quýt như một cặp vợ chồng mới cưới. Hễ thấy vắng ông một chút là bà gọi

ngay. Ông Hộ thì cứ đợi cho bà gọi năm lần bảy lượt mới chịu lên tiếng. Những khi như vậy ông cảm thấy hạnh phúc vô cùng.

Vợ chồng ông Hộ sống trong một ngôi nhà tranh nhỏ, được dựng trên một miếng đất cũng nhỏ chỉ chừng năm trăm mét vuông. Nghe nói vợ chồng ông lưu lạc đến sinh sống ở cái làng nhỏ bé này từ hồi ông còn rất trẻ. Ông không có con cái và cũng chẳng thấy có họ hàng thân thuộc gì. Mảnh đất mà ông đang ở là do ba tôi cho và ông đã trở thành người làm cho gia đình tôi từ đó. Nghe nói vợ chồng ông Hộ rất hiền lành và siêng năng. Nên không bao lâu, ba tôi giao hết mọi việc trong nhà cho ông trông coi và xem ông như một thành viên trong gia đình. Ngoài việc đóng lúa hàng năm cho ông, ba tôi còn cho ông một miếng đất hoang nằm cạnh bên một dòng suối. Miếng đất rộng chừng năm sào, có nhiều gò mồi và những lùm bụi nhỏ. Trong những lúc rỗi rảnh, vợ chồng ông ra sức khai phá và biến nó thành một miếng ruộng khá màu mỡ, và chính miếng ruộng này đã nuôi sống vợ chồng ông trong lúc tuổi già.

Nghe đâu hồi năm mươi, năm lăm gì đó ông không còn làm trai hành canh cho gia đình tôi nữa. Ông dành hết thì giờ vào việc chăm bón miếng ruộng riêng của mình. Ngoài ra, ông còn làm thêm một nghề tay trái: thiến heo. Nhờ vậy mà cuộc sống của hai ông bà tương đối khá nhàn nhã. Không lo lắng gì nhiều. Vả lại chỉ có hai vợ chồng. Có người lắm mồm lắm miệng nói là vợ chồng ông Hộ coi vậy mà giàu lắm, tiền ông đút trong ống tre chôn đầy dưới gầm giường. Việc đó đúng sai thì không ai biết, nhưng chắc chắn một điều là vợ chồng ông Hộ đã dành dụm được một số tiền khá lớn, đủ để lo việc hậu sự cho hai ông bà sau này.

Nghe nói một hôm, hai ông bà đến nhà thăm ba má tôi. Sau một vài câu chuyện vặt vãnh không đâu vào đâu, ông Hộ sửa

lại thế ngồi, nét mặt nghiêm nghị, pha lẫn một chút lo lắng bồn chồn:

“Cậu Mười à, có cái dziec này, nói ra dzới cậu mợ thật là không phải, nhưng dzợ chồng tôi suy đi tính lại chỉ còn cách đến đây xin cậu mợ niệm tình giúp đỡ?”

“Chớ cái gì mà quan trọng dzữ dzậy chú?”

“Cậu Mười à, cậu mợ cũng biết dzợ chồng tôi không có con cái mà cũng chẳng có họ hàng thân thuộc gì. Sau khi qua đời đâu có ai trông coi mồ mả. Ngày này qua tháng khác, con trâu con bò cứ ỉn tới ỉn lui, thì dzợ chồng tôi lấy chỗ đâu mà che mưa che nắng. Bởi dzậy, dzợ chồng tôi mới đến đây xin cậu mợ dzui lòng cho tôi xây một cái mộ đá trên miếng ruộng mà cậu mợ đã cho, không biết cậu mợ nghĩ thế nào?”

“Ồ! Tưởng cái gì quan trọng. Miếng ruộng đó là của chú, chú muốn làm gì thì làm, hà tất phải đến đây hỏi tôi cho lắm chuyện.”

“Không phải dzậy đâu cậu Mười à! Mặc dầu miếng ruộng đó cậu mợ đã cho dzợ chồng tôi khai khẩn làm ăn mấy chục năm trời. Nhưng trong lòng dzợ chồng tôi đâu có coi đó là miếng ruộng riêng của mình. Nếu không được cậu mợ ừ cho một tiếng thì dzợ chồng tôi đâu dám làm càn.”

“Thôi được, chú nói dzậy thì tôi nghe dzậy, chú cứ dziec làm đi. Nhưng chú định chừng nào thì khởi công?”

Vợ chồng ông Hộ mừng hóm, cảm ơn rồi rít, nói là tháng sau sẽ bắt đầu, rồi cáo từ ba má tôi ra về.

Ngôi mộ hoàn thành sau đó không lâu. Đây là một ngôi mộ lớn nhất và đẹp nhất trong làng. Ngoài hai nắm mộ nhỏ, xây bằng gạch, nằm kế cận nhau, ngôi mộ còn được bao bọc chung quanh bởi một bức tường cao hai mét, xây bằng đá chẻ, rộng chừng vài trăm mét vuông, phía sau có cổng ra vào. Mặt tiền ngôi mộ, xây một vòng cung, cao chừng một mét rưỡi. Chính giữa khắc một chữ thọ lớn, nạm bằng những loại đá hoa đủ màu sắc. Khoảng giữa bức tường và hai nắm mộ nhỏ được lát bằng gạch bông. Vợ chồng ông Hộ trân quý

ngôi mộ còn hơn ngôi nhà của mình gấp trăm ngàn lần. Có thể nói ngôi mộ mới thật sự là cái nhà của vợ chồng ông.

Khi bọn nhỏ chúng tôi lớn lên thì vợ chồng ông Hộ cũng đã đến cái tuổi gần đất xa trời. Vợ chồng ông vẫn sống trong cái nhà tranh lụp xụp như hồi ông mới đến. Không hề thay đổi. Nhưng tính tình của hai ông bà thì thay đổi khá nhiều. Ba tôi nói như vậy. Ông ít khi lui tới với mọi người. Thỉnh thoảng ông có ghé thăm ba tôi. Uống một vài ngụm trà. Trao đổi một vài câu chuyện lật vặt về đồng áng rồi ra về. Riêng bà Hộ thì tuyệt nhiên không hề rời khỏi nhà nửa bước. Ngôi mộ của ông bà qua bao năm tháng dãi nắng dầm mưa cũng biến thành một ngôi mộ cổ. Bên trong lẫn bên ngoài bức tường cây cỏ phủ đầy, bởi lẽ vợ chồng ông đã già không còn chăm sóc được nữa. Bọn nhỏ chúng tôi mỗi lần đi ngang ngôi mộ tự nhiên thấy lạnh lạnh ở sống lưng, rồi cùng nhau ùn té chạy. Có đứa còn la hoảng: “vợ chồng ông Hộ rượt theo đó tụi bay ơi!” mặc dù hai ông bà vẫn còn sống sờ sờ ra đó.

Ngôi nhà ông Hộ nằm chắn ngang con đường mòn nối liền hai khu xóm mà người trong làng gọi là Xóm Trong và Xóm Ngoài. Chính cái điều này đã làm cho các cô gái trong làng phiền hà không ít. Khi đó vợ chồng ông Hộ vẫn còn khỏe mạnh. Đôi mắt của bà Hộ cũng chưa bị mờ. Các cô gái thì đang ở cái tuổi choai choai, khi ra đường thì vừa đi vừa uốn éo như một cô đào hát. Bà Hộ thì lúc nào cũng ngồi ở bộ ván kê trước hiên nhà. Hễ thấy cô nào đi ngang qua mà hơi “rượn” một chút là bà chửi túi bụi. Ngôi nhà ông Hộ vô hình chung biến thành một cái trạm canh mà bà Hộ là một viên canh sát luôn luôn tận tụy với nhiệm vụ, đôi khi cũng có hơi quá đáng. Các cô gái trong làng, hết lớp này đi lấy chồng thì lớp khác lớn lên, lại phải đi trên con đường này. Hình như rút được kinh nghiệm từ các bậc đàn chị, các cô bao giờ cũng chuẩn bị tư thế đằng hoàng trước khi “vượt trạm”. Thật tội nghiệp cho các cô, không biết phải đi đứng thế nào cho bà Hộ coi được đây!? Nhưng tựu trung cũng chỉ là cái dáng đi

phải thật thông thả, chậm rãi từng bước, mắt ngó về phía trước, đôi tay không được quơ tới quơ lui, thân hình phải giữ thẳng bằng, không được ẹo qua ẹo lại. Chao ơi! Chỉ có chừng đó thôi mà các cô cảm thấy khó chịu vô cùng, chỉ mong sao thoát được cái trạm là tha hồ mà “cà trứng”, đất trời như được mở ra.

Cuộc sống yên vui trong thời bình kéo dài không được bao lâu thì chiến tranh lại bùng phát. Người trong làng, một số bỏ chạy về thành. Một số khác trốn lên rừng. Còn tuyệt đại đa số thì bị dồn vào trong ấp chiến lược, nằm trên tỉnh lộ 8, cách làng tôi chừng ba cây số. Riêng vợ chồng ông Hộ thì vẫn ở lại chỗ cũ, nhất quyết không chịu dời đi. Chính quyền địa phương cũng không làm khó dễ gì, bởi lẽ hai ông bà đã quá già, việc di dời cũng có nhiều khó khăn. Vợ chồng ông Hộ vẫn sống trong ngôi nhà tranh lụp xụp, dột nát như hai bóng ma, chìm lìm trong cái không gian tịch mịch, hoang vắng của một ngôi làng đã bị chiến tranh tàn phá.

Đầu năm 1969, vào những ngày giáp Tết, tình hình chiến sự mỗi ngày một gia tăng. Du kích thường đột nhập vào các ấp chiến lược đóng thuế, thu mua lương thực. Đắp mìn, chôn mìn trên tỉnh lộ. Ban ngày, họ ẩn núp vào các khu chòi rậm rạp, bắn tỉa vào các toán quân mở đường. Vì vậy bà con trong ấp ít khi về làng. Một hôm, thám Bảy lên về làng để làm một việc gì đó, ghé vào nhà thăm vợ chồng ông Hộ. Khi bước vào sân, thám Bảy thấy ông Hộ ngồi ở bộ ván kê trước hiên nhà, lưng tựa vào vách, hai tay buông thõng, khuôn mặt đờ đẫn, không còn một chút sinh khí, thân hình chỉ còn da bọc lấy xương. Bộ quần áo ông mặc, những miếng vá chần chịt, lớn nhỏ, đủ màu sắc, phủ lên gần hết nền vải cũ, trông ông giống như một con tắc kè khổng lồ. Khi thấy thám Bảy bước vào, hai giọt nước mắt của ông từ từ lăn xuống hai gò má nhăn nheo, mà tuyệt nhiên không thấy một dấu hiệu nào khác chứng tỏ là ông đang khóc:

“Bà mày đi rồi”

Thím Bảy bước vào bên trong. Mùi hôi thối bốc lên nồng nặc. Thì ra bà Hộ đã chết từ ba hôm trước, nhưng ông Hộ không làm cách nào báo cho bà con trong ấp được, bởi lẽ ông đã quá yếu, chỉ còn đủ sức lê từng bước quanh quẩn trong nhà. Trên đầu nằm bà Hộ chỉ có vón vện một chiếc đèn hột vịt, vện thấp ngọn, ánh sáng lờ mờ từ ngọn đèn chiếu ra trong căn phòng tối om, tựa hồ như một nơi âm tào địa phủ nào đó. Thím Bảy nổi tiếng là người dạn gan cũng phải thôi lùi từng bước, nghe hơi lạnh chạy tràn xuống sống lưng.

Hơn một năm sau, ông Hộ vẫn sống thui thủi một mình trong ngôi nhà vốn đã bị đốt nát từ lâu. Ngoài chỗ ông nằm, những nơi khác đều bị ẩm ướt. Cuộc chiến mỗi ngày một thêm ác liệt. Bà con trong ấp ít ai dám về làng ngoại trừ có những công việc thật sự cần thiết. Vì vậy, mọi người phải họp nhau mua sắm một số lương thực, thực phẩm dự trữ cho ông Hộ. Tuy ông đã yếu, nhưng cũng phải tự lo lấy miếng ăn thức uống cho mình, cũng may là ông không bị đau ốm gì.

Mùa hè năm 1970. Một trận đánh lớn xảy ra ngay trên ngôi làng cũ của tôi. Trận đánh bắt đầu từ lúc nửa đêm cho đến gần giữa trưa hôm sau, phía bên kia mới chịu rút đi. Nhiều phi vụ khu trục được gọi đến yểm trợ cho trận đánh. Hầu như không một địa điểm tình nghi nào mà không bị dội bom. Tỉnh lộ 8 phải mất hai ngày mới khai thông được. Cư dân trong các ấp chiến lược nằm dọc theo tỉnh lộ, ai cũng nơm nớp lo sợ. Một số bỏ chạy về thành, nhưng tuyệt đại đa số vẫn phải bám vào ruộng đất làm ăn, mặc cho bom đạn đe dọa mạng sống từng ngày.

Ba ngày sau trận đánh, bà con trong ấp nhờ ông Năm Dinh về làng xem tình hình ông Hộ ra sao? Khi vào đến làng, ông Năm Dinh chưng hửng. Ngôi nhà ông Hộ không còn thấy đâu nữa. Thay vào đó, một đống đất cao nghều nghệu nằm choán gần hết miếng đất của ông. Ông Năm Dinh đến gần xem có vết tích gì của ông Hộ còn sót lại hay không? Nhưng

tất cả đều bị chôn vùi trong đồng đất khổng lồ do một quả bom xuyên phá hàng trăm cân tạo thành. Mùi hôi thối từ trong đồng đất bốc ra nồng nặc, khiến ông Năm Dinh phải giật lùi bỏ đi.

Cái chết thảm của ông Hộ khiến mọi người trong làng vô cùng thương cảm. Vậy mà cũng có một vài người ác môm, ác miệng bảo tại ông Hộ lúc sinh tiền làm nghề thiên heo, cái nghề không có đức, nên mới chịu cái quả báo làm vậy. Có người lại bảo chắc vợ chồng ông Hộ hồi còn nhỏ làm nhiều điều thất đức, bị cha mẹ ông bà đuổi đi, nên bây giờ mới ra nông nổi. Nhưng ai nói gì thì nói, hầu hết bà con trong làng, ai ai cũng thương tiếc ông Hộ, bảo là trong thời buổi chiến tranh thì việc gì mà chẳng xảy ra, chuyện bom đạn banh thâm xé thịt con người cũng là chuyện thường, đâu có gì là lạ!

Sau năm 1975, cái hố bom đã biến thành cái ao nước. Một con ẻnh ương không biết từ đâu lạc đến đó, đêm đêm gọi tình nghe buồn não nuột. Có người giàu tưởng tượng, bảo là hồn ông Hộ đã nhập vào con ẻnh ương, nhớ thương bà Hộ, nên những đêm mưa gió sấm sét đầy trời thì ông hiện hồn về gọi bà.

Không biết linh hồn của hai ông bà còn gặp được nhau ở một nơi nào đó hay không, nhưng chắc chắn một điều là thân xác của ông không bao giờ được nằm bên cạnh bà trong cái mộ mà suốt cả đời hai ông bà dành dụm tạo nên.

Quỳnh

Đến Mỹ gần sáu tháng rồi mà tôi vẫn chưa tìm được việc làm. Lan, người yêu cũ của tôi hồi còn ở Đà Lạt, tỉnh cờ, nay lại ở cùng một khu chung cư. Chồng Lan, một Sĩ quan Không quân đã chết trong trại cải tạo, Lan cùng hai con đến định cư ở Hoa Kỳ theo diện tỵ nạn HO. Tuy là tỉnh cũ gặp lại nhưng chúng tôi vẫn coi nhau như tình đồng hương, bè bạn mặc dù cả hai đã là người độc thân sau biến cố 1975.

Thực ra mối tình giữa tôi và Lan chỉ là mối tình hời hợt của tuổi học trò. Lan khuyên tôi nên xin việc ở khách sạn Dalat do một người Việt làm chủ. Lan cũng là người giúp việc cho bà chủ tại một nhà riêng ở đường Houston. Nhờ có sự giúp đỡ của Lan nên tôi được thu nhận một cách dễ dàng. Ngày đầu tiên nhận việc, bà quản lý giao cho tôi công việc lau chùi các lối ra vào trong khách sạn. Công việc này kể ra cũng khá thích hợp cho tôi lúc bấy giờ.

Ở hành lan khách sạn, tôi vừa quét dọn vừa để ý đến một người đàn bà có khuôn mặt quen quen đang tiến về phía tôi. Khi đến gần, người đàn bà chợt dừng lại nhìn tôi đăm đăm và cả hai đều sững sờ vì đã nhận ra nhau. Cái phản ứng đầu tiên của chúng tôi dường như được phát ra đồng loạt bằng một câu hỏi lấp lửng đầy ngạc nhiên.

“Anh Thành...”

“Quỳnh...”

Nhưng cái nét tươi vui, hớn hở của Quỳnh khi gặp lại tôi bất chợt tối sầm lại, nàng nói:

“Không ngờ gặp lại anh!”

“Ừ, không ngờ, Quỳnh làm ở đây à?”

“Vâng, có thể coi như vậy.”

Tôi chưa kịp nói gì thêm thì Quỳnh tiếp:

“Ở đây bất tiện, chút nữa gặp lại.”

Quỳnh nói xong bỏ đi ngay.

Đang ngồi hút thuốc bên ngoài khách sạn thì cô thư ký bước đến bảo:

“Mời ông theo tôi lên gặp bà chủ!”

“Cô à, bà chủ gặp tôi có việc gì vậy cô?”

“Ai biết!”

Nghe cô thư ký trả lời cộc lốc nên tôi không muốn hỏi gì thêm mà chỉ lẳng lặng theo cô ta lên tầng lầu hai:

“Thưa Bà, ông Thành đã đến”

“Mời vào!”

Cô thư ký nói:

“Ông vào đi, tôi có chút việc”

Tôi đẩy cửa bước vào và đứng chết trân khi nhận ra người đàn bà ngồi phía sau bàn làm việc chính là Quỳnh. Tôi hơi lung túng một chút nhưng lấy lại bình tĩnh:

“Chào Quỳnh”

Quỳnh chỉ chiếc ghế nói:

“Mời Anh ngồi! Anh qua Mỹ lâu chưa?”

“Gần sáu tháng rồi.”

“Qua cả gia đình chứ?”

“Không. Chỉ mình tôi!”

Quỳnh ngồi yên lặng một hồi rồi với một giọng nghiêm nghị lạnh lùng, nàng nói:

“Anh thấy công việc ở đây thế nào?”

“Cũng được”

Quỳnh lại ngồi đăm chiêu tư lự một hồi nữa rồi tiếp:

“Thôi được, anh Thành đến phụ chị Lan trông coi nhà cửa giúp em.

Ngôi nhà còn mới, vườn tược được chăm sóc khá chu đáo. Hoa cỏ rất đẹp. Vườn sau trồng nhiều loại cây ăn trái. Tất cả những công việc bên ngoài nhà, Quỳnh đã khoán cho một tổ hợp người Mễ chăm sóc thường xuyên. Quỳnh ít khi ở nhà. Việc trông coi nhà cửa đều do một mình Lan đảm nhận. Lan nói như vậy.

“Bà chủ này cũng kỳ thật, ở đây đâu có việc gì cho anh làm.”

“Tôi đâu biết, bà bảo sao thì tôi nghe vậy.”

“Bà bảo thế nào?”

“Bà bảo tôi đến phụ Lan trông coi nhà cửa!”

“Thôi được, anh nhắc ghế ra sân ngồi trông coi cho đã đi!”

Lan vừa trâu tôi vừa rót nước ra hai cái tách làm bằng đất nung. Ngôi nhà rộng thênh thang, bài trí khá trang nhã. Tôi và Lan ngồi ở phòng khách vừa uống trà vừa ôn lại những ngày còn sinh sống ở Đà Lạt. Những kỷ niệm vui buồn của một thời trai trẻ lần lượt hiện ra trong đầu tôi.

Vườn hồng của bác Bảy nằm ngay dưới chân một ngọn đồi. Ở lưng chừng ngọn đồi có một khe nước ngầm từ trong lòng đất chảy ra. Bác Bảy lợi dụng nguồn nước này để làm hệ thống tưới cho khu vườn. Khu vườn bác Bảy nằm không xa thành phố bao nhiêu, một khu vực tương đối khá an toàn, nên tôi thường đến đây chơi vào những ngày cuối tuần. Bác Bảy rất vui khi có tôi đến chơi. Bác kể cho tôi nghe nhiều chuyện thật lý thú. Về phần tôi, tôi cũng phụ Bác làm một vài công việc vặt vãnh. Chúng tôi một già một trẻ, xem ra khá tương đắc.

Vào một chiều Chúa Nhật, tôi mang theo chiếc máy ảnh định chụp mấy cánh hoa hồng làm kỷ niệm. Vừa vào khu vườn, tôi thấy một cô gái đang làm gì đó ở phía sau căn chòi. Tôi bước lại gần. Cô gái giật mình quay lại nhìn tôi trân trân. Để trấn an cô, tôi vội lên tiếng.

“Cô đừng sợ, tôi là người quen của bác Bảy”

Cô gái lấy lại bình tĩnh:

“Ông vào đây làm gì?”

“Tôi đến thăm bác Bảy”

Tôi vừa dứt lời thì bác Bảy cũng vừa bước tới.

“Chào cậu Thành”

“Dạ chào bác”

Bác Bảy chỉ tay về phía cô gái:

“Con nhỏ này là con gái đầu lòng của tôi. Thịnh thoảng nó mới ra đây phụ tôi làm một vài công việc vặt”

Tôi chưa kịp nói gì, thì bác Bảy nói tiếp:

“Quỳnh, con vào chòi pha bình trà cho ba và cậu Thành giải khát!”

Cô gái dạ một tiếng rồi bước vội vào căn chòi. Tôi và bác Bảy cũng theo vào. Cô gái tên Quỳnh vừa đặt khay trà lên bàn vừa nói:

“Thưa ba, con về trước”

Cô gái nói xong bỏ đi ngay, chẳng thèm đếm xỉa gì đến tôi. Với cái vẻ khinh khỉnh, bất cần này, tôi cứ đinh ninh là cô ta không có một chút ấn tượng gì về tôi. Nhưng không biết vì lý do gì mà những ngày sau đó, cô gái kiêu kỳ rất mực này lại thường xuyên xuất hiện trong khu vườn hồng. Lúc đầu chúng tôi rất “ghét” nhau nhưng dần dà chúng tôi quen nhau, mến nhau rồi yêu nhau từ lúc nào không hay.

Thành phố Đà Lạt với những cảnh đẹp thiên nhiên, với những buổi chiều mây trời lãng đãng, với những đêm sương mù dưới ánh đèn lung linh mờ ảo, chúng tôi kề cận bên nhau trong những ngày tràn đầy hạnh phúc. Nhưng cuộc tình của chúng tôi bị đứt đoạn một cách tức tưởi vì tôi được lệnh động viên vào trường Thủ Đức.

Hôm tiễn tôi lên đường, Quỳnh khóc nức nở. Chúng tôi quyến luyến nhau không rời, nhưng không hề cho nhau một lời ước hẹn nào vì cả hai đều biết rõ cái giá phải trả cho chiến trường như thế nào khi mà người lính phải đối diện với cuộc chiến đã đến hồi khốc liệt.

Khi đặt chân xuống thành phố Đà Nẵng, việc đầu tiên của tôi là viết thư cho Quỳnh, và từ đó chúng tôi trao đổi thư từ thường xuyên cho nhau. Nhưng khoảng vài năm sau thì thư hồi âm của Quỳnh cho tôi thưa dần rồi dứt hẳn. Bức thư sau cùng gởi tôi, Quỳnh cho biết gia đình nàng sẽ dời lên sinh

sống ở Ban Mê Thuật và từ đó tôi không còn liên lạc với Quỳnh được nữa.

Sau bốn năm phục vụ trong Quân Đội, tôi được trả về Bộ Giáo Dục. Trong thời gian nghỉ phép chờ bổ nhiệm, tôi lên Ban Mê Thuật vừa để thăm Hoàng, một người bạn cùng khóa ở Thủ Đức vừa để dò tìm tin tức Quỳnh.

Những cơn gió lạnh thường bắt chợt ập tới vào buổi chiều ở cái thành phố heo hút gió này. Tôi đang thả bộ trên con đường Ma Ha Trang Long, định đến rạp Lodo xem phim cho đỡ buồn thì gặp Hoàng. Anh ta vừa đi vừa xoa xoa hai bàn tay vì lúc chiều ra đường quên mang theo áo lạnh. Tôi rủ Hoàng cùng đi xem phim nhưng hấn lắc đầu lia lịa.

“Địt mẹ, muốn hiến máu cho rệp à? Địt mẹ cái thành phố gì mà muốn nóng là nóng, muốn lạnh là lạnh liền!”

Với giọng Bắc Kỳ đặc sệt, hấn vừa chửi thề vừa lôi đại tôi vào một quán “BAR” cửa đóng im ỉm. Tôi giãy nảy:

“Ê, tao không tiền!”

“Địt mẹ, đừng lo. Con chủ quán này là bồ của tao!”

Tôi bị hấn lôi vào “cái chỗ” mà thực tình tôi không muốn vào chút nào. Bên trong cánh cửa có vẻ hiền lành an phận kia là một thế giới hoàn toàn khác hẳn. Chúng tôi đến ngồi ở chiếc bàn gần quầy rượu. Vừa mới đặt đít xuống ghế, một cô gái trẻ đẹp, ăn mặc hở hang, mặt mày diêm dúa bước đến ngồi trên đùi Hoàng:

“Cực cực cả tháng nay đi đâu mà bây giờ mới đến?”

“Bận hành quân.”

“Hành quân gì. Muốn trốn em thì có?”

Tôi nhìn kỹ cô gái rồi bất chợt ồ lên một tiếng. Cô gái bây giờ mới để ý đến tôi. Mặc dù nét mặt được che lấp dưới lớp phấn son dày cộm, nhưng tôi cũng nhận ra cái vẻ lúng túng

ngượng ngùng của cô gái bán BAR mà đã một thời cùng tôi
thề non hẹn biển: Quỳnh.

“Anh lên Ban Mê Thuật có chuyện gì vậy?”

Hoàng ngạc nhiên hỏi:

“Hai người quen nhau à?”

Bỏ mặc Hoàng, tôi nhìn đắm đắm vào mặt Quỳnh, cay đắng:

“Hân hạnh được biết bà chủ!”

Quỳnh không nói gì thêm, đứng dậy bỏ vào trong. Nhìn
những bóng đèn xanh đỏ nhấp nháy, những cô gái mời rượu
lả lơi, những người đàn ông ăn nói tục tĩu, thô lỗ, những
tiếng nhạc rè rè từ một giàn âm thanh loại “dòm” phát ra, rồi
nhớ lại những ngày cùng Quỳnh quần quýt bên nhau ở Đà
Lạt, tôi nghe lòng nhói đau như một mũi dao đâm vào lồng
ngực. Một cô gái ăn mặc hở hang đến ngồi bên cạnh tôi:

“Anh à, em thương anh quá chừng, cưới em làm vợ đi!”

Cô ta vừa nói vừa rót bia vào ly. Thấy tôi ngồi bất động như
pho tượng, cô ta nói tiếp:

“Uống đi anh, uống chậm quá coi chừng bia nguội đó!”

Rồi với một giọng nhừa nhựa vì uống nhiều rượu, cô ta hát
nhỏ nhỏ vào tai tôi “đường... thương đau... đầy ải nhân
gian... Ai chưa qua... chưa phải là người...”

Tôi cảm thấy choáng váng và nói khẽ vào tai Hoàng:

“Về!”

Hoàng chung hứng, ngơ ngác nhìn tôi.

“Địt mẹ, về thì về. Con vợ tao, nó trốn đâu mất rồi?”

Lan hỏi:

“Anh Thành, làm gì mà ngồi thờ người ra vậy?”

“Ồ không...”

Tôi nói chưa hết câu thì điện thoại trên bàn bật reo. Lan nhắc
lên nghe. Tôi không biết ở đầu dây bên kia là ai, chỉ nghe
Lan dạ... dạ... liền miệng rồi đưa điện thoại cho tôi. Từ đầu
dây bên kia, một giọng nói lạnh lùng xa lạ chảy vào tai tôi
như một cấp chỉ huy truyền đi một mệnh lệnh.

“Vâng... tôi sẽ đến!”

Ngồi ở quán Thiên Kim chừng mười phút thì Quỳnh bước vào:

“Anh chờ lâu không?”

“Không, cũng vừa mới đến”

Quỳnh gọi mấy món ăn và hai chai heineken. Uống vài ngụm bia và liếm láp qua loa vài miếng nem nướng, Quỳnh bắt đầu câu chuyện:

“Chắc anh hận em và muốn biết tại sao em chấm dứt liên lạc với anh vào những năm đó phải không?”

Tôi ngồi im lặng. Đầu cúi thấp. Hai tay mân mê chiếc ly bia đầy bọt. Quỳnh chờ vài một chút rồi nói tiếp:

“Thôi được. Em kể cho anh nghe vì sao em không muốn tiếp tục cuộc tình của chúng ta. Năm đó, sau khi anh ra Đà Nẵng được vài tháng thì má em ngã bệnh. Ba em bán hết tài sản để chạy chữa thuốc thang, nhưng cuối cùng má em cũng qua đời. Ba em thấy ở Đà Lạt không còn gì lưu luyến nữa, nên dồn hết số tiền còn lại lên Ban Mê Thuật mua một miếng đất cất nhà và trồng cà phê. Mặc dù đã rời xa nơi xảy ra chuyện đau lòng nhưng Ba em không làm cách nào nguôi ngoai được, nên cuối cùng rồi cũng sanh bệnh. Căn bệnh của Ba em mỗi ngày một trầm trọng, em phải bán miếng đất và căn nhà để lấy tiền lo việc thuốc thang. Lúc ấy em đưa Ba và mấy đứa em vào thị xã mượn một căn nhà nhỏ trú tạm. Sau đó không lâu Ba em cũng qua đời. Tiền bạc trong nhà không còn bao nhiêu mà em phải vừa lo trả tiền nhà vừa lo cho mấy đứa em đi học, rồi việc ăn uống tiêu xài lặt vặt...”

Nói đến đây, Quỳnh không ngăn được nỗi cảm xúc đang dâng tràn. Những giọt nước mắt bị dồn nén từ lâu bây giờ mới được dịp tuôn ra, lăn dài trên hai gò má. Quỳnh khóc tức tưởi như một đứa trẻ. Cũng may, quán ăn lúc này không có khách. Cô chủ quán ngồi ở quầy tính tiền nhìn sững chúng tôi.

“Quỳnh, đừng khóc nữa. Nỗi khổ tâm của em anh đã hiểu.”

“Và đó chính là lý do mà em không muốn liên lạc với anh nữa, nhất là khi em đã quyết định làm cái nghề mà hồi còn ở Ban Mê Thuật anh đã từng chứng kiến. Em đã trở thành một cô gái bán BAR”

Nói đến đây Quỳnh lại ôm mặt khóc:

“Còn một điều nữa có lẽ anh cũng muốn biết tại sao em được đi Mỹ và trở thành một người giàu có trên cái xứ sở tạm dung này. Như anh đã biết, hồi năm 1969 em là một người chủ BAR, quán của em đủ loại khách ra vào, trong số đó có một người lính Mỹ. Không biết sao người lính Mỹ này lại thích em và hứa với em nếu chịu lấy ông, ông sẽ đưa cả gia đình em sang Mỹ. Ông ta còn cho biết thời gian phục vụ ở chiến trường Việt Nam cũng sắp mãn hạn.

Hoàn cảnh gia đình em lúc bấy giờ vô cùng bi đát nên em quyết định đánh liều một phen, không ngờ người lính Mỹ này rất mực yêu em và thực hiện đúng lời hứa. Khi đến Mỹ em mới biết được chồng em là con của một gia đình giàu có, thuộc vào hàng triệu phú ở New York”.

Ngừng một chút, rồi cũng với cái giọng đều đều như trước, Quỳnh kể tiếp:

“Vào năm 1981, cha chồng em qua đời để lại cho anh ấy một gia tài hàng triệu mỹ kim. Tụi em sống với nhau thật hạnh phúc. Nhưng rồi một biến cố bất ngờ xảy ra, chồng em cũng qua đời một cách tức tưởi trong một tai nạn xe hơi khi anh ấy đang hình thành cho mình một kế hoạch làm ăn vô cùng thuận lợi. Từ đó em quyết tâm sống một cuộc đời khép kín cho đến bây giờ. Anh Thành, câu chuyện em kể cho anh nghe hôm nay không có một dụng ý gì khác ngoài việc muốn tháo gỡ một phần cái gút mắc mà anh đã áp ủ trong lòng từ bấy lâu nay. Chắc anh đã hiểu ý em rồi chứ gì. Thôi chúng ta về!”

Quỳnh nói xong đứng dậy ngay, không cần biết tôi có phản ứng gì hay không. Dĩ nhiên là tôi hiểu rất rõ những gì mà

Quỳnh muốn nhắc nhở tôi bằng những câu nói khéo léo trước khi ra về. Tôi thầm trách Quỳnh đã đánh giá tôi quá thấp. Thực ra nàng không cần phải lo xa, hấp tấp chặn đầu chặn đuôi như vậy, vì ngay từ lúc biết được nàng là chủ nhân khách sạn, tôi đã có một quyết định dứt khoát là sẽ không tiếp tục làm việc ở đây nữa. Với một nụ cười chua chát còn đọng trên môi, tôi thông thả bước lên xe, mở máy, chiếc xe cũ kỹ của tôi từ từ tiến về phía trước...

Con Quỷ Cái Ở Hồ JP

Lão mê câu cá còn hơn người ta mê đánh bài. Mùa hè, hầu như ngày nào lão cũng ngồi dưới hồ cho đến chạng vạng tối mới chịu trở về. Thường thì lão rất ít đi câu đêm, bởi lẽ đôi mắt lão rất kém. Lái xe đường xa ban đêm lão thường hay lạng quạng, đã mấy lần xuýt xảy ra tai nạn. Thỉnh thoảng lão cũng có theo người ta đi câu đêm ở một vài nơi nào đó, nhưng hôm nay lão quyết định một mình lái xe đi câu ở hồ J.P. lake. Lão tìm một nơi thật vắng vẻ để cắm cần. Hai bên chỗ lão ngồi là những tàn cây lớn. Dưới mấy tàn cây là những lùm bụi rậm. Lão đang say sưa, hồi hộp chờ cá dính câu thì một tiếng động lạ phát ra từ một lùm bụi cách chỗ lão ngồi chừng vài chục thước. Lão dón dác nhìn về phía đó nhưng chẳng thấy được gì. Ngọn gió đêm không mạnh lắm, thổi đến từng chập, đưa mấy cái nhánh lá sà trên mặt nước, tạo nên những âm thanh vừa êm ái vừa ròn rợn. Dưới ánh sáng mờ mờ của mấy ngọn đèn câu từ ngoài hồ chiếu vào, lão thấy một bóng người, hình như là bóng của một người đàn bà, mặc đồ trắng, nhỏ con, tựa tựa như một người lùn, bò tới bò lui, chập chồn trên mé nước rồi biến mất. Lão đưa tay lên dụi cặp mắt để nhìn cho kỹ hơn, nhưng lão chẳng còn thấy gì.

Vì để hết tâm trí nhìn về phía lùm bụi mà lão quên mất việc trông chừng mấy cái cần. Khi lão chợt nhớ, quay lại thì cái cần cắm gần bên lão biến mất. Lão vò đầu, bứt tóc, vừa tiếc con cá vừa tiếc cái cần. Lão đang lớ ngớ không biết phải làm gì thì một loạt âm thanh kỳ quái như tiếng người rên rỉ lại từ lùm bụi phát ra. Lão dồn hết thính lực vào hai lỗ tai, nhưng chẳng còn nghe được gì. Mặt hồ im phẳng phắc. Lão nghe lạnh lạnh ở sống lưng. Lão đưa tay lên xoa xoa trên mí mắt cho thần trí tỉnh táo lại.

Thực ra, từ lúc bước chân vào quân đội, lão luôn luôn phục vụ ở các đơn vị tác chiến. Rừng rú, bụi bờ, mồ mả, không một nơi nào mà lão chưa từng ngủ qua. Lão gặp vô số những chuyện ly kỳ quái đản, nhưng bao giờ lão cũng cho đó là những nhảm lẩn về quang học, hoặc là những sự trùng hợp ngẫu nhiên gì đó thôi.

Lão đang nhìn đăm đăm vào cái bụi chết tiệt kia thì một luồng nước gọn dài ngoài mé hồ từ từ trườn về phía lão, trông giống như một con cá sấu đang tiến vào bờ đón mồi. Lão lùi lại mấy bước, sẵn sàng tư thế phóng chạy, nhưng không còn kịp. Cái gọn nước đột nhiên nổi lên ào ào, nước bắn lên tung tóe, vụt nhanh về phía lão. Lão bật ngửa về phía sau. Mấy luồng nước mát lạnh trượt qua người lão, mang theo mấy tiếng cạp... cạp... rồi biến mất vào hàng bụi rậm. Lão định hồn, vừa lồm cồm ngồi dậy vừa chửi thề: “Đ.m... nó... mấy con vịt cà chớn!”

Vợ lão đang loay hoay trong bếp thì có tiếng cửa garage. Bà ra bật đèn lên thì thấy lão uể oải từ ngoài xe lững thững đi vào. Bà hơi ngạc nhiên vì bà rất hiểu tính lão, đi câu ít khi lão chịu về sớm, dù có cá hay không lão cũng mìn riết dưới hồ. Nhưng hôm nay không biết sao, mới mười giờ tối mà lão đã lợt tọt trở về. Nhìn bộ mặt của lão, bà biết ngay lão chẳng câu được con nào. Thực ra bữa nào mà lão trở về tay không là bà mừng thầm trong bụng. Bởi không những bà mà cả đám con cháu trong nhà, chẳng có đứa nào chịu ăn cá hồ. Mỗi khi lão xách cá về là bà phải len lén đem bộ thùng rác, hoặc đem cho người ta. Hôm nào rui ro bị lão bắt gặp là lão cần nhằn suốt ngày. Lão nói:

“Cái gì mà dùng tiền để mua thì mới quý, còn cái gì mà mình tự kiếm được là đồ bỏ, đồ vô giá trị, phải biết vậy tôi cho người ta dưới hồ cho rồi.” Lão nói thì nói vậy, nhưng nếu hôm nào vợ lão lấy cá lão câu, nấu nướng dâng hoàng dọn lên bàn thì lão chỉ gấp qua loa một vài miếng, khen lấy khen để mấy câu rồi vừa cười hề hề vừa chia đĩa qua mấy món ăn

khác của bà. Sau bữa ăn, bà ngang nhiên lấy mấy con cá lã câu đem bỏ thùng rác mà lão chẳng hề tiếc rẻ chút nào.

Bà bấm cửa garage xuống rồi bước theo lão vào trong. Nhìn bộ mặt tiu nghỉu của lão, bà vừa buồn cười vừa thương hại:

“Ừa, sao hôm nay ông về sớm vậy?”

“Thôi đừng hỏi nữa bà ơi! Tôi không ngờ ở cái xứ văn minh nhất thiên hạ này lại có nhiều ma quỷ đến như vậy, báo hại làm tôi xuýt bỏ mạng, về đến nhà là mừng rồi đó bà.”

“Ông nói cái gì vậy? Ma quỷ ở đâu mà ông gặp?”

“Thì ở dưới hồ J.P chớ ở đâu!”

“Mà chuyện thế nào ông nói tôi nghe thử coi?”

“Có đũa nào ở nhà không?”

“Không!”

“Vậy thì được. Tụi nó còn nhỏ nghe chuyện ma quỷ không tốt, vả lại chuyện này là có thật, chính mắt tôi thấy, không phải nghe người ta kể lại đâu.”

Lão vừa nói vừa làm ra vẻ bí mật, cứ vòng vo tam quốc mãi. Bà thì nôn nóng muốn nghe, hối thúc lão liền miệng. Thì ra lão gãi đúng chỗ ngứa của bà. Thật ra không phải đến bây giờ lão mới biết cái tật sợ ma lại thích nghe chuyện ma của vợ lão, mà ngay hồi mới cưới nhau, lão đã phát hiện cái điều này rồi. Khi ấy trong ngăn kéo của bà, lão thấy toàn là những cuốn sách kể về chuyện ma. Rồi sau khi qua Mỹ, mỗi lần bật TV lên mà thấy chiếu phim ma, thì coi như bà đã mở trúng đài, mọi người đành đi chỗ khác chơi!

Lão cà kê dè ngỗng một hồi cho đã rồi mới lên giọng tăng hăng:

“Bữa nay tôi gặp một con quỷ cái, nó mặc bộ đồ trắng toát!”

Bà vợ lão há hốc mồm:

“Cái gì? Ông gặp quỷ? Nó có làm gì ông không?”

Lão làm ra vẻ quan trọng, nhìn trước nhìn sau, hạ giọng nói:

“Sau khi ngâm mỗi xong đầu đấy, tôi ngồi dựa trên ghế chờ đợi, thì một con quỷ cái mặc đồ trắng, dề tóc xỏa, cặp mắt đỏ

như hai hòn lửa, nhìn tôi rồi thè cái lưỡi dài lòng thòng xuống tới mặt đất. Nó chờn vờn trên nhánh cây, chìa hai hàm răng nhọn hoắc, cười rít rít như người ta dũa răng cưa. Bà ơi! Từ nhỏ đến giờ tôi chưa hề thấy con quỷ cái nào dữ dằn như vậy. Mấy hôm trước tôi còn nghe người ta nói nhiều chuyện về nó nữa nhưng mà tôi không tin...”

“Người ta nói cái gì vậy ông?”

“Ngồi xích ra một chút coi nào. Làm cái gì mà nép nép vào người tôi vậy?”

“Cái ông này, được rồi, nói đi”

“Người ta nói con quỷ này rất thích làm đẹp”

“Cái gì? Quỷ mà cũng thích làm đẹp?”

“Chớ sao. Người ta nói con quỷ cái này mới xuất hiện gần đây thôi. Nó rất thần thông quảng đại, không sợ ánh sáng mặt trời nên ngày đêm gì nó cũng lảng vảng trước mấy cái “mơ”* hay trước mấy cửa tiệm bán hàng mỹ phẩm, hề thấy ai mua quần áo hàng hiệu, hoặc loại mỹ phẩm đắt tiền là nó kè theo liền... Nó nhập vào những người đó để dùng chung những thứ đắt tiền, còn những người mua đồ bình thường thì nó không thèm ngó tới đâu!”

“Trời ơi con quỷ cái này dễ sợ quá! Để tôi nói với mấy bà bạn đừng mua hàng hiệu nữa!”

“Không được. Con quỷ cái này rất ghét những người nhiều chuyện. Nó mà biết được thì không tha đâu!”

“Thôi được, tôi không dám nói đâu. Ông à! Tối nay ông cho tôi ngủ trong phòng ông với nghe?”

“Được rồi, muốn ngủ đâu thì ngủ.”

Hù vợ lão một hồi cho chừa cái tật phung phí tiền bạc rồi bỏ ra ngoài vừa hút thuốc vừa bụm miệng cười khúc khích, để coi bà còn dám mua hàng hiệu nữa không?”

Suốt cả buổi sáng lão cứ thắc mắc mãi về con quỷ cái ở hồ J.P. Bây giờ hồi tưởng lại, lão còn nhớ rất rõ những gì đã xảy ra vào đêm vừa rồi, một cái bóng trắng toát, lùn chùn, bò qua bò lại trên mé nước rồi biến mất. Lão còn nghe những tiếng động lạ, những tiếng rên ề ề như người ta bị thất cổ. Thế rồi

cái tính tò mò lại thôi thúc lão. Lão quyết định hôm nay, vào ban ngày, lão phải khám phá cho bằng được cái điều bí mật trong cái lùm bụi kia. Lão chỉ xách theo một cái “sô” và một cây cần nhỏ, loại dùng để câu mồi giả. Sau khi cẩn thận kiểm một đoạn cây rắn chắc, dài chừng một thước. Lão rón rén tiến đến lùm bụi. Lão vừa đưa tay vén mấy cái nhánh là sà trên mặt nước thì một cái bóng trắng từ trong lùm bụi phóng vút vào người lão, lão ngã bật về phía sau, hồn bay phách tán!!!...

Vợ lão loay hoay trong bếp một hồi rồi bung ra cho lão một đĩa trứng ngỗng, cái nào cái nấy to gần bằng nắm tay. Lão vừa ăn vừa khen ngon rồi lẩm bẩm “Mẹ, con quý cái này để trứng to thật...”

(*) Trung Tâm Bán Lê ở Mỹ

Núi Rừng Quê Tôi

1. Đỉnh Đèo Bay

Không biết cái tên “Đỉnh Đèo Bay” có từ bao giờ, nhưng tôi biết chắc nó không thể có trước năm 1975, vì lúc đó cây gỗ còn nhiều, ít ai lên đến nơi này. Đây là đỉnh cao nhất trên cụm núi phụ nằm về phía đông dãy Trường Sơn. Dân làm rừng chỉ có những người bạo gan mới dám lên nơi này. Tôi không gan dạ gì, nhưng có chút liều lĩnh nên cũng từng mò lên tới đây. Ngày đầu tiên đặt chân lên Đỉnh Đèo Bay, đứng trên một mô đá nhô cao, đưa mắt nhìn về biển đông, tự nhiên tôi cảm thấy thương quê hương mình quá đỗi.

“Trông lên núi ngả đầu chào

Trông ra ngoài biển, biển nào cũng sâu!”

(Khuyết danh)

Hai câu thơ này không biết của ai và cũng không biết đọc nó ở đâu, nhưng khi đứng trên Đỉnh Đèo Bay, tự nhiên tôi chợt nhớ ra và nhớ mãi đến bây giờ. Đứng trên Đỉnh Đèo Bay nhìn về hướng Tây là núi rừng trùng điệp, nhìn về hướng Đông là biển cả bao la. Ngày xưa ông Thái Thượng Lão Quân vẽ ra bản Thanh Thế Hồng Đồ để phân chia Trời Đất, chắc ông ta có một chút cảm hứng nào đó để “phết” lên quê tôi những nét đẹp lạ lùng.

Trải tấm nylon trên phiến đá bằng phẳng. Một xị rượu, vài con cá khô. Quá đủ. Thật tình quá đủ, tôi cảm thấy như vậy. Và, chính nhờ cái đạm bạc này mà tôi mới thấy hết được cái đẹp đơn sơ, giản dị của núi rừng quê tôi; Cái đẹp vừa uy nghi, kỳ bí vừa phẳng phất một chút nên thơ, lãng mạn. Ngồi trên Đỉnh Đèo Bay, hóp một ngụm rượu, khà lên một tiếng thật kêu rồi đưa mắt nhìn ra tám hướng, thả hồn đi khắp bốn

phương mới thấy hết cái nét vừa nên thơ lãng mạn vừa pha lẫn một nỗi chua cay thấm đẫm trong lòng.

*Chiều ở đây thật buồn
Mây đùn quanh tám hướng
Thung lũng dày sương mù
Tôi ngồi nghe gió hú*

*Lão tiều phu đón rừng
Nghe đau từng nhát búa
Cỏ con chim lạc đàn
Xoải cánh chiều qua núi*

*Rừng ngàn năm vẫn buồn
Chôn sâu niềm u uẩn
Người ngàn năm vẫn còn
Đi trong vòng lẩn quẩn*

*Rừng ngàn năm còn đó
Tôi trăm năm còn đây
Rừng lắt lay theo gió
Tôi nhìn mưa thu bay*

*Mưa thì thấm trên lá
Tôi thì thấm với ai?*

(nđn)

Từ làng tôi, dân làm rừng đi lên núi Ông (1) bằng nhiều ngã khác nhau. Tất cả những ngã đường này đều phải băng qua con đường sắt xuyên Việt, đoạn từ ga Mường Mán đến ga Ma Lâm. Mỗi giao điểm của lối mòn xe bò và con đường sắt đều được giới khai thác lâm sản đặt cho mỗi nơi một cái tên nghe rất là “địa phương”: Đầu mỗi bầu lon, đầu mỗi bầu đá, đầu mỗi giếng cỏ v.v... Đầu mỗi (2) là nơi xe bò bắt buộc phải đi qua. Thời chiến tranh Việt - Pháp, lính Tây thường phục kích ở các nơi này và gây chết chóc rất nhiều người.

Nguyễn Đức Nhơn 177

Đoạn đường sắt này, hai đầu nối liền với Mường Mán và Ma Lâm, lập thành một khu vực địa dư mà thời chiến tranh được mệnh danh là “chiến trường tam giác”. Sau khi ra tù, tôi trở về sinh sống ở một ngôi làng nhỏ nằm trong khu vực này. Ngoài việc làm cho hợp tác xã nông nghiệp, tôi thường lên rừng đốt củi, hầm than để kiếm sống. Tôi chọn lộ trình “đầu mòl giếng cỏ” để qua con đường sắt. Khi ấy tôi dành dụm được một ít tiền, sắm được một chiếc xe bò bánh sắt (3) và, cứ mỗi tuần tôi cùng thằng con trai tý tẹo của tôi lên núi một lần.

*Thong dong một chiếc xe bò
Nhạc khua lóc cóc giữa bờ ruộng sâu
Ngoảnh nhìn phận số ta đâu
Bóng hình xưa đã nhạt vào xa xăm
Ở đâu còn một chỗ nằm
Cho người thua cuộc về thăm núi này! ...*

(Thơ Trần Yên Thảo)

2. Đèo Vòng Xoay

Trên lộ trình đến Đèo Vòng Xoay, đường núi cheo leo, xe bò bắt buộc phải qua một vài địa thế vô cùng hiểm trở, thường xảy ra tai nạn chết người.

*“Không đi thì đói thì nghèo
Mà đi thì sợ cái Đèo Vòng Xoay”*

Hai câu lục bát dân gian này không biết có từ lúc nào, nhưng cái Đèo Vòng Xoay thì đã có từ lâu đời. Nếu cái tên “Đỉnh Đèo Bay” gợi lên một cảm giác chơi vơi trên một đỉnh núi cao chót vót, thì cái tên “Đèo Vòng Xoay” lại cho ta một cảm giác quay tròn tròn như con vục. Thực ra thì cũng không đến nỗi như vậy. Đèo Vòng Xoay chỉ là một khúc quanh rất ngặt, nhưng khổ nỗi là khúc quanh này lại nằm giữa hai bờ con sông hẹp nhưng rất sâu. Khi chiếc xe lao xuống dốc, người đánh xe không thể điều khiển được hai con bò. Mà trời sanh cũng ngộ, hai con vật tự nó cũng biết phải làm thế nào để bảo đảm an toàn cho chiếc xe (!). Khi gần tới đáy sông thì có một gôn đá lớn nằm chắn ngang. Chao ơi! nếu đâm đầu vào đó thì... “tía tôi cũng lia!”. Nhưng an tâm, chỉ vài phút sau người đánh xe sẽ tỉnh hồn, kịp điều khiển hai con bò quay một vòng rất ư là đẹp mắt. Khi qua được bờ bên kia, người đánh xe cảm thấy mình vừa thoát qua một tai nạn! Hú hồn...

3. Đèo Thăng Cuội

Qua khỏi Đèo Vòng Xoay một hồi thì tới “Đèo Thăng Cuội”. Cái đèo này mới thật “ê á”. Chiếc xe qua khúc đèo này, gần như chỉ lăn có một bánh, còn cái bánh kia thì nhảy “cà tung, cà tung” trên những phiến đá lồi lõm như người ta nhảy đầm (!). Chiếc xe nghiêng hẳn về một bên. Người ngồi trên xe lại thêm một phen “thả hồn theo mây gió”. Tại sao lại có cái tên “Đèo Thăng Cuội” nhỉ? Ông Sáu Lầu, người cao tuổi nhất trong làng kể lại:

- Chú Tám à! Cạn hết cái chén đó đi rồi tôi sẽ kể cho chú nghe.

- Dạ được.

- Thực ra, chuyện này tôi cũng nghe tía tôi kể lại, còn sự thật thế nào thì tôi cũng không rõ.

Ông Sáu ngừng lại vài giây, nhắm thêm một ngụm rượu, khà ra một tiếng rồi kể tiếp.

- Nghe nói hồi mới khai thông khúc đèo này, chiếc xe đầu tiên qua đèo bị lật đè chết một người. Người ta không rõ danh tánh người xấu số. Chỉ biết người này dùng sức phụ đỡ chiếc xe cho khỏi lật nên bị chiếc xe đè chết. Những người dùng sức chống đỡ một vật nặng, giúp cho một việc gì đó, người làng mình gọi là “cuội”. Nên vì vậy mà mới có cái tên “Đèo Thăng Cuội” đó chú Tám.

- Thừa bác, còn tại sao mỗi chiếc xe qua đây đều phải ném vào cái mô đất một nhánh cây hay một hòn đá vậy bác?

- Ủ, chuyện này kể ra cũng lạ. Nghe nói sau cái tai nạn đó, đêm đêm Thăng Cuội hiện về bảo là ai đi ngang qua đèo phải ném vào mô đất một vật gì đó, coi như vun bồi cho ngôi mộ, nếu không thì lần sau ngang qua đây sẽ bị lật xe. Chuyện đó hư thực thế nào thì không ai rõ, nhưng mọi người đều có một ý nghĩ giống nhau “thà tin có còn hơn không!” và, vì vậy mà cái mô đất mỗi ngày một cao thêm.

4. Râm Tiếng

Qua khỏi đường sắt một đoạn thì phải chui vào một khu rừng dày đặc, dài chừng vài ba cây số. Ban đêm đi vào khu rừng này, người đánh xe không thể nào quan sát được mọi vật chung quanh, nên chỉ nhíp roi “chùng chùng” vào lưng bò, để tự nó theo lối mòn mà đi. Đây cũng là một kinh nghiệm của những người đánh xe. Vì quá rậm rạp, nên nhiều loại thú dữ thường trú ẩn trong khu rừng này, nhất là cọp. Ban đêm chúng thường ra đường chặn xe. Chúng dọa trâu bò nhảy tán loạn, người trên xe không may bị té xuống đất là chúng vồ đi ngay. Cũng tại khu rừng này có một con cọp hung tợn vô cùng. Người hay súc vật không may gặp phải nó là vô phương sống sót. Người ta đặt cho nó một cái tên nghe cũng gang hồ hảo hán lắm: “cọp ba đầu”. Nghe nói, một đêm nọ, con cọp này phóng đại vào chiếc xe, chân trước thọc vào bánh xe để kéo lại, không may bị bánh xe nghiền nát, nên từ đó nó chỉ còn ba chân. Người làm rừng thường hay quan sát dấu chân cọp để biết chừng mà tránh, nên mới phát hiện ra con cọp ba đầu này. Nghe nói từ ngày mất một chân, con cọp lại càng hung dữ hơn. Nó “hoành hành bá đạo” ở khu rừng này, nên vì vậy mà khu rừng đâm ra nổi tiếng, rồi dần dà người ta lướt bỏ đi một vài chữ trong cụm từ “khu rừng nổi tiếng” để đặt luôn cho nó cái tên là “Râm Tiếng”.

Một điểm đặc biệt nữa là khu rừng này có một loài chim mà trong tác phẩm “Đất Rừng Phương Nam”, Đoàn Giỏi gọi là “chim lệnh” (4). Loài chim này có một giọng kêu nghe the thé giống như tiếng trẻ con khóc. Ban đêm mà nghe tiếng kêu của nó, ắt có người “són” ra quần. Đặc biệt hơn nữa là loài chim này thường “ở chung với cọp” bởi vì cọp là loài ăn thịt sống, nên thịt thối ở kẻ răng làm cho nó đau nhức. Chim lệnh biết “khai thác” nhược điểm này, nó cà rà theo cọp để mổ thịt thối ăn. Đang khi răng bị ngứa nhức khó chịu vô cùng mà có kẻ chịu khó “xỉa răng” giùm thì làm sao mà không biết ơn cho được! Vì vậy mà vô hình chung cọp và

chim lệnh trở thành đôi bạn thân, sát cánh bên nhau, nương tựa nhau mà sống (!). Thiên nhiên quả thật có nhiều điều kỳ diệu. Có lẽ người làm rừng mộc mạc không hiểu gì về khoa học tự nhiên, cho chim lệnh là một loài chim linh, muốn giúp người, nên bám sát theo cọp để lên tiếng báo động kịp thời cho người lẩn tránh. Vì vậy người làm rừng mới truyền kinh nghiệm cho nhau bằng một câu nói mà mới nghe qua giống như một câu châm ngôn nhật tụng: “Nơi nào chim lệnh kêu, nơi đó có cọp!”

5. Giếng Tiên

Đến Giếng Tiên thì phải đi bằng một ngã khác, thực ra tôi rất ít đến nơi này, vì không thuận đường. Câu chuyện dưới đây, tôi cũng chỉ nghe người ta kể lại, không biết đúng sai và cũng không biết còn có câu chuyện nào nữa nói về cái huyền thoại “Giếng Tiên” hay không? Hai chữ “Giếng Tiên” gợi lên cho người đọc một hình ảnh nên thơ thoát tục. Thực ra nó cũng chỉ là một khu rừng bình thường, chỉ khác một điểm là ở đây có một giếng nước rất trong, nhúng tay vào người ta có cảm giác như đang ngâm bàn tay trong nước đá.

Người ta thường lên núi đốn củi, hầm than vào mùa nắng, nên nước uống là một vấn đề vô cùng phiền toái cho người làm rừng. Thường thì người ta phải mang nước theo để sử dụng, nếu rủi ro bị đổ thì chỉ còn cách quay trở về. Cái nắng nóng hừng hực của núi rừng giữa trưa mà xối lên người một ca nước “Giếng Tiên” lạnh ngắt thì cho dù người phàm cũng biến thành tiên. Tôi có nghe lồm bồm một câu chuyện thần bí về khu rừng này.

Ngày xưa, có một lão tiều phu đầu tóc bạc phơ, mùa nắng thường hay lảng vảng ở khu rừng Giếng Tiên. Người ta không biết ông ở đâu và cũng không biết ông làm gì. Không ai tới gần ông được. Ông thường ẩn hiện, thấp thoáng trong rừng như một bóng ma. Một hôm có một cô gái làm rừng bị ngất xỉu vì cơ thể thiếu nước, ông già xuất hiện mang cô gái vào một hốc núi rồi hú vang một tiếng. Cô gái giật mình tỉnh lại, nhìn chung quanh không thấy ai, nhưng phát hiện ngay bên chỗ mình nằm là một cái giếng nước trong. Cô gái vì quá khát, nên múc nước lên uống mà không e dè chút nào. Không ngờ vừa uống xong, cô gái thấy toàn thân lạnh như băng và rừng mình một cái, biến thành một nàng tiên xinh đẹp bay bổng lên trời.

Nghe tiếng hú kỳ lạ, có một người tiều phu tò mò lần theo vách núi đến nơi thì phát hiện ra nơi này có một bộ quần áo

của phái nữ. Người tiều phu tò mò mở ra xem thì thấy trong túi có một bức tượng hình thù quái dị, lớn bằng nắm tay. Người làng biết được chuyện, bèn rủ nhau lên xây một bức tượng cao chừng vài thước, hình dáng giống như bức tượng trong túi áo. Bức tượng đó lâu ngày biến thành một hòn đá thiên nhiên, trông tựa tựa như một cô gái đang đứng tựa vào vách núi. Hòn đá đó ngày nay vẫn còn. Truyền thuyết còn cho rằng ông lão kỳ bí ở rừng Giếng Tiên chính là vị thần năm xưa được Thượng Đế sai gánh hai hòn núi từ Bắc vào Nam. Khi bay ngang qua Phan Thiết, không may bị đứt dây, nên hai hòn núi rớt xuống nằm ngay bên cạnh quốc lộ 1 ở hai đầu Nam - Bắc thị xã Phan Thiết (5). Có người còn nói hai hòn núi này là hai ông tà, cho nên người xưa mới đặt tên là “Tà Dôn” và “Tà Cú”. Hai ông tà này rất ác ôn, “đi” dân Bình Thuận góc đầu không nổi, nên chẳng có ai được làm Vua hoặc làm Tổng Thống (!). Còn ông thần gánh hai hòn núi thì bị Thương đế giáng xuống làm “Giám đốc sở kiểm lâm” canh gác hai ông “Tà”. Ông thần này thích “chạy nhảy lung tung” hết rừng này tới núi nọ và cứ mỗi năm đến mùa nắng nóng thì mò lên Giếng Tiên để tắm. Nghe sao kể vậy, còn đúng sai thế nào thì thật tình tôi đây cũng “bù”.

6. Đồng Cá Sấu

Qua khỏi Râm Tiếng chừng một đôi, có một ngã rẽ về bên phải. Đi thêm vài cây số nữa thì đến một cánh đồng hoang nằm gọn lỏn giữa một khu rừng già mênh mông. Giữa cánh đồng có một đầm nước sâu. Người làm rừng gọi cánh đồng này là “Đồng Cá Sấu”. Địa danh thường thường được người ta dựa vào một biểu tượng nào đó để đặt ra. Đồng cá sấu cũng vậy, vì ngay trên mé rừng dọc theo cánh đồng có một hòn đá nổi, hình thù giống hệt một con cá sấu đang nằm. Chiều dài khoảng chừng ba thước, bề ngang khoảng năm tấc. Trên lưng có một vết sẹo dài vắt chéo từ chân trái ở trước đến chân phải phía sau. Ngoài ra bên hông còn có ba dấu chân lõm sâu vào khoảng một lòng tay. Trong một buổi trà dư tửu hậu, tôi nghe người ta kể rằng, khi xưa có một gã nông phu đang cày ruộng, bất chợt có một con cá sấu thật lớn bò đến. Người nông phu này dùng roi cày và đôi chân giết chết con sấu. Con sấu nằm đó lâu năm, biến thành hòn đá với vết tích còn hằn rõ trên lưng. Chuyện thật đấy. Nếu độc giả nào không tin, chịu khó “bao” tôi về Việt Nam một chuyến, tôi bảo đảm sẽ đưa đến tận nơi để xem cho biết (!).

Núi rừng quê tôi còn nhiều chuyện để kể lắm. Nhưng già rồi trí nhớ không còn như xưa, nên nhớ đâu kể đó vài chuyện cho vui, và cũng xin nói rõ đây không phải là một tài liệu biên khảo.

-
- (1) Núi Ông nằm phía tây thành phố Phan Thiết,
 - (2) Đầu mối là giao điểm của lối mòn xe bò và con đường sắt.
 - (4) Có người nói ngoài Bắc gọi là “chim linh”, còn ở quê tôi thì gọi là “chim chuông”.

Ông Hai Sẹo

Ông Hai Sẹo ngồi trên chiếc chiếu cũ, trải ngay trên lề con hẻm dẫn đến nhà em gái tôi. Ông chỉ mặc một chiếc quần đùi, tay cầm cây quạt bằng lá buông, vừa phe phẩy cho mát vừa đập mấy con ruồi. Rất hiếm thấy Hai Sẹo ngồi uống rượu với bạn bè. Thường thì ông ngồi một mình với một xị rượu và một đĩa mồi nhỏ. Ông rất dễ dãi với mọi người, kể cả đám trẻ con thường hay nghịch ngợm, phá phách. Người ta gọi ông là Hai Sẹo vì trên trán ông có hai vết sẹo nhỏ, còn tên thật của ông là gì thì không ai biết. Con hẻm nằm trong khu vực thành Ô Ma. Một số gia đình bỏ quê chạy về Sài Gòn kiếm sống. Họ đến đây dựng những căn lều nhỏ, nằm sát nhau. Lúc đầu độ chừng vài chục gia đình, nhưng dần dần, cả con hẻm không còn chỗ nào trống. Ban ngày, khu nhà ổ chuột này chỉ thấy trẻ em và người già. Chiều tối con hẻm mới trở nên ồn ào đông vui. Ông Hai Sẹo là người sau cùng đến cắm dùi ở khu ổ chuột này. Ông sống hòa đồng, cởi mở, vui vẻ với mọi người nên chẳng ai buồn để ý, tò mò, tìm hiểu đời tư của ông làm gì. Chỉ biết ông là người miệt lục tỉnh và đến sống ở đây một mình. Nghe nói ông làm công nhân khuôn vác cho một kho hàng xuất nhập cảng tận trong Chợ Lớn. Có lẽ vì vậy mà người ta chỉ thấy ông xuất hiện vào buổi chiều, khi thành phố sắp lên đèn.

Có một điều trùng hợp khá lý thú, ở con hẻm này cũng có một ông tên là Hai Sẹo. Nhưng cái tên Hai Sẹo này được xác định lý lịch hẵn hoi, gần như mọi người ở đây đều biết rõ về cái quá khứ thú vị quắc của lão. Để dễ phân biệt, tôi xin tạm gọi lão là ông Sẹo Ngực, bởi vì hai vết sẹo của lão nằm trong ngực, chéo lên nhau, hình như do bàn tay con người chứ không phải do một tai nạn nào đó gây ra. Mỗi lần uống rượu cao hứng, lão thường vạch áo ra và đồng dục tuyên bố thẳng Hai Sẹo này không ngán ai đâu. Bọn lính tao còn không coi ra gì ờ... ờ...

Có lần ngang qua chỗ Hai Sẹo ngồi uống rượu, lại nhằm lúc lão Sẹo Ngực vừa vạch áo vừa la lối om sòm, ông Hai Sẹo nhìn tôi phân bua, cái quá khứ của hắn thúi hơn cứt, khai hơn nước đái mà lúc nào hắn cũng vạch áo ra cho thiên hạ xem. Ông trời cũng trớ trêu thật. Hai cái sẹo của hắn đáng giấu, hắn lại cứ khoe ra. Còn hai cái sẹo của tôi, nói thiệt nghe, nó rất xứng đáng được khoe ra, nhưng tôi muốn giấu lại không làm cách nào giấu được, hề... hề..., Ồ sẵn dịp, ngồi xuống làm một chén chơi anh Hai.

Tôi ngồi xuống ở một góc chiếu nói cảm ơn. Ông Hai sẹo cầm xì rượu rót vào cái chén nung bằng đất sét. Nét mặt ông thoáng một chút vui. Tôi nốc cạn chén rượu rồi nói băng quơ, không cần đâu. Ông Hai sẹo nhìn chăm bẵm vào mặt tôi cất cao giọng nói sao không? Tôi ngược mặt nhìn trời. Bầu trời trước mắt tôi dường như bị thu hẹp lại thành một vệt sẫm đục vắt ngang đỉnh đầu. Tôi thở dài sườn sượt nói, ở đời ai cũng có một vết tích gì đó để giấu và để khoe. Có người, vết tích hẳn rõ bên ngoài. Có người lại chìm khuất bên trong. Nhưng dù trong, dù ngoài, dù xấu, dù đẹp gì rồi cũng khổ vì nó thôi. Ông Hai Sẹo giương cặp mắt sáng quắc nhìn tôi nói, có chút triết lý. Tôi nói, hình như vậy. Ông Hai Sẹo tò mò, anh nói giống như anh cũng có một vết sẹo đang nằm đâu đó. Có chứ. Nó nằm trong tim tôi. Ông Hai Sẹo nhìn theo một người đàn bà vừa mới ngang qua, miệng lẩm bẩm, cũng tại đàn bà cả. Ông chép chép miệng rồi quay qua tôi nói, ồ vậy thì không cần phải bận tâm. Không ai nhìn thấy được đâu... ờ... ờ... mà anh cũng không làm cách nào banh nó ra để khoe với thiên hạ được... hề... hề. Tôi nói, không phải thiên hạ mà là một người. Một người đàn bà. Đúng. Ông nói đúng. Là một người đàn bà. Vết sẹo trong tim tôi do bà ta gây ra nhưng chính bà ta cũng không hề hay biết. Còn tôi thì cho đến bây giờ vẫn không đủ can đảm mổ ngực mình ra cho bà ấy xem! Thôi nhé. Cảm ơn chén rượu. Chào.

Đèn đường bật sáng. Con bóng của tôi ngã dài trên mặt đường loang lổ dẫn đến cuối con hẻm, và đó là lần sau cùng tôi ngang qua con hẻm này. Mãi về sau, tôi mới có dịp ghé ngang thành Ô Ma, nhưng con hẻm lúc này chỉ còn những cột đèn, những đồng rác, và vài ba con chó đói cụp đuôi bỏ chạy khi nhìn thấy tôi...

Dòng đời trôi tuột trên mỗi số phận con người. Không ngờ tôi lại gặp ông Hai Sẹo ở cái thị trấn buồn hiu này. Ông đã già đi nhiều, làm nghề hớt tóc. Tôi ngạc nhiên ồ! ông Hai Sẹo! Ngọn gió nào thổi ông tấp vào cái thị trấn này vậy? Ông Hai sẹo nói không phải gió mà dòng đời”. Tôi thờ dài “ờ đúng há. Mà này ông Hai Sẹo, ông có biết là mỗi con người sống trên đời này đều chuẩn bị cho mình một lối thoát không?” Ông Hai Sẹo dừng tay nhìn tôi nói “Nhưng dường như không mấy ai thoát thân từ cái lối do mình chọn sẵn!...” Ông khách ngồi chờ hớt tóc xen vào “Hai ông nói điều khó hiểu. Tôi thì cho rằng cái lối thoát duy nhất của con người đều được định sẵn bởi một đấng tối cao nào đó”. Thấy cuộc đối thoại sắp đi vào một đề tài mà cả đời tôi luôn tránh né. Tôi vội lảng sang chuyện khác “Này ông Hai Sẹo, lâu ngày gặp lại, có muốn tôi nay mình lai rai chơi một chút không?” Ông hai sẹo nó “Nhưng tôi không biết nhà ông ở đâu”. “Đợi tôi ở đây, 6 giờ tôi quay lại chờ ông”. Ông Hai Sẹo gật đầu...

Lá Thu

Văn Vui

*“Con nai vàng ngơ ngác”
Đạp trên lá vàng khô”*

Lưu Trọng Lư

Trời ui ui. Gió nhẹ. Một vài chiếc lá màu vàng nhạt theo gió là đà rơi xuống nằm tro vơ trên thảm cỏ xanh.

*“ngô đồng nhất điệp lạc,
thiên hạ cộng tri thu”*

(Khuyết danh)

Tôi đọc nho nhỏ hai câu thơ cổ với một nỗi buồn mông lung vời vời.

- Nay em, mùa Thu lại trở về phải không em?
- Thì tất nhiên, hết Hạ rồi tới Thu. Cái vòng lẩn quẩn này đã có từ thời khai thiên lập địa rồi cơ mà, có gì lạ đâu!

Tôi cụt hứng. “Thì ra trong cái ngõ ngách sâu thẳm của tâm hồn một thi nhân, nó chứa đựng một cái gì đó mà đôi khi người thường không thể nào cảm nhận được”

- Đồng ý, nhưng khi nhìn lá thu rơi sao anh cảm thấy nó vừa dễ thương vừa buồn buồn làm sao ấy!

- Lại nữa. Không biết sao mấy ông Thi sĩ lại có cái nhìn kỳ cục như vậy. Xuân thì cỏ cây đâm chồi nẩy lộc, đơm hoa kết trái. Động vật thì cảm thấy hứng thú muốn làm cái... chuyện ấy để sinh sôi nẩy nở bảo tồn nòi giống mà người ta thường gọi là nhịp mùa... có gì lạ đâu?

- Đơn giản vậy sao?

- Chứ còn gì nữa. À quên, còn nữa, mỗi lần tới mùa Xuân thì anh rủ ông Sáu Ngồi đi câu, bỏ em ở nhà một mình buồn thấy mò.

- Còn mùa Hạ thì sao?

Nguyễn Đức Nhơn 189

- Thì nóng chớ sao. Ôi chào! Nói đến, em thấy ghét cái tiêu bang Tết Xìt này quá chừng. Nóng ời là nóng! Mỗi lần đến mùa Hạ là em muốn điên người lên. À này, anh còn nhớ cái bài hát gì mà có câu:

“Mùa hè năm nay anh sẽ đưa em vòng khắp cả...”

Thấy hôn? Mùa hè người ta đưa bà xã đi du lịch tùm lum, còn anh, nhiều lắm là dẫn em đi hồ câu cá. Vậy mà còn bày đặt nói “đây là cái thú tao nhã, có lợi cho sức khỏe. Nào là... nào là... Báo hại làm người ta bị kiến cắn cái đít sưng chù vù. Còn mùa Đông thì...

- Thôi được rồi! không cần nói, cái mùa Đông của em anh biết quá rồi, nào là nó lạnh, nó đông đá, nó... nó...”

- Chứ em nói vậy không đúng à?

- Ủ! Thì đúng... mà này em! Em có biết ông Lưu Trọng Lư không vậy?

- Ủa, sao tự nhiên anh lại hỏi sang đâu vậy? Ông Lưu Trọng Lư nào? Ông có ở gần đây không? Trong số bạn câu của anh, em đâu có nghe cái tên Lưu Trọng Lư? Chắc ông câu nghề lắm hả anh?

- Em ời là em ời! Ông Lưu Trọng Lư là một Thi sĩ nổi tiếng. Ông ta làm bài thơ “Tiếng Thu” ai mà không biết. Này anh hỏi thiệt nghe, hồi đó em có học Việt văn không vậy?

- Có chứ. Thầy em là Giáo sư Trần Văn, ông ấy dạy tụi em cả một đồng nhà thơ, nhà văn nhưng... hề... hề... bây giờ em quên hết rồi.

- Trời đất! Nói chuyện với em một hồi chắc anh điên mất.

Tôi nỏ cái ngẫu ngẫu bỏ vào nhà giống như một cô gái nhõng nhẽo, giận hờn người yêu!

Một hôm, đang cặm cuội ngồi “gõ” cho xong cái truyện ngắn chọt nghe có tiếng rào rào ở vườn sau. Tôi mở cửa bước ra thì thấy vợ tôi đang cào... lá Thu!

Bà nhìn tôi ra vẻ ân cần:

- Này anh, nghe nói Thi Sĩ chỉ cần một lá Thu thôi cũng đủ làm được một bài thơ. Em nhường cái sân lá thu này để anh

làm... thơ nhé! Chắc nó đủ cho anh cảm hứng làm hàng trăm hàng ngàn bài thơ đó.

- Em à! Lá thu thường gợi cảm hứng cho người làm thơ thật. Nhưng Thi sĩ chỉ cần một lá cũng đủ... gây cảm hứng rồi. Một chiếc lá vàng óng-a-óng-ánh-nhẹ-nhàng-lả-luớt-lượn-quả-lượn-lại như hồi em mới gặp anh thì mới có đủ sức gợi hứng cho người ta làm thơ chứ. Còn cái đồng rác... úi quên, cái đồng lá Thu này, ôi chao!... Thôi thì em giúp anh tạo nên một hình ảnh thật thơ mộng để anh làm một bài thơ “tuyệt tác” hay gấp trăm ngàn lần bài Tiếng Thu của ông Lưu Trọng Lư để mấy ông Thi sĩ nhà mình lóe mắt chơi, em chịu hôn?

- Mà làm cảnh thế nào?

- Này nhé, Lưu Trọng Lư tả cảnh trong rừng Thu là “con nai vàng ngơ ngác. Đạp trên lá vàng khô”. Nói thiệt nghe, hai câu thơ này dở ợc, con nai đạp trên lá vàng khô thì làm sao đẹp và thơ mộng bằng một người đàn bà đẹp cào rác, úi quên, cào lá Thu. Cái dáng dấp của một người đàn bà, tay cầm cây cào cỏ, thân hình uốn qua, ẹo lại bước tới bước lui. Nếu là một người bình thường thì hình ảnh này không có gì lạ đâu, nhưng đối với anh nó gợi lên một hình tượng thơ mộng vô cùng. Anh sẽ ngồi đây nhâm nhi cà phê rồi tưởng tượng em đang cùng anh bước đi từng bước nhịp nhàng theo điệu nhạc tăng gô trên lá... Ôi chao, anh bảo đảm sẽ làm một bài thơ tuyệt vời để... tặng em!”

- Này ông bạn già của tôi ơi! Chịu khó cầm cây cào lên giùm đi. Cào cho hết cái sân lá Thu này rồi tha hồ mà nói dóc. Tha hồ mà tán hươu tán vượn.

- Này này, em bỏ đi đâu vậy? Còn cái sân lá?... Cái sân lá?...”

- Cái sân lá... Thu đầy thơ mộng... em nhường lại cho anh thưởng thức đây. À này, sao trông anh giống cái “con khỉ già ngơ ngác, đạp trên lá vàng khô dữ vậy hè?!...”

Báo hại làm tôi phải dọn dẹp hết cái “back yard” đầy lá thu, mồ hôi đổ ra như tắm. Tôi cảm râm:

Nguyễn Đức Nhơn 191

“Con mẹ vợ già này khôn tổ mẹ. Mình mới tán dóc mấy câu chọc bà cho vui, nào ngờ bà phản pháo làm mình hết đường đỡ”.

Tôi đang cầm cỏ cào lá, bỗng cái cào đứng cứng ngắt, tôi cố sức cào thật mạnh nhưng không kéo nổi. Tôi ngừng cào đứng thờ dốc, bỗng dung cái cán cào động đập trên vai. Tôi vốn là người rất sợ ma. Tôi hết hồn bỏ cán cào nhảy qua một bên. Trời ơi là trời! Mẹ vợ tôi đứng sau lưng tôi hồi nào không hay, mới nói lên bà (chớ tôi đâu dám nói trước mặt). Tôi giả vờ làm thân:

- Em ra hồi nào mà anh không hay. Em thấy anh giỏi chưa? Mới đó mà sắp xong công việc rồi đó. Tôi chưa hết lời thì bà vợ tôi đứng chống nạnh hỏi:

- Anh nói xấu em đủ chưa vậy?

- Đâu có. Anh có nói xấu em cái gì đâu.

- Đừng có chối. Nếu anh không xin lỗi thì phải chờ đóng quần áo đi giặt. Nghe rõ chưa?

- Dạ nghe rõ rồi bà chần. Ủy quên bà xã.

Bà vợ tôi hứ một tiếng thật kêu rồi bỏ vào nhà. Tôi than thầm:

- Chết mẹ, tôi nay mình ngủ đâu trời?!!!





Nguyễn Đức Nhơn

Sinh năm 1943 tại Phan Thiết Bình Thuận

Hiện cư ngụ: Thành phố Temple,

Tiểu bang Texas, Hoa Kỳ.

Hội viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại

(Sinh hoạt tại Văn bút Nam Hoa Kỳ).

Chủ nhiệm Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương

www.hoiquantramhuong.com

Chủ nhiệm Tạp chí Trầm Hương

(Từ năm 2005 đến nay).

Chủ biên Tuyển tập thơ 7 Tác giả Miền Nam

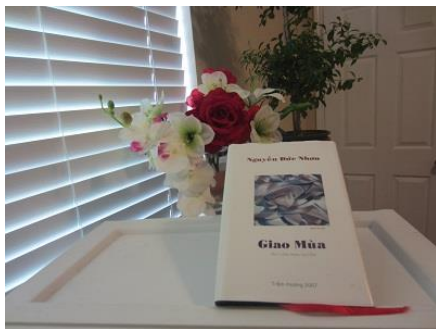
(trong và ngoài nước).

Chủ biên Tuyển tập thơ Bên Trời

(14 tác giả Miền Nam trong và ngoài nước)

Tác phẩm:

- *Giao mùa*
- *Mùa gió bắc*
- *Bóng tà huy*



CẢM TẠ

Chân Thành Cảm Ơn Quý Vị Và Các Bạn Đã
Nhiệt Tình Giúp Tôi Hoàn Thành

Tác Phẩm Này

Đặc Biệt Cảm Ơn

Nhà Thơ Vĩnh Tuấn Đã In Bìa Miễn Phí

Cảm Ơn Quý Anh Chị Em Thành Viên

Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Và

Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương

Trân Trọng

Nguyễn Đức Nhơn



*Quê nhà đâu nhỉ - Ngồi trông
Chiều nhìn khói sóng nghe lòng quặn đau.*



Thơ dịch và thực hiện Nguyễn Đức Nhơn

